

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TÀI LIỆU

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

(Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)

(Xuất bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:	ThS. ĐỖ PHƯƠNG MAI TS. HOÀNG MẠNH THẮNG BÙI BỘI THU
Trình bày bìa:	LÊ THỊ HÀ LAN
Chế bản vi tính:	NGUYỄN QUỲNH LAN
Đọc sách mẫu:	ThS. ĐỖ PHƯƠNG MAI VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4854-2020/CXBIPH/23-347/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 5631-QĐ/NXBCTQG, ngày 01/12/2020.
Nộp lưu chiểu: tháng 12 năm 2020.
Mã số ISBN: 978-604-57-6283-7.

TÀI LIỆU

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

(Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo ở cơ sở: Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở. - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 240tr.: hình vẽ, bảng; 19cm

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng
ISBN 9786045754696

1. Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Công tác tuyên giáo
3. Tài liệu bồi dưỡng

324.2597075 - dc23

CTF0459p-CIP

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TÀI LIỆU

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

(Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)

(Xuất bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

TS. BÙI TRƯỜNG GIANG

TẬP THỂ BIÊN SOẠN

PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

ThS. VŨ HỮU PHÊ

TS. NGUYỄN KIM PHƯỢNG

TS. LÊ ĐỨC HOÀNG

CN. NGUYỄN MINH THỦY

ThS. MAI YẾN NGA

ThS. ĐÀO MAI PHƯƠNG

ThS. ĐINH VĂN BẮC

ThS. TRẦN THỊ THÙY

TS. LUÔNG CÔNG LÝ

CN. TRƯỜNG NGỌC VINH

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác tuyên giáo ở cơ sở là một bộ phận hợp thành trong hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, một công tác trọng yếu của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mỗi người dân; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân nhằm biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực, thành phong trào hành động cách mạng của quần chúng; góp phần giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

Nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ công tác tuyên giáo ở cơ sở, Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tái bản cuốn sách: **Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo ở cơ sở (Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)**.

Cuốn sách gồm 6 chuyên đề, phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn chung và các nội dung cụ thể về công tác tuyên giáo ở cơ sở: công tác giáo dục lý luận chính trị và giáo dục truyền thống cách mạng; công tác tuyên truyền, cổ động; công tác văn hoá, văn nghệ; nắm bắt dư luận xã hội và xử lý tình huống có vấn đề, “điểm nóng”; công tác khoa giáo. Mỗi chuyên đề được viết ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, đã phân tích những vấn đề lý luận chung và làm rõ một số công tác nghiệp vụ của từng nội dung trong công tác tuyên giáo ở cơ sở, được sơ đồ hóa và có các ví dụ minh họa giúp cho cán bộ tuyên giáo ở cơ sở dễ nắm bắt, có thể vận dụng được trong hoạt động thực tiễn.

Cuốn sách nhận được sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học: PGS.TS. Nguyễn Viết Thông, PGS.TS.NGND. Nguyễn Bá Dương, PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Ngô Tuấn Nghĩa, PGS.TS. Nguyễn Tài Động.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách tới các đồng chí cùng đồng đảo bạn đọc.

Tháng 02 năm 2020
BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chuyên đề 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

1. Các khái niệm cơ bản

a) Tư tưởng và công tác tư tưởng

- *Tư tưởng* là sự phản ánh hiện thực trong ý thức, là biểu hiện về quan hệ của con người với thế giới xung quanh¹. *Hệ tư tưởng* là những tư tưởng, quan điểm, quan niệm đã được hệ thống hóa thành lý luận, thành học thuyết về xã hội, phản ánh và bảo vệ lợi ích của một giai cấp nhất định được giai cấp đó thừa nhận và truyền bá².

1. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Chương trình bồi dưỡng chuyên đề công tác tuyên truyền miệng, báo cáo viên*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2008, tr.7 (dẫn theo *Từ điển triết học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.877).

2. Xem Lương Khắc Hiếu: *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017, tr.9.

- *Công tác tư tưởng* là hoạt động có mục đích của một giai cấp, một chính đảng, nhằm hình thành, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của giai cấp đó trong quần chúng, làm cho hệ tư tưởng đó trở thành hệ tư tưởng chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần xã hội, thúc đẩy quần chúng tích cực, tự giác đi tới hành động xây dựng và bảo vệ chế độ của giai cấp đó.

+ Công tác tư tưởng trong chủ nghĩa xã hội là hoạt động có mục đích của Đảng Cộng sản nhằm phát triển, truyền bá hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, biến hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa thành hệ tư tưởng chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần xã hội, động viên, cổ vũ tính tích cực, tự giác, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa¹.

+ Công tác tư tưởng gồm ba hình thái (bộ phận cấu thành): công tác lý luận, công tác tuyên truyền và công tác cổ động. Ba hình thái này có mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ với nhau.

Công tác lý luận là quá trình hình thành, phát triển sáng tạo hệ tư tưởng và vận dụng hệ tư tưởng để đề ra đường lối, chiến lược, sách lược. Công tác tuyên truyền tiếp nối công tác lý luận, nhằm truyền bá lý luận,

1. Xem Lương Khắc Hiếu: *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.20.

xây dựng nhận thức mới, củng cố niềm tin và cỗ vũ hành động. *Công tác cỗ động* là khâu cuối cùng quyết định việc chuyển hóa lý luận đã được nhận thức, niềm tin đã được xây dựng và củng cố thành hành động cách mạng. Thiếu sự nối tiếp của công tác cỗ động thì công tác lý luận và tuyên truyền không đạt tới mục đích thực tiễn là thay đổi hành vi, cỗ vũ hành động tích cực, sáng tạo của con người.

Trong thực tiễn công tác tư tưởng không được lấn lộn hình thái này với hình thái kia, nhất là giữa tuyên truyền và cỗ động. Mặt khác, cần phôi hợp sử dụng cả ba hình thái sao cho phù hợp với các quá trình tư tưởng đang diễn ra, phù hợp với đặc điểm riêng biệt của từng hình thái, đồng thời quan tâm chỉ đạo để cả ba hình thái hoạt động nhịp nhàng, cân đối, đồng bộ.

+ Nhận thức về công tác tư tưởng cần lưu ý một số điểm sau:

Công tác tư tưởng chỉ tồn tại trong xã hội có giai cấp, có hệ tư tưởng, các thiết chế tư tưởng và những người hoạt động tư tưởng. Không chỉ giai cấp vô sản tiến hành công tác tư tưởng mà mọi giai cấp có hệ tư tưởng đều tiến hành công tác tư tưởng để phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của giai cấp mình.

Công tác tư tưởng xuất hiện và tồn tại để thực hiện mục đích mà giai cấp thống trị đặt ra, đó là:

hình thành, truyền bá hệ tư tưởng và động viên, thúc đẩy con người hành động xây dựng và bảo vệ chế độ mà giai cấp đóng vai trò chủ thể hệ tư tưởng là giai cấp thống trị.

Công tác tư tưởng là một hoạt động xã hội mang tính quá trình, gồm 3 quá trình cơ bản, đó là: hình thành, sáng tạo hệ tư tưởng (công tác lý luận); truyền bá hệ tư tưởng - quá trình “tái sản xuất” hệ tư tưởng (công tác tuyên truyền) và biến hệ tư tưởng thành hành động hiện thực thông qua vai trò của quần chúng nhân dân - quá trình “vật chất hóa” hệ tư tưởng (công tác cổ động).

b) Công tác tư tưởng - văn hóa

Trong các sách, báo, tạp chí và trong thực tiễn hoạt động công tác tư tưởng, cụm từ “công tác tư tưởng - văn hóa” được sử dụng rộng rãi, thường xuyên. Cụm từ này được sử dụng phổ biến khi Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương.

Qua các giai đoạn lịch sử, từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng, công tác tư tưởng được bổ sung các nội dung mới về văn hóa, văn nghệ, gọi là công tác tư tưởng - văn hóa. Với quan điểm thống nhất, xuyên suốt các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Văn hóa là nền tảng

tinh thần, là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội”, công tác tư tưởng - văn hóa chính là xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, làm cho hệ tư tưởng của Đảng ta trở thành hệ thống chi phối đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, trong mỗi sáng tác văn học nghệ thuật, quảng bá văn hóa, lễ hội và các hoạt động văn hóa khác... qua đó, thúc đẩy, cổ vũ Nhân dân xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Về thực chất thì khái niệm công tác tư tưởng và công tác tư tưởng - văn hóa thống nhất với nhau.

c) Công tác tuyên giáo

Khái niệm công tác tuyên giáo gắn với việc hợp nhất Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương với Ban Khoa giáo Trung ương thành Ban Tuyên giáo Trung ương, cùng với đó là sự hợp nhất và hình thành những cơ quan này tại các địa phương, tạo thành tổ chức, bộ máy ngành tuyên giáo từ Trung ương tới cơ sở. Theo đó, công tác tuyên giáo là sự thống nhất biện chứng giữa công tác tư tưởng và công tác khoa giáo (bao gồm: khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình, trẻ em)¹.

1. Xem Quyết định số 144-QĐ/TW, ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Theo nghĩa rộng, công tác tuyên giáo là hoạt động có mục đích của chủ thể làm công tác tuyên giáo nhằm phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đưa chủ trương, quan điểm của Đảng về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình, trẻ em... vào cuộc sống; từ đó động viên, thúc đẩy toàn xã hội hành động một cách tự giác, tích cực thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Theo nghĩa hẹp hơn, công tác tuyên giáo dùng để chỉ hoạt động cụ thể, các mặt công tác của ngành tuyên giáo. Tuyên giáo là một ngành, một lĩnh vực công tác của Đảng, có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở.

Thực hiện công tác tuyên giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là các cấp ủy đảng, nòng cốt là ngành tuyên giáo. Công tác tuyên giáo được tiến hành tại tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị, trường học, lực lượng vũ trang..., trong đó công tác tuyên giáo ở cơ sở đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

2. Khái quát chung về công tác tuyên giáo ở cơ sở

a) Vị trí, vai trò

- Vị trí.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở là một bộ phận hợp thành trong hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, một công tác trọng yếu của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở cơ sở; xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Vai trò.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở trước hết nhằm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mỗi người dân; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân nhằm biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực, thành phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự thống nhất cao trong tổ chức đảng, sự đồng thuận trong xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở cơ sở.

b) *Nội dung công tác tuyên giáo ở cơ sở*

- *Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở*: Đây là nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức lý luận chính trị, thế giới quan duy vật biện chứng, nhân sinh quan cộng sản, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bồi đắp lòng yêu nước, yêu quê hương, tình cảm cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở thông qua việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng của đảng bộ và nhân dân.

- *Công tác tuyên truyền* là hoạt động phổ biến, truyền bá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và chiến đấu. Thông tin kịp thời tình hình thời sự, chính trị..., định hướng tư tưởng trước các sự kiện tác động đến tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở cơ sở; đồng thời phê phán các

quan điểm sai trái, thù địch, tin đồn và tài liệu xấu lan truyền, phát tán tại cơ sở.

- *Công tác cổ động* là hoạt động cổ vũ, thúc đẩy sự chuyển biến nhận thức tư tưởng, niềm tin thành hành động cách mạng cụ thể, thành phong trào quần chúng rộng rãi một cách tích cực, tự giác.

- *Công tác văn hóa - văn nghệ* nhằm bảo đảm phản ánh đúng chủ trương, đường lối của Đảng, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua hoạt động văn hóa - văn nghệ, qua đó, không chỉ thỏa mãn nhu cầu của nhân dân mà hơn hết là trang bị thế giới quan cách mạng, nhân sinh quan cộng sản, giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng, niềm tin vào chế độ, vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

- *Công tác dư luận xã hội* nhằm nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng tư tưởng, dư luận xã hội ở cơ sở. Công tác dư luận giúp cung cấp thông tin, dự báo tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội để cấp ủy, chính quyền cơ sở giải quyết, không để thành các “điểm nóng”, bức xúc xã hội, khiếu kiện kéo dài; đồng thời có thêm cơ sở trong việc đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, bịa đặt, thông tin trái chiều... hòng chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

- *Công tác khoa giáo* nhằm tham mưu xây dựng quan điểm, chủ trương của Đảng về lĩnh vực khoa giáo (khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình và trẻ em); đồng thời tuyên truyền, phổ biến, đưa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực khoa giáo vào cuộc sống; cổ vũ, thúc đẩy hệ thống chính trị và toàn xã hội tích cực, tự giác thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách đó. Thông qua đó, công tác khoa giáo góp phần trực tiếp phát huy nguồn nhân lực, xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền kinh tế tri thức; bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội...

c) *Nhiệm vụ của công tác tuyên giáo ở cơ sở*

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có 6 nhiệm vụ cơ bản, cụ thể là:

Một là, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, từ đó xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, lý tưởng, lẽ sống, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; kiên quyết bảo vệ

nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch.

Hai là, phổ biến, quán triệt sâu rộng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để nâng cao nhận thức và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Không ngừng đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền để đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Đây là nhiệm vụ phải được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Ba là, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ động, tự giác, tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong mỗi giai đoạn; chỉ đạo, hướng dẫn, cổ vũ thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước và các phong trào xã hội khác ở cơ sở; coi trọng công tác nêu gương, chú trọng việc bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình, nhân tố mới, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị trong từng giai đoạn.

Bốn là, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, đơn vị, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Năm là, điều tra, nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời xử lý tin đồn, giải quyết “điểm nóng”, các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để xảy ra khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện tập thể, “điểm nóng” ở cơ sở; giáo dục ý thức cảnh giác, chống các hoạt động “diễn biến hòa bình”, cơ hội chính trị, lôi kéo, chia rẽ khói đoàn kết toàn dân ở cơ sở.

Sáu là, tích cực phổ biến, tuyên truyền, đưa nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực của công tác khoa giáo vào cuộc sống, thực hiện tốt công tác khoa giáo ở cơ sở; phát hiện những bất cập để đề xuất giải pháp khắc phục, góp phần hoàn thiện các quan điểm, chủ trương, chính sách về các lĩnh vực khoa giáo.

d) Nguyên tắc, phương châm của công tác tuyên giáo ở cơ sở

- *Nguyên tắc*.

+ *Nguyên tắc tính đảng*: Tính đảng là nguyên tắc cơ bản nhất của công tác tuyên giáo. Công tác tuyên giáo

phải đứng vững trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ động đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng thù địch, phản khoa học, đi ngược lại với lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia, dân tộc. Công tác tuyên giáo ở cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đảng, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền; góp phần xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

+ *Nguyên tắc tính khoa học*: Công tác tuyên giáo được tiến hành trên cơ sở khoa học, tuân theo các quy luật vận động, biến đổi của tự nhiên, xã hội, tư tưởng, bảo đảm tính khách quan, vừa cụ thể vừa toàn diện. Công tác tuyên giáo được tiến hành có kế hoạch, nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng nhu cầu giải đáp những vướng mắc và định hướng tư tưởng cho mọi đối tượng. Công tác tuyên giáo phải sử dụng các phương tiện tác động ngày càng hiện đại.

+ *Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn*: Công tác tuyên giáo phải xuất phát từ thực tiễn và phục vụ thực tiễn; đồng thời phải được soi sáng, định hướng bằng lý luận, được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách khoa học.

- Phương châm.

Phương châm công tác tuyên giáo là những định hướng có tính chỉ đạo trong hoạt động tuyên giáo. Tùy theo đặc điểm, nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đất nước, của ngành tuyên giáo, của địa phương mà xác định phương châm cho phù hợp, đem lại hiệu quả cao trong công tác. Có phương châm chung và phương châm cho từng lĩnh vực công tác trong từng thời điểm, nhiệm vụ cụ thể.

Phương châm công tác tuyên giáo ở cơ sở có thể khái quát như sau:

- + Gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, với phong trào cách mạng của quần chúng, với từng đối tượng ở cơ sở.
- + Kết hợp chặt chẽ ba nội dung giáo dục: (1) Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Giáo dục kiến thức khoa học, kiến thức thực tiễn, tình hình, nhiệm vụ của địa phương, cơ sở; (3) Giáo dục phẩm chất và đạo đức cách mạng.
- + Kết hợp công tác tuyên giáo với công tác tổ chức và các mặt công tác khác.
- + Kết hợp giáo dục tư tưởng trong học tập với việc rèn luyện trong thực tiễn cách mạng.
- + Kết hợp giáo dục tư tưởng trong nội dung sinh hoạt của tất cả các tổ chức, kết hợp công tác tư tưởng trong Đảng với công tác tư tưởng trong xã hội.

+ Kết hợp bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng với phê phán mạnh mẽ những biểu hiện tư tưởng sai trái; biểu dương những ưu điểm đi đôi với phê bình những khuyết điểm.

Ngoài ra, còn có nhiều cách diễn đạt về phương châm công tác tuyên giáo ở cơ sở như: “Công tác tuyên giáo đi trước, đi cùng, đi sau công tác thực tiễn”, “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “hướng về cơ sở, xây đi đôi với chống”, “nói đi đôi với làm, làm đúng những gì đã nói”, “không đánh trống bỏ dùi”, “không trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, “nhanh nhẹn, hiệu quả, phù hợp, thuyết phục”...

II- LỰC LUỢNG TIẾN HÀNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

Công tác tuyên giáo ở cơ sở do ban tuyên giáo đảng ủy xã/phường/thị trấn (sau đây gọi tắt là ban tuyên giáo đảng ủy xã) và cấp ủy cơ sở cùng các lực lượng phối hợp tiến hành công tác tuyên giáo đảm nhiệm.

1. Ban tuyên giáo đảng ủy xã

Ban tuyên giáo đảng ủy xã có cơ cấu bao gồm các thành viên trong đảng ủy xã được phân công kiêm nhiệm công tác tuyên giáo xã, chủ yếu theo mô hình sau: Trưởng ban (hoặc phụ trách) là đồng chí bí thư hoặc đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy. Phó trưởng ban

là đồng chí phó chủ tịch phụ trách văn hóa - xã hội của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Ngoài ra, các thành viên của ban tuyên giáo đảng ủy xã còn bao gồm: các đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; bí thư Đoàn Thanh niên; cán bộ phụ trách văn hóa; chủ tịch Hội cựu chiến binh cấp xã...

a) *Chức năng*

Ban tuyên giáo đảng ủy xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy cùng cấp, có chức năng tham mưu và giúp việc cho cấp ủy về các mặt công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo, biên soạn, bổ sung lịch sử đảng bộ địa phương, đơn vị và trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên giáo trên địa bàn cơ sở.

b) *Nhiệm vụ*

Ban tuyên giáo đảng ủy xã giúp cấp ủy thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhận thức và sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức, lối sống, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

- Xây dựng kế hoạch công tác tư tưởng của đảng bộ, chi bộ trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh. Ban tuyên giáo vừa xây dựng kế hoạch (theo nhiệm kỳ đại hội của chi bộ, đảng bộ; kế hoạch năm, quý, tháng; kế hoạch thực hiện chương trình hành động của cấp ủy...) vừa trực tiếp tác nghiệp trên các lĩnh vực sau:

+ Giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, giáo dục, vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ban tuyên giáo cùng với mạng lưới cộng tác viên từ xã, phường đến thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, tổ nhân dân tự quản, các đoàn thể nhân dân, các nghiệp đoàn, hội... là lực lượng quan trọng trong công tác giáo dục cán bộ, đảng viên làm theo Điều lệ Đảng, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

+ Phát hiện kịp thời những vấn đề tư tưởng mới nảy sinh để tham mưu giúp cấp ủy đưa ra các biện pháp giải quyết. Phát hiện kịp thời gương người tốt, việc tốt để tuyên truyền và nhân rộng trong Đảng, trong nhân dân.

+ Hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra các lực lượng trong xã, phường, thị trấn, thôn, làng, ấp, bản, khu phố... thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng.

+ Trực tiếp chỉ đạo về nội dung chính trị, tư tưởng của các tài liệu phục vụ cho hoạt động tuyên truyền của mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, đội văn nghệ, đài truyền thanh, nhà văn hóa, điểm bưu điện - văn hóa, thư viện, tủ sách, bản tin,...

+ Hướng dẫn nội dung sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất của đảng bộ, chi bộ.

- Tham mưu kế hoạch, nội dung tiến hành cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” về tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống... Ban tuyên giáo đảng ủy xã phải xây dựng kế hoạch, xác định rõ nội dung, phương pháp, phối hợp lực lượng, tiến hành sơ kết theo từng đợt, từng chủ đề; báo cáo cấp ủy theo định kỳ và không định kỳ về tình hình diễn biến tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, đánh giá khả năng “đề kháng” của cán bộ, đảng viên, nhân dân trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, trong nước, địa phương; trước những khó khăn, biến động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

c) Phương thức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch hoạt động: bao gồm kế hoạch dài hạn (theo nhiệm kỳ Đại hội của đảng bộ, chi bộ); kế hoạch năm, quý, tháng; kế hoạch theo các chủ đề... Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, làm cơ sở cho các mặt công tác khác.

- Lên lịch sinh hoạt: họp định kỳ; giao ban tư tưởng định kỳ với cấp ủy; mạng lưới cộng tác viên (các đoàn thể chính trị - xã hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên, các nghiệp đoàn, các hội đoàn, các cơ quan giáo dục,

y tế...). Xây dựng chế độ báo cáo và phân công giải quyết công việc cho các thành viên của ban.

2. Các lực lượng phối hợp tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Ở xã, ngoài ban tuyên giáo đảng ủy xã theo cơ cấu nêu trên, công tác tuyên giáo còn có sự phối hợp tham gia của ban dân vận, ban công tác mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, cấp ủy các cơ quan, đơn vị như: trạm y tế, trường học, các đơn vị quân đội, công an, bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn,...

- Ở thôn, bản, làng, ấp, xóm, tổ dân phố, chi ủy chi bộ thực hiện các mặt công tác xây dựng đảng nói chung và công tác tuyên giáo nói riêng.

3. Cách thức phối hợp giữa các lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Căn cứ vào nhiệm vụ công tác tuyên giáo của cấp trên, cấp ủy cấp xã xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện.

+ Ban tuyên giáo đảng ủy xã chủ trì phối hợp với các lực lượng làm công tác tuyên giáo ở xã tham mưu kế hoạch, chương trình công tác trình cấp ủy.

+ Cấp ủy thông qua kế hoạch, chương trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng thực hiện.

+ Sau khi được cấp ủy thông qua, từng tổ chức, đơn vị phải cụ thể hóa kế hoạch, chương trình của mình.

- Công tác phối hợp thể hiện trên các nội dung, nhiệm vụ cụ thể tại địa phương như: tổ chức các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết, chỉ thị thông qua nhiều hình thức, phương tiện như: tổ chức các cuộc sinh hoạt chính trị, phát động các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức các ngày kỷ niệm, các sự kiện lớn của đất nước, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền miệng,...

- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ công tác tuyên giáo của các đoàn thể chính trị - xã hội, các đơn vị trên địa bàn.

III- ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình công tác tuyên giáo ở cơ sở trong những năm qua

a) Những kết quả đạt được

Công tác tuyên giáo có vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng. Trong những năm gần đây, trước những yêu cầu của tình hình mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết,

chỉ thị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên giáo. Ngày 18/3/2002, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới. Ngày 01/8/2007, Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và XII của Đảng tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò và những yêu cầu mới đối với công tác tuyên giáo: “Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên”¹, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lý luận², “tăng cường công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội”³; “tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, phù hợp với từng giai đoạn, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.255, 22.

quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả”¹.

Trong những năm qua, công tác tuyên giáo đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận có bước được nâng lên. Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tích cực đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh hơn².

Đóng góp vào thành tựu chung đó, công tác tuyên giáo ở cơ sở đã được các cấp ủy đảng, ban tuyên giáo các cấp quan tâm, chỉ đạo sâu sát hơn, đầu tư lực lượng, cơ sở vật chất... ngày càng tốt hơn và đạt được những kết quả quan trọng:

- Tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của quê hương, đất nước.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202, 186.

- Tuyên truyền, triển khai, theo dõi, đôn đốc cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần đưa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách vào cuộc sống, tạo sự nhất trí trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân để triển khai thực hiện. Nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã nhanh chóng đến với nhân dân, được nhân dân hào hứng, phấn khởi đón nhận và tự giác thực hiện, đạt kết quả tốt.

- Cỗ vũ tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường; động viên các tầng lớp nhân dân phát huy tài năng, sáng kiến, mạnh dạn đầu tư cho sản xuất, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, vươn lên làm giàu, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh. Những gương điển hình về phát triển sản xuất, khôi phục và phát triển làng nghề, giải quyết việc làm cho người lao động... ngày càng nhiều và được cổ vũ kịp thời, tạo nên sức sống mới ở nhiều địa phương, cơ sở.

- Nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn, giúp giải quyết tốt các yêu cầu, nhiệm vụ và những vấn đề bức xúc tại cơ sở. Nhiều địa phương đã làm tốt công tác tư tưởng cho nhân dân trong giải tỏa đất đai, nhà cửa, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, động viên

nhân dân góp công, góp của xây dựng các công trình làm đẹp cho quê hương.

- Góp phần tích cực vào việc tham mưu, đề xuất và vận động nhân dân đóng góp tài năng, sáng kiến cho các cấp lãnh đạo, quản lý để giải quyết những vấn đề ở cơ sở như phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, công tác giáo dục, y tế trên địa bàn,...

- Góp phần trực tiếp trong việc tuyên truyền, định hướng tư tưởng cho nhân dân tại địa phương đấu tranh chống các âm mưu kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

b) *Những hạn chế, yếu kém*

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác tuyên giáo nói chung và công tác tuyên giáo ở cơ sở nói riêng còn những hạn chế, yếu kém nên tình hình tư tưởng ở một số nơi có diễn biến phức tạp. Đảng ta chỉ rõ: “Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chưa cao. Chậm khắc phục có hiệu quả những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, chưa thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phòng, chống “tự diễn biến”,

“tự chuyển hóa” còn bị động, hiệu quả chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị còn nhiều bất hợp lý. Phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị còn lạc hậu”¹.

Công tác tuyên giáo có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ; chưa được tổ chức và tiến hành chu đáo, chặt chẽ, có biểu hiện buông lỏng, coi nhẹ, do vậy trong những tình huống nhất định còn thiếu chủ động, kịp thời, chưa bám sát thực tiễn.

Phương thức tổ chức triển khai các nhiệm vụ công tác tuyên giáo chậm đổi mới; công tác phối hợp giữa các lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở thiếu chặt chẽ, chưa tạo được sự phối hợp chủ động, thường xuyên.

Việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng chưa đạt chất lượng và hiệu quả cao, còn nặng về hình thức. Công tác tuyên truyền, học tập gương tốt, điển hình tiên tiến ở cơ sở còn yếu; thông tin tình hình thời sự, chính trị, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.192-193.

và Nhà nước còn chậm. Ở nhiều thôn xóm, các vùng sâu, vùng xa, cán bộ, đảng viên và nhân dân thiếu thông tin nên dễ bị kẻ xấu tuyên truyền, kích động, lừa mị, lợi dụng...

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa thực sự đi vào chiều sâu, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả của việc “làm theo” chưa đạt yêu cầu. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, có mặt còn diễn biến phức tạp hơn.

Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân có lúc còn chậm, do đó chưa chủ động và kịp thời định hướng thông tin, tạo sự thống nhất; một số vấn đề bức xúc chưa được giải quyết thấu tình, đạt lý ngay từ chi bộ.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở chưa thể hiện rõ tính chiến đấu trong đấu tranh chống các tư tưởng và hành vi sai trái, thù địch, chống tệ nạn xã hội, chống quan liêu, tham nhũng và suy thoái đạo đức, lối sống.

Cán bộ tuyên giáo ở cơ sở là lực lượng kiêm nhiệm, đội ngũ còn mỏng, chưa thực sự nhiệt tình, chưa dành thời gian cho việc nghiên cứu, triển khai các nội dung công tác tuyên giáo. Năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác tuyên giáo còn hạn chế.

Ở một số nơi, việc đầu tư cho công tác tuyên giáo ở cơ sở hạn chế cả về kinh phí, lực lượng và phương tiện.

c) *Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém*

Một là, nhận thức và quyết tâm của cấp ủy, ban tuyên giáo các cấp trong chỉ đạo, tổ chức, đầu tư và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng chưa ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ. Ở nhiều nơi, các hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong nhiều chỉ thị, nghị quyết nhưng thiếu biện pháp khắc phục có hiệu quả.

Hai là, việc thể chế hóa các quy định về công tác tuyên giáo ở cơ sở chưa được thực hiện đầy đủ, đồng bộ, thiếu quy chế phối hợp giữa các lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Ba là, nội dung, hình thức triển hành công tác tư tưởng còn chậm đổi mới, đơn điệu, xơ cứng, thiếu sinh động, chưa tận dụng được ưu thế của các phương tiện thông tin, truyền thông hiện đại qua internet, mạng xã hội...

Bốn là, lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở là các cán bộ, công chức kiêm nhiệm thực hiện, không có lực lượng chuyên trách. Công tác bồi dưỡng cán bộ làm công tác tuyên giáo về mọi mặt, nhất là về nghiệp vụ chuyên môn còn yếu. Chế độ, chính sách, nguồn lực đầu tư chưa có tác dụng động viên, khuyến khích cán bộ

cơ sở tâm huyết với công việc, chưa động viên đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng tham gia làm công tác tư tưởng.

Năm là, một số cấp ủy địa phương, đơn vị còn xem nhẹ, thiếu quan tâm chỉ đạo, buông lỏng khâu kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác tuyên giáo.

d) Một số kinh nghiệm trong tổ chức và hoạt động công tác tuyên giáo ở cơ sở

Thứ nhất, thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp phải thường xuyên chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo; thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra, rút kinh nghiệm hoạt động của ban tuyên giáo và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở. Phải phân công cán bộ theo dõi từng cơ sở, cụm cơ sở để chỉ đạo, hướng dẫn, đảm bảo cho công tác tuyên giáo ở các cơ sở hoạt động nhịp nhàng, đúng hướng, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Đối với các cơ sở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, ở các “điểm nóng”, ở vùng sâu, vùng xa... cần có cán bộ theo dõi, bám và nắm cơ sở thường xuyên để cùng với cấp ủy đảng, chính quyền và ban tuyên giáo cơ sở

tổ chức tiến hành công tác tuyên giáo đạt chất lượng, hiệu quả cao.

Thứ hai, phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Ở cơ sở, xác định rõ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp thống nhất các hoạt động công tác tuyên giáo; chính quyền (hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân) tham gia xây dựng nội dung, kế hoạch và tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động; ban tuyên giáo đảng ủy xã làm nòng cốt, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phân công cán bộ làm công tác tuyên giáo để tổ chức, tiến hành các hoạt động công tác tuyên giáo ở cơ sở được đồng bộ và rộng khắp.

Thứ ba, bám sát thực tiễn, kịp thời giải đáp những vấn đề tư tưởng, những băn khoăn, bức xúc của nhân dân ở cơ sở; nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Cấp ủy, ban tuyên giáo đảng ủy xã phải luôn bám sát đời sống, sản xuất và mọi mặt hoạt động, tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phân công cán bộ, đảng viên, cấp ủy và quần chúng bám sát tình hình, kịp thời phản ánh cho cấp ủy, cán bộ các cấp. Khi có dấu hiệu bất thường hoặc phát hiện vấn đề nảy sinh trong tư tưởng, tâm trạng, đời sống, khi có thắc mắc, đề nghị cần giải đáp, cấp ủy phải nghiên cứu, bàn bạc

và thống nhất cách giải quyết, đồng thời phân công cán bộ có đủ khả năng, kinh nghiệm giải quyết thật cụ thể, có sức thuyết phục, không để hình thành “điểm nóng” hay bức xúc về tư tưởng kéo dài, gây bất bình và mất ổn định trong nhân dân.

Thứ tư, phát huy nhân tố tích cực trong nhân dân, dựa vào nhân dân để tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân.

Trong công tác tuyên giáo, nhân dân luôn là lực lượng hùng hậu, họ không chỉ là đối tượng tuyên truyền, giáo dục, vận động mà còn là chủ thể tích cực tham gia giải quyết những vấn đề tư tưởng ở cơ sở. Một mặt, nhân dân là “tai, mắt” của Đảng trong nắm bắt và phản ánh tình hình tư tưởng. Mặt khác, nhân dân là chủ thể, là lực lượng tuyên truyền, giáo dục có sức mạnh to lớn và hiệu quả. Đặc biệt là trong đấu tranh chống tiêu cực, chống tệ nạn xã hội, trong giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân... cần phát huy tốt sức mạnh đoàn kết và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội. Một khi toàn dân đã ủng hộ, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh chống tiêu cực, tạo nên dư luận xã hội lành mạnh thì công tác tuyên giáo có sức sống và hiệu quả rất lớn.

Để phát huy vai trò của nhân dân, nhiều địa phương, cơ sở đã có các sáng kiến, hình thức tập hợp lực lượng như thành lập các câu lạc bộ, các diễn đàn, các cộng tác viên,

các hội, tổ, nhóm... do cấp ủy lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiến hành. Nội dung hoạt động do cấp ủy, ban tuyên giáo cấp xã chỉ đạo, điều hành, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội trợ giúp về vật chất.

2. Bối cảnh, tình hình tác động đến công tác tuyên giáo ở cơ sở hiện nay

Thứ nhất, công cuộc đổi mới đất nước trong hơn 30 năm qua đã mang lại “những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”¹, thể hiện ở những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền, an ninh quốc gia, khẳng định và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, đơn vị.

Đánh giá về thành tựu hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, Văn kiện Đại hội XII khẳng định: “Những

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.65.

thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*¹. Đó là nguồn động viên, cổ vũ lớn lao đối với toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội lần thứ XII cũng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém: “Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động”; “phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường”; “nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội...; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội...”; “trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới”². Mặt khác, một số vấn đề yếu kém trong công tác quản lý, điều hành, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xa dân của một số cán bộ, đảng viên, công chức, các tiêu cực và tệ nạn xã hội đang có chiều hướng phát triển đã tác động đến niềm tin của Nhân dân vào Đảng và chế độ,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.66, 67-68.

đặc biệt tại cơ sở. Thực tế đó ảnh hưởng sâu sắc đến hiệu quả công tác tuyên giáo.

Thứ hai, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường vừa tạo thời cơ thuận lợi vừa đặt ra những thách thức đối với sự phát triển đất nước.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong xu thế giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng rộng mở của quá trình hội nhập đã tạo ra môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, năng động, khơi dậy trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân tinh thần tích cực, chủ động thích ứng và phát huy tài năng, trí tuệ xây dựng đất nước. Nhiều tấm gương tiêu biểu có mặt trên khắp mọi miền của Tổ quốc, ở mọi cấp, mọi ngành đã có sức động viên, lôi cuốn đông đảo quần chúng vươn lên.

Mặt khác, hội nhập quốc tế cũng đặt ra những thách thức lớn về sự chồng lấn, xâm lăng của văn hóa ngoại lai đe dọa, phá vỡ những giá trị truyền thống, bản sắc, tinh hoa văn hóa dân tộc, thang giá trị đạo đức xã hội, chuẩn mực đạo đức, lối sống, lý tưởng, niềm tin... Mặt trái của nền kinh tế thị trường làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực. Tệ nạn xã hội, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân vẫn là một trong những vấn đề bức xúc hiện nay. Hiện tượng phai nhạt lý tưởng trong một bộ phận thanh niên, tư tưởng thực dụng, sùng ngoại trong nhân dân có chiều hướng gia tăng...

Điều đó đã đặt ra những thách thức và yêu cầu mới đối với công tác tuyên giáo, đòi hỏi phải có những thay đổi cả về nhận thức, nội dung và phương thức hoạt động. Tình hình đó cũng đòi hỏi yêu cầu ngày càng cao đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Thứ ba, sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, trong đó có công nghệ thông tin, truyền thông làm cho internet, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, đã tạo nên những phương thức tiếp cận thông tin mới, những xu hướng truyền thông mới, làm cho thông tin lan tỏa nhanh, phạm vi rộng, hiệu ứng mạnh.

Tuy nhiên, sự bùng nổ thông tin và tính phức tạp của các loại thông tin nếu không được định hướng kịp thời có thể làm cho người tiếp cận thông tin dễ dao động, hoài nghi, dễ bị lôi kéo, kích động. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch không ngừng chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng ta với âm mưu “diễn biến hòa bình” bằng những chiêu thức, thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để cung cấp thông tin bịa đặt, xuyên tạc gây mơ hồ về chính trị, ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản, thiếu sự nhất trí và đồng thuận với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Do vậy, công tác tuyên giáo cần phải tiến hành các hoạt động nhanh nhạy, sắc bén, kịp thời, mang tính thuyết phục và thực chất.

Thứ tư, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo ra một lực lượng sản xuất mới, về lôgích sẽ dẫn đến sự thay đổi quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, làm biến đổi quan hệ sản xuất dẫn tới những thay đổi về đời sống tinh thần, văn hóa, tư tưởng, pháp luật... Đó đều là những vấn đề mới đòi hỏi công tác tuyên giáo phải có những dự báo kịp thời để phát triển lý luận, góp phần đưa ra các giải pháp để hoàn thiện chủ trương, chính sách đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Một số định hướng đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Với phương châm hướng về cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh, tạo tiền đề tiến hành công tác tuyên giáo có chiều rộng, chiều sâu và sức sống bền vững trong toàn xã hội, trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, vấn đề đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới là đòi hỏi hết sức cần thiết.

a) Đổi mới nhận thức của cấp ủy và cán bộ, đảng viên đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở

Cần thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng, tác dụng to lớn của công tác tuyên giáo đối với mọi hoạt động ở cơ sở. Khắc phục những biểu hiện

coi nhẹ, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, khoán trăng, coi đó là nhiệm vụ của ban tuyên giáo đảng ủy xã.

Thực tế chỉ ra rằng, chỉ khi nào cấp ủy cơ sở, cán bộ, đảng viên nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác tuyên giáo, xác định rõ trách nhiệm của mình, tự giác, tích cực tham gia làm công tác tuyên giáo thì mới tạo nên sự chuyển biến và hiệu quả thật sự của công tác này ở cơ sở. Muốn vậy, cần phát huy vai trò của cán bộ chủ chốt ở cơ sở, trước hết là bí thư và ban thường vụ, người đứng đầu bộ máy chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời, tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy và cơ quan cấp trên, giúp cho cơ sở có sự chuyển biến kịp thời, đổi mới nhận thức và hành động tích cực hơn.

b) Đổi mới nội dung công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Trước hết, cần có sự đổi mới trong tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở cần phải đặt trọng tâm là dựa trên quan điểm, chủ trương, chính sách chung để xem xét đánh giá cụ thể tình hình của địa phương, xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, vai trò của từng tập thể, cá nhân trong tổ chức

thực hiện. Xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện tốt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sau học tập, mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng phải thực hiện nghị quyết bằng việc làm và đạt kết quả cụ thể, khắc phục tình trạng học tập nghị quyết mang tính hình thức, học chưa đi đôi với hành, nghị quyết chậm đi vào cuộc sống, chương trình hành động của cấp ủy, của các tổ chức chính trị - xã hội còn chung chung.

- Trong bối cảnh thực tiễn sinh động, diễn biến phức tạp, mau lẹ hiện nay, cần đổi mới nội dung tuyên truyền đối với cấp cơ sở.

Nội dung tuyên truyền ở cơ sở thường tập trung vào các thông tin sau: đẩy mạnh tuyên truyền những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của địa phương; xây dựng niềm tin và lòng tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới đất nước; vạch trần các luận điệu phản tuyên truyền của các thế lực thù địch và các phần tử tiêu cực, làm cho trận địa tư tưởng ở cơ sở luôn lành mạnh, trong sạch, vững mạnh.

Đổi mới về nội dung tuyên truyền đối với cấp cơ sở trong điều kiện hiện nay cần chú ý bảo đảm yêu cầu: thông tin phải ngắn gọn, dễ nhớ, thiết thực, cụ thể, tin cậy, thuyết phục; thông tin phải đi trước một bước;

thông tin thời sự chính sách phải đa dạng, cập nhật thường xuyên, tạo ra nhu cầu tinh thần ở cơ sở sôi động, lành mạnh, đẩy lùi và lấn át các loại thông tin nhiễu loạn, tiêu cực; phải bảo đảm các quy định của Luật tiếp cận thông tin...

- Tăng cường giáo dục, học tập, làm theo tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong lao động, học tập, công tác. Xây dựng các điển hình và tuyên truyền điển hình một cách tích cực, mạnh mẽ, làm cho cái tích cực, tiến bộ được nhân rộng, trở thành phổ biến, “lấy cái đẹp, đẹp cái xấu; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”.

c) *Đổi mới phương thức tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở*

Đa dạng hóa các hình thức tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở, làm cho công tác này luôn phong phú, sinh động, đáp ứng yêu cầu của mọi đối tượng, trong mọi hoàn cảnh.

Tùy theo đặc điểm về địa lý, phân bố dân cư, tổ chức, biên chế, lực lượng cán bộ, đảng viên ở từng cơ sở mà xác định, lựa chọn các hình thức học tập, tuyên truyền, cổ động, thông tin thời sự, chính trị...

Sử dụng mọi phương tiện, mọi lực lượng sẵn có, tận dụng mọi thời gian, không gian và cơ hội để

tuyên truyền giáo dục. Đặc biệt tận dụng sự phát triển của internet, mạng xã hội để tiến hành công tác tuyên giáo như: viết bài tuyên truyền trên mạng xã hội; tổng hợp tin tức, dư luận xã hội, nắm bắt tư tưởng của nhân dân thông qua mạng xã hội; sử dụng mạng xã hội để đấu tranh phản bác với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; tăng cường chia sẻ thông tin tích cực qua mạng xã hội, đẩy lùi các thông tin tiêu cực...

Khắc phục khuynh hướng “hành chính hóa” công tác tuyên giáo, đây là khuynh hướng đã và đang làm cho công tác này ở nhiều nơi trở nên xơ cứng, gò ép, thiếu sức sống.

Hiện nay, nhiều địa phương, cơ sở đã có những hình thức tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khá phong phú, hấp dẫn và hiệu quả (như sân khấu hóa hình thức tuyên truyền các chủ trương, chính sách; tổ chức các buổi kể chuyện, tọa đàm, diễn đàn; tổ chức các cuộc thi; thông tin lưu động; các hoạt động văn hóa, thể thao lồng ghép với nội dung tuyên truyền, giáo dục...), động viên đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia làm công tác tuyên giáo.

Trên cơ sở lực lượng nòng cốt đủ mạnh, cấp ủy và ban tuyên giáo đảng ủy xã cần động viên, tập hợp

đông đảo cán bộ, đảng viên có khả năng làm công tác tuyên giáo thuộc mọi lứa tuổi, trên mọi địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố, kể cả các chức sắc tôn giáo và những người có uy tín cao trong nhân dân tham gia. Trong đó, tập trung bồi dưỡng, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực. Mạnh dạn chọn người, giao việc, xây dựng nòng cốt ở mọi cơ sở, mọi ngành nghề trong địa phương, đơn vị. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên đông đảo, rộng khắp trên địa bàn, làm cho hoạt động công tác tuyên giáo luôn sôi nổi, rộng khắp, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời, có tính nhân dân sâu rộng.

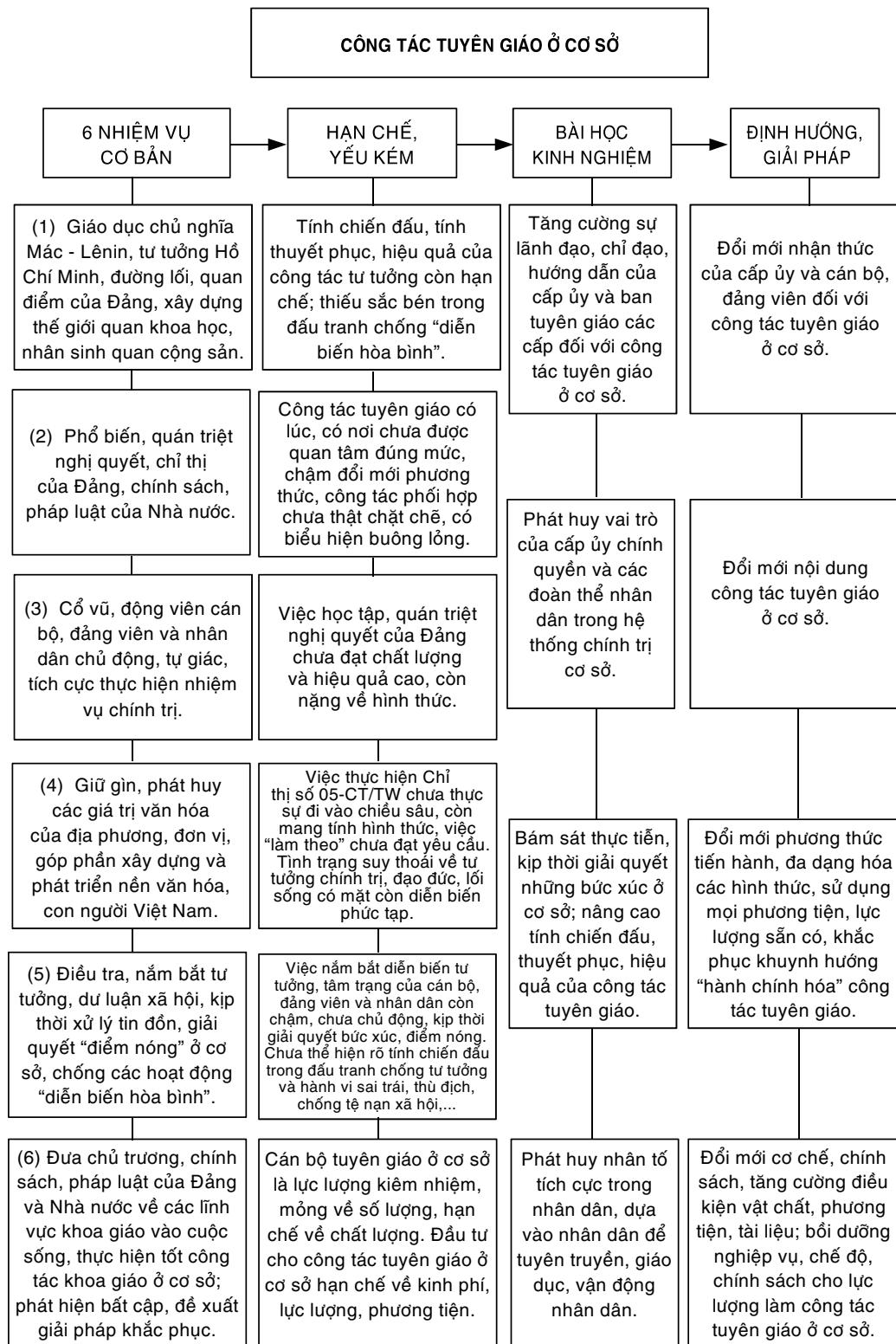
Định kỳ tổ chức khảo sát, điều tra, đánh giá kết quả và tổ chức rút kinh nghiệm về công tác tuyên giáo. Hằng tháng, hằng quý tiến hành hội nghị giao ban công tác tuyên giáo ở cơ sở với phạm vi và quy mô phù hợp. Thông qua sinh hoạt chi bộ, tổ dân phố, sinh hoạt các đoàn thể để điều tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và bổ sung nội dung, hình thức mới cho phù hợp. Cấp ủy, ban tuyên giáo đảng ủy xã phải thường xuyên gặp gỡ cán bộ, đảng viên và lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị - xã hội để nắm tình hình, trao đổi kinh nghiệm hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động công tác tư tưởng ở cơ sở, kịp thời chỉ đạo, giải quyết tốt những vấn đề mới nảy sinh trong nhân dân.

d) Đổi mới cơ chế, chính sách đối với công tác tuyên giáo

Trước hết, cần tăng cường đầu tư điều kiện vật chất, phương tiện làm công tác tuyên giáo ở cơ sở, như: sách, báo, tài liệu, phương tiện nghe nhìn, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin truyền thông, phương tiện thông tin, cổ động... Đảm bảo mỗi thành viên của ban tuyên giáo xã có đủ các tài liệu bồi dưỡng về nghiệp vụ và được cung cấp thông tin kịp thời. Có chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ hằng năm (theo định kỳ) do ban tuyên giáo cấp huyện tổ chức. Về chế độ đai ngộ, cần có chế độ trợ cấp, phụ cấp hợp lý đối với lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở để động viên, khuyến khích, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm công tác tư tưởng và các bộ phận cấu thành công tác tư tưởng; khái niệm và các bộ phận cấu thành công tác tuyên giáo.
2. Trình bày nội dung, nhiệm vụ của công tác tuyên giáo ở cơ sở.
3. Để đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, cần phải chú ý những nội dung gì?



Chuyên đề 2

CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở CƠ SỞ

I- KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

1. Công tác giáo dục lý luận chính trị

a) Khái niệm

- *Công tác lý luận* là một bộ phận của công tác tư tưởng, hướng vào việc nghiên cứu, phát triển sáng tạo hệ tư tưởng của giai cấp lãnh đạo cách mạng - giai cấp công nhân, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn cách mạng nhằm xây dựng hệ thống quan điểm lý luận và cơ sở lý luận cho việc hoạch định đường lối, chính sách, các quyết định của Đảng và Nhà nước, đấu tranh, phê phán các trào lưu tư tưởng sai trái, thù địch.

Công tác lý luận là nhiệm vụ trung tâm của công tác tuyên giáo, bao gồm: công tác nghiên cứu, phát triển lý luận; công tác quán triệt nghị quyết; công tác

giáo dục lý luận chính trị; công tác lịch sử đảng và giáo dục truyền thống cách mạng; công tác đấu tranh, phản bác với các quan điểm sai trái, thù địch.

- *Công tác giáo dục lý luận chính trị* là một bộ phận quan trọng của công tác lý luận, công tác tư tưởng của Đảng, thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Công tác giáo dục lý luận chính trị nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản, bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Công tác giáo dục lý luận chính trị bao gồm hoạt động giáo dục lý luận chính trị theo chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục quốc dân và hoạt động giáo dục lý luận chính trị thường xuyên của Đảng.

b) Vai trò của công tác giáo dục lý luận chính trị

- Đối với sự nghiệp cách mạng.

Công tác giáo dục lý luận chính trị có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, được thể hiện rõ ở hai vấn đề cơ bản sau đây:

+ Xuất phát từ vai trò của lý luận chính trị đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định vai trò của lý luận chính trị đối với vận động của cách mạng. Để lật đổ được chế độ xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới thì cần phải có sự lãnh đạo của một chính đảng được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết mang bản chất khoa học và cách mạng, vừa phản ánh đúng đắn những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, vừa chỉ ra mục tiêu, con đường, lực lượng, chiến lược, sách lược, phương pháp đấu tranh cách mạng.

Chính đảng của giai cấp công nhân không ra đời một cách tự phát. Đó là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước là cơ sở thực tiễn, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở lý luận cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không có sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân thì không thể có sự ra đời của Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin giúp giai cấp công nhân hiểu được quy luật phát triển của xã hội. Chủ nghĩa

Mác - Lênin chính là cơ sở lý luận khoa học để các đảng cộng sản đề ra đường lối, chính sách và những giải pháp cụ thể nhằm giải quyết đúng đắn những vấn đề nảy sinh trong quá trình cách mạng. Vì vậy, các đảng cộng sản phải coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị cho đảng viên cũng như tất cả các lực lượng cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại¹.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Nội dung chủ yếu của công tác giáo dục lý luận chính trị là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị giữ vai trò quan trọng trong mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.88.

Từ khi ra đời đến nay, công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc làm cho lý luận cách mạng thâm nhập vào quần chúng, trở thành “lực lượng vật chất” đem lại thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Công tác giáo dục lý luận chính trị trang bị cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng cho mọi người nhận thức đúng đắn và niềm tin vững chắc vào lý tưởng cộng sản, vào con đường và biện pháp do Đảng vạch ra để thực hiện lý tưởng đó. Chủ nghĩa xã hội là kết quả hoạt động cách mạng tự giác của hàng triệu người lao động. Chính công tác giáo dục lý luận chính trị góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng, thúc đẩy họ hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị cụ thể mà các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội giao cho họ.

- *Đối với công tác xây dựng Đảng.*

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị có vai trò quan trọng trong công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng, xây dựng con người mới.

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị giúp trang bị và nâng cao nhận thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; đồng thời góp phần thống nhất nhận thức

về mục tiêu lý tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị góp phần xây dựng bản lĩnh chính trị, niềm tin, ý thức tự giác tu dưỡng đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, khắc phục mọi biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Từ đó, công tác giáo dục lý luận chính trị góp phần vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo gồm những người kiên định lập trường, có năng lực tổ chức, tập hợp, động viên, giáo dục, thuyết phục quần chúng; có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn.

+ Công tác giáo dục lý luận chính trị còn giúp nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ phát triển của đất nước.

c) *Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay*

- *Yêu cầu.*

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới hết sức nặng nề.

Bên cạnh những thuận lợi chúng ta còn phải đương đầu với không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động rất phức tạp. Trong khi đó, không ít những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình đổi mới đất nước chưa được tổng kết kịp thời hoặc chưa đủ sáng tỏ, còn những ý kiến khác nhau cả trên vấn đề cụ thể cũng như trên một số vấn đề cơ bản.

Mặt khác, các thế lực thù địch đang tăng cường chống phá cách mạng nước ta trên cả lĩnh vực lý luận và thực tiễn. Chúng triệt để sử dụng kinh tế làm điều kiện ép ta thay đổi về chính trị; tìm cách móc nối với các đối tượng cơ hội chính trị, bất mãn trong nước; lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo”, “chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” để kích động chống đối, chia rẽ nội bộ, xuyên tạc, phủ định mục tiêu lý tưởng, con đường của cách mạng Việt Nam, tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ định sự lãnh đạo của Đảng.

Trong tình hình ấy, cán bộ, đảng viên phải luôn luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trên nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng. Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và toàn dân phải không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Chính vì vậy, công tác giáo dục lý luận chính trị trong thời kỳ mới cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, tạo ra sự nhất trí cao đối với đường lối của Đảng, có ý chí nám bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, xây dựng con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách; xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập.

Ba là, phát huy tinh thần cách mạng, tiến công, giữ vững và tăng cường chủ động trên trận địa tư tưởng, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tuyên giáo.

- Nhiệm vụ.

Một là, tiếp tục giáo dục trong Đảng và Nhân dân kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng, làm cho ý chí kiên định đó trở thành lập trường chính trị không thể lay chuyển, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch, ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc. Kiên định nhưng phải sáng tạo, phát triển không ngừng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng chỉ rõ quan điểm: “Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị, học tập nghị quyết của Đảng. Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương. Tiếp tục đổi mới hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng”¹.

Theo chủ trương đó, Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.201-202.

tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới xác định nhiệm vụ, giải pháp như sau:

+ Các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thật sự coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc định hướng phát triển và hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả; bám sát thực tiễn, định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị.

+ Tiếp tục đổi mới phương thức triển khai, phương pháp tiếp cận nghiên cứu trong công tác lý luận. Khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta. Trên nền tảng đó, nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới; làm rõ những vấn đề bổ sung, phát triển; tập trung nghiên cứu để giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta đã được Đại hội XII

của Đảng chỉ ra. Làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Đổi mới cơ chế và tăng cường đầu tư cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Rà soát, bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Tiếp tục đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn

người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập lý luận chính trị.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; đồng thời tăng cường, bảo đảm tính liên thông trong đào tạo các trình độ lý luận chính trị, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ.

+ Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi và những nội dung được Đảng ta vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh tổng hợp của báo chí, truyền thông, kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền miệng và các kênh thông tin khác.

+ Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh phản bác có hiệu quả, kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch. Đa dạng hóa hình thức đấu tranh bảo vệ nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế phối hợp và

trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị; chú trọng xây dựng luận cứ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc; tạo sự thống nhất trong phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành có liên quan. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ để cập nhật về nội dung và phương pháp đấu tranh; có cơ chế, chế độ phù hợp cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục; lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

Hai là, tiếp tục giáo dục sâu rộng trong Đảng và Nhân dân đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung quán triệt và thực hiện có hiệu quả các phương hướng, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã đề ra, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Ba là, giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Bốn là, giáo dục, nâng cao cảnh giác, chống các âm mưu, thủ đoạn và hành động “diễn biến hòa bình” gây bạo loạn, lật đổ và răn đe quân sự của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu rõ bản chất trong đấu tranh chống lại âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời, phải tăng cường phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, không ngừng củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

2. Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

a) *Đối tượng, nội dung giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở*

- Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở thuộc hệ giáo dục phổ cập, vì vậy phải quan tâm đến mọi thành viên

ở cơ sở, trước hết là cán bộ, đảng viên và đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ngoài diện đào tạo, bồi dưỡng do trường chính trị tỉnh, thành phố phụ trách và các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

- Nội dung cơ bản của giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở là những vấn đề cơ bản, thiết thực nhất của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

b) Tổ chức lực lượng làm công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

Theo đối tượng được phân cấp, tổ chức lực lượng làm công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở bao gồm những lực lượng chủ yếu sau:

- Ban tuyên giáo và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện có nhiệm vụ mở các lớp bồi dưỡng theo Quyết định số 100-QĐ/TW, ngày 03/6/1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và Quyết định số 185-QĐ/TW, ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư (khóa X) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện,

quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và những quy định liên quan khác¹.

- Ban Tuyên giáo cấp xã là cơ quan tham mưu và là lực lượng chủ yếu trực tiếp giúp cấp ủy tổ chức học tập các nghị quyết và chỉ thị của Đảng.

- Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền và tổ chức học tập chính trị cho hội viên, đoàn viên các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Giáo viên của hệ thống trường học ở cơ sở tuyên truyền, giáo dục chính trị cho học sinh theo các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Một số vấn đề nghiệp vụ công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

- Về giáo dục chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị hằng năm cho các đối tượng: bí thư đảng ủy, chi bộ, cấp ủy viên; trưởng thôn, trưởng bản; đảng viên mới; đối tượng phát triển Đảng; trưởng các ban, ngành,

1. Hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương đang tiến hành tổng kết việc thực hiện Quyết định số 185-QĐ/TW, ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư (khóa X) để tham mưu, đề xuất về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của mô hình này trong tình hình mới.

đoàn thể chính trị - xã hội... Kế hoạch được cấp ủy thông qua rồi gửi lên trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện để đưa vào kế hoạch mở lớp.

Những cơ sở có điều kiện và khả năng cần chủ động xây dựng kế hoạch mở lớp tại chỗ. Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hỗ trợ về giảng viên, tài liệu, thủ tục mở lớp và cấp chứng chỉ cho học viên...

+ Thực hiện các hình thức tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị sinh động, thiết thực, như tổ chức lớp học kết hợp tổ chức thi tìm hiểu về lịch sử truyền thống dân tộc, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đường lối, chính sách, pháp luật; tổ chức các cuộc thi bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng bản giỏi.

+ Tổ chức cho cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị học tập các chương trình chuyên đề liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành, giới thiệu nhân các ngày lễ lớn...

Trong những năm qua, các cuộc thi tìm hiểu về Đảng quang vinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bí thư chi bộ giỏi, báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi (tiêu biểu như cuộc thi “Ánh sáng soi đường”, “Giảng viên lý luận chính trị giỏi” do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức)... là hình thức giáo dục lý luận chính trị thể hiện sự hấp dẫn và mang lại hiệu quả. Để mỗi cuộc thi đạt kết quả tốt cần phải có kế hoạch cụ thể,

xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, các bước tiến hành. Phải tạo được sự hưởng ứng và tham gia tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở. Những người dự thi cần được quan tâm, giúp đỡ để có sự chuẩn bị chu đáo. Cần kết hợp cả thi viết và trả lời miệng (vấn đáp). Nội dung thi vấn đáp cần nêu ra các tình huống có vấn đề, đòi hỏi người dự thi vận dụng kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để trả lời. Ban giám khảo phải lựa chọn, đưa ra các tình huống để người dự thi nâng cao kiến thức, nghiệp vụ công tác, năng lực xử lý các vấn đề thực tế đặt ra...

- *Về triển khai học tập nghị quyết của Đảng.*
- + Tổ chức học tập nghị quyết cho đảng viên.

Xây dựng kế hoạch học tập nghị quyết, chuẩn bị tài liệu và những điều kiện vật chất khác, thông báo sớm để đảng viên sắp xếp công việc đến dự đông đủ, nghiêm túc. Cần sắp xếp tổ chức để tất cả đảng viên trong đảng bộ tham gia học tập. Nếu số lượng đảng viên đông có thể phân chia thành hai, ba lớp nối tiếp nhau, hoặc tổ chức học tập kỹ cho đội ngũ đảng ủy viên, bí thư chi bộ, chi ủy viên để về truyền đạt, hướng dẫn lại cho đảng viên trong chi bộ.

Lựa chọn, bố trí báo cáo viên nắm chắc nội dung cơ bản của nghị quyết và có phương pháp trình bày, phân tích dễ hiểu, dễ nhớ để giúp người học hiểu đúng, hiểu rõ nghị quyết.

Trong mỗi lần học nghị quyết nhất thiết phải có báo cáo của cấp ủy về chương trình hành động thực hiện nghị quyết của cơ sở.

Cố gắng bảo đảm cho mỗi chi bộ có ít nhất một cuốn văn kiện nghị quyết và cuốn tài liệu học tập nghị quyết (tài liệu dành cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở) để giúp cho đảng viên trong chi bộ nghiên cứu sâu và kỹ hơn.

Khi đã triển khai học nghị quyết, đã có chương trình hành động thì phải tập trung chỉ đạo có hiệu quả để tạo ra sự chuyển biến thực sự, đảm bảo nói đi đôi với làm. Đảng viên nào không làm, làm không đầy đủ hoặc làm trái nghị quyết của Đảng phải bị phê bình, xử lý nghiêm túc.

+ Giáo dục, phổ biến nghị quyết trong nhân dân.

Việc giáo dục, phổ biến nghị quyết trước hết thông qua các hình thức sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để họ phát huy được vai trò tích cực trong việc tổ chức học tập và thực hiện nghị quyết trong tổ chức, đoàn thể của mình.

Gắn nội dung giáo dục, phổ biến nghị quyết với nội dung các kỳ sinh hoạt xóm, thôn, tổ dân phố. Sử dụng có hiệu quả hệ thống truyền thanh xã, phường để giúp nhân dân hiểu được những điểm cốt lõi trong nghị quyết.

Tài liệu phổ biến rộng rãi dành cho nhân dân là Tài liệu hỏi - đáp về những nội dung của nghị quyết do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn. Chương trình hành động của đảng bộ phải được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và trở thành các phong trào hoạt động cụ thể để nhân dân hưởng ứng và làm theo nghị quyết của Đảng.

- *Về giáo dục chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Chính sách, pháp luật của Nhà nước là sự thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng. Vì vậy, giáo dục chính sách, pháp luật chính là nội dung, hình thức giáo dục lý luận chính trị. Cần có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu về các chính sách, pháp luật hiện hành, nhất là các chính sách, pháp luật có quan hệ trực tiếp đến đời sống của nhân dân, như Luật đất đai, Luật bảo vệ rừng, Luật hợp tác xã, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật giáo dục, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật hôn nhân và gia đình, v.v..

Mọi đảng viên phải học, nắm vững và thực hiện nghiêm túc, đồng thời phổ biến sâu rộng và vận động nhân dân chấp hành đúng chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Hình thức giáo dục chủ yếu là thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, thôn xóm, tổ dân phố...

Mặt khác, cần thường xuyên theo dõi kiểm tra, kịp thời biểu dương những tấm gương chấp hành tốt; nhắc nhở, phê bình những trường hợp làm sai, nhất là những việc cố ý làm trái quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sử dụng có hiệu quả tủ sách pháp luật của xã, phường, đơn vị.

- *Về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở.*

Học tập lý luận chính trị là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ các cấp. Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng như: Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; Kết luận số 69-KL/TW, ngày 14/4/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII); Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 08/3/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục

đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp; Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý,... Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó nhấn mạnh: “Thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ”.

Thực hiện các quy định của Đảng về nhiệm vụ học tập lý luận chính trị của đảng viên, Đảng ủy cơ sở cần thường xuyên kiểm tra cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu trên, kịp thời biểu dương những tấm gương học tập tốt; nhắc nhở, phê bình những trường hợp lười học, ngại học. Hằng năm, khi phân tích chất lượng đảng viên, chi bộ cần lấy kết quả học tập, nhất là học tập lý luận chính trị làm một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá.

Nhiệm vụ kiểm tra công tác giáo dục lý luận chính trị còn được tiến hành trong các trường tiểu học, trung học cơ sở... trên địa bàn xã, phường, thông qua tổ chức

đảng của trường trong việc giảng dạy môn giáo dục đạo đức, giáo dục công dân theo đúng phương hướng chính trị tư tưởng của Đảng.

II- KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG VÀ BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ CƠ SỞ

1. Công tác giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở

a) Mục đích của giáo dục truyền thống cách mạng

- Truyền thống là thói quen được hình thành từ lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống có tính cộng đồng và tính lịch sử; có tính ổn định và bền vững tương đối; có thể trở thành những chuẩn mực, định hướng hành động cho các cá nhân và cộng đồng.

- Truyền thống cách mạng là truyền thống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Giáo dục truyền thống cách mạng nhằm nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho quần chúng nhân dân là một nhiệm vụ thường xuyên, cần thiết đối với Đảng Cộng sản cầm quyền trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước.

- Giáo dục truyền thống cách mạng là nhằm xây dựng những con người và thế hệ Việt Nam gắn bó

thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn và phát huy các giá trị của văn hóa dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật, có sức khỏe, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Nội dung chủ yếu của giáo dục truyền thống cách mạng

- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước là giá trị truyền thống cao quý nhất của Nhân dân ta, được hun đúc trong suốt quá trình hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, trở thành cội nguồn sức mạnh của dân tộc. Ngày nay, giáo dục truyền thống yêu nước cần gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta và của dân tộc ta.

- Giáo dục truyền thống đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân tộc. Lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”, truyền thống đoàn kết hợp tác, giúp nhau

trong khó khăn, hoạn nạn... là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, ngày nay được Đảng ta kế thừa và phát huy trên tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo mácxit, trên tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

- Truyền thống anh hùng, bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta được Đảng ta phát huy và phát triển thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và lao động sáng tạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Cần cù và sáng tạo trong lao động là nét đẹp truyền thống của Nhân dân ta. Trong cách mạng, truyền thống ấy được kế thừa và phát huy trên tinh thần tự hào và tự tôn dân tộc, trở thành thái độ lao động mới, lao động sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất lao động cao, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Tinh thần lạc quan cách mạng trong cuộc sống và trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc được Đảng ta phát huy và phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Trong quá trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với những truyền thống vốn có của dân tộc thì nhiều giá trị tinh thần mới được hình thành và

phát triển, trở thành truyền thống tốt đẹp của Nhân dân ta như tinh thần dân chủ, thi đua yêu nước, “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, tinh thần quốc tế thủy chung trong sáng...

c) Hình thức giáo dục truyền thống cách mạng

Tùy theo nội dung và điều kiện cụ thể của từng cơ sở mà có thể lựa chọn các hình thức phù hợp, có một số hình thức sau:

- Tổ chức mítinh tuyên truyền cổ động ở cơ sở vào dịp các ngày lễ lớn của dân tộc và cách mạng.
- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền miệng, thông tin cổ động về đề tài này qua hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương.
- Tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu các đề tài về truyền thống cách mạng, những gương điển hình,...
- Sử dụng các loại hình văn học nghệ thuật, thể dục, thể thao,...

Cần tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong công tác giáo dục truyền thống theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi đợt phát động phong trào, tổ chức các hội thi. Đây là việc làm cần thiết góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng.

2. Công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

a) Ý nghĩa, vai trò của công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam - do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, viết nên những trang sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc. Cùng với chặng đường vẻ vang của Đảng là sự ra đời, phát triển và củng cố ngày càng vững mạnh của hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Lịch sử đảng bộ cơ sở gắn liền với từng chặng đường phát triển và minh chứng cho lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở là nhiệm vụ rất quan trọng, nhằm làm rõ các chặng đường lịch sử và hoạt động đấu tranh của đảng bộ địa phương, cơ sở, từ đó tổng kết thực tiễn lịch sử, nêu bật những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng và cả những sai lầm, khuyết điểm, làm sáng tỏ những bài học, những vấn đề lý luận nhằm rút kinh nghiệm, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Việc biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương, cơ sở còn giúp giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp

tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống địa phương, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

b) Tình hình công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tổng kết thực tiễn lịch sử cách mạng qua các thời kỳ, rút ra những kinh nghiệm, bài học, quy luật của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo; giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp tinh thần yêu nước và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong đó, công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở đạt nhiều kết quả quan trọng.

- Những kết quả đạt được.

Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội và cán bộ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng ngày càng sâu sắc, cụ thể.

Nhiều cấp ủy đảng đã đưa nội dung nghiên cứu, biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng vào nghị quyết đại hội đảng và coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng đã được triển khai nghiêm túc, tích cực, khoa học. Các công trình và ấn phẩm lịch sử tăng lên cả về số lượng và chất lượng, cụ thể như sau¹:

Trong giai đoạn 2013 - 2015, cả nước đã xuất bản được trên 1.847 công trình nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, trong đó cấp tỉnh, thành phố là 341 công trình.

Ở cấp quận, huyện, thị xã, đã có 356 công trình lịch sử đảng bộ, lịch sử truyền thống được xuất bản, trong đó, nhiều đơn vị đã biên soạn, xuất bản lịch sử đảng bộ đến năm 2015. Nhiều quận, huyện đã đạt tỷ lệ 100% đơn vị biên soạn và xuất bản lịch sử địa phương.

Ở cấp xã, phường, thị trấn, đã có hơn 1.000 công trình lịch sử đảng bộ, lịch sử truyền thống cách mạng có chất lượng được xuất bản.

- *Một số khó khăn, hạn chế*.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở vẫn còn những khó khăn, hạn chế sau:

Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, nhất là cấp xã, phường, thị trấn chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác này.

1. Xem <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=38051&print=true>.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ ở các quận, huyện, thị xã còn mỏng, trình độ chưa đồng đều; tổ chức, biên chế nhiều nơi chưa ổn định.

Việc sưu tầm tài liệu khó khăn do tư liệu lịch sử bị hư hỏng bởi chiến tranh kéo dài, nhân chứng lịch sử ngày một ít đi.

Chất lượng một số công trình biên soạn chưa cao, thậm chí phản ánh chưa đầy đủ thực tế lịch sử vốn có. Nhiều công trình tập trung phản ánh sự kiện, chưa chú trọng làm rõ bài học kinh nghiệm, liên hệ với thực tiễn trong điều kiện mới và ý nghĩa đối với công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hiện nay.

Việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn; chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ làm công tác lịch sử Đảng còn hạn chế; việc khen thưởng, động viên chưa kịp thời.

- Một số định hướng và giải pháp.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác biên soạn lịch sử Đảng, trong đó có lịch sử đảng bộ cơ sở, ngày 18/01/2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Chỉ thị nêu rõ các giải pháp đối với công tác lịch sử Đảng nói chung và cũng là những định hướng, giải pháp đối với công tác nghiên cứu, biên soạn, giáo dục lịch sử Đảng ở cơ sở nói riêng:

Một là, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng và toàn xã hội, trước hết là của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng đối với công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Làm tốt công tác này nhằm phát huy truyền thống, lịch sử vẻ vang của Đảng, là cội nguồn sức mạnh, là động lực tinh thần to lớn cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, các cấp ủy, trực tiếp và thường xuyên là thường trực cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác lịch sử Đảng. Quan tâm việc sưu tầm, khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng có kiến thức chuyên ngành sâu rộng, có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm cao; bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí cần thiết cho công tác quan trọng này.

Ba là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nâng cao chất lượng, tính khách quan, khoa học của các công trình lịch sử Đảng ở các cấp; chú trọng nghiên cứu, biên soạn biên niên sự kiện lịch sử Đảng, văn kiện Đảng và về quan hệ quốc tế của Đảng.

Bốn là, quan tâm sưu tầm, khai thác bổ sung tư liệu lịch sử Đảng, nhất là tư liệu lịch sử Đảng ở nước ngoài và tư liệu qua phỏng vấn các nhân chứng lịch sử. Làm tốt công tác bảo quản, lưu trữ tư liệu lịch sử Đảng, đồng thời đẩy mạnh, tiến tới số hóa toàn bộ tư liệu lịch sử Đảng.

Năm là, đổi mới phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng theo hướng gắn liền với nghiên cứu, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nghiên cứu lịch sử dân tộc. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, sưu tầm tư liệu lịch sử Đảng ở nước ngoài và nghiên cứu lịch sử một số đảng cầm quyền trên thế giới.

Sáu là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng trong Đảng và toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ với phương pháp, cách thức đa dạng, phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; làm tốt công tác thông tin, giới thiệu lịch sử Đảng ta với bạn bè quốc tế. Chủ động đấu tranh phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử Đảng ta.

c) Một số công việc cần tiến hành để biên soạn lịch sử đảng bộ ở cơ sở

- Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ ở cơ sở do Ban Thường vụ cấp ủy đảng trực tiếp lãnh đạo

về mọi mặt. Sự lãnh đạo của ban thường vụ cấp ủy đảng bao gồm những công việc sau:

+ Quyết định những chủ trương về nghiên cứu lịch sử Đảng.

+ Cho ý kiến về những kết luận trong nội dung, nhất là kết luận về bước ngoặt của lịch sử đảng bộ.

+ Thành lập hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử đảng bộ.

+ Thành lập ban biên soạn gồm một chủ biên và các thành viên (có sự phối hợp với ban tuyên giáo tỉnh và huyện).

- Để biên soạn một công trình lịch sử đảng bộ địa phương đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ cần phải tuân thủ theo các bước tiến hành sau:

+ Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, biên soạn tổng thể và kế hoạch từng năm theo các nội dung.

+ Xây dựng đề cương công trình nghiên cứu, xác định tên các chương, mục và nội dung cơ bản sẽ được thể hiện trong từng chương. Trong đó, chú trọng đến việc phân kỳ lịch sử tương ứng với từng chương. Tùy theo nội dung mỗi công trình khoa học để phân chương cho phù hợp. Ví dụ: khai quật vùng đất, con người và truyền thống; thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 1930 - 1954; thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975; thời kỳ sau giải phóng 1975 - 1986; thời kỳ từ khi thực hiện đường lối đổi mới năm 1986 đến nay.

Để góp phần nâng cao chất lượng bản thảo, xác nhận lại các thông tin, sự kiện, ban biên soạn cần xây dựng kế hoạch xin ý kiến của các nhà khoa học; các đồng chí lãnh đạo và nguyên lãnh đạo chủ chốt của đảng bộ, chính quyền địa phương qua các thời kỳ; các nhân chứng lịch sử.

Tổ chức hội thảo khoa học xin ý kiến rộng rãi của các chuyên gia, nhà khoa học, nhân chứng lịch sử...

Sau các đợt hội thảo, ban biên soạn tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý tại hội thảo và hoàn thành bản thảo lần cuối.

- Sau khi cuốn sách lịch sử đảng bộ đã được in ấn, cần có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục trong các tổ chức cơ sở đảng, trong các nhà trường, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

+ Ban Tuyên giáo lập kế hoạch phổ biến và phát huy vai trò của cuốn sách lịch sử trình ban thường vụ thông qua.

+ Ban Thường vụ đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phối hợp chặt chẽ trong tổ chức tuyên truyền và giới thiệu cuốn sách lịch sử đảng bộ.

Để tuyên truyền có hiệu quả, phát huy tác dụng của lịch sử đảng bộ, cần thực hiện nhiều hình thức phong phú. Trong thời gian qua, đã có nhiều địa phương tổ chức cuộc thi tìm hiểu về lịch sử đảng bộ địa phương nhân ngày kỷ niệm thành lập đảng bộ. Ban Tuyên giáo phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng, báo,

đài, truyền hình trong việc tuyên truyền, giáo dục lịch sử đảng bộ địa phương. Nhiều tỉnh đưa vào chương trình học tập của các nhà trường...

d) Một số yêu cầu đối với việc biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Trong quá trình biên soạn phải phục dựng khách quan, phản ánh trung thực, tránh tô hồng lịch sử hoặc đánh giá cực đoan về các sự kiện lịch sử.

Khi đánh giá những sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc những thắng lợi, hạn chế phải trên quan điểm lịch sử cụ thể, khách quan, khoa học, tránh lệch lạc về tư tưởng hoặc chủ nghĩa cá nhân...

Quá trình biên soạn phải quán triệt quan điểm toàn diện, xem xét các sự kiện lịch sử phải đặt trong mối quan hệ toàn cục giữa lịch sử đảng bộ địa phương, đảng bộ tỉnh trong tiến trình phát triển của lịch sử Đảng để có cái nhìn đầy đủ, tránh phiến diện, một chiều, không phản ánh đúng bản chất, giá trị của sự kiện. Cùng với việc trình bày những thành tựu đạt được, phải chỉ ra khuyết điểm, hạn chế của đảng bộ trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương để tìm ra những bài học kinh nghiệm, giải pháp khắc phục trong những giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, phải nắm vững đối tượng, phương pháp nghiên cứu; quán triệt tính đảng, tính khoa học.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày những yêu cầu, nhiệm vụ của công tác giáo dục lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay.
2. Hãy nêu kinh nghiệm tổ chức, triển khai công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở đang được áp dụng tại địa phương của đồng chí?
3. Trình bày những kết quả đạt được trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng và biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở tại địa phương của đồng chí. Những khó khăn, thách thức và giải pháp nào để nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác này?

Chuyên đề 3

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG Ở CƠ SỞ

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG

1. Khái niệm

a) Tuyên truyền và công tác tuyên truyền

Tuyên truyền theo tiếng latin là *Propaganda*, nghĩa là truyền bá, truyền đạt một quan điểm nào đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại”¹.

Công tác tuyên truyền là một hình thái, một bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng, nhằm truyền bá hệ tư tưởng và đường lối chiến lược, sách lược trong quần chúng, xây dựng cho quần chúng thế giới quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.191.

phù hợp với lợi ích của chủ thể hệ tư tưởng, hình thành và củng cố niềm tin, tập hợp và cổ vũ quần chúng hành động theo thế giới quan và niềm tin đó.

Trong công tác tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta, công tác tuyên truyền là hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại..., làm cho chúng trở thành nhân tố chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội; động viên, cổ vũ tính tích cực, tự giác, sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa¹.

b) *Cổ động và công tác cổ động*

Theo từ Hán - Việt, *cổ động* được ghép từ “cổ” với nghĩa là cái trống, “động” là hoạt động; trước đây thường dùng tiếng trống để làm tín hiệu thúc giục xung trận hoặc chống lụt, chống bão, chữa cháy... Trong tiếng latin, “cổ động” là *Aghitaxia*, có nghĩa là tiến hành vận động, thúc đẩy. Với hai nghĩa trên có thể hiểu, cổ động là thông tin, giải thích về những sự kiện

1. Xem Lương Khắc Hiếu: *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.54-55.

đang diễn ra trong đời sống để cổ vũ, động viên con người đi tới hành động.

Công tác cổ động là sự tác động của chủ thể vào tư tưởng, tình cảm của đối tượng thông qua việc giải thích một việc cụ thể, thiết thực nhằm tạo nên một ấn tượng mạnh ở đối tượng, kích thích và thúc đẩy họ hăng hái hành động thực hiện công việc đó¹.

c) *Phân biệt giữa công tác tuyên truyền với công tác cổ động*

Công tác lý luận, công tác tuyên truyền và công tác cổ động là ba bộ phận cấu thành công tác tư tưởng của Đảng. Công tác lý luận là nền tảng của công tác tư tưởng, quy định phương hướng, nội dung của công tác tuyên truyền và công tác cổ động. Công tác tuyên truyền là sự tiếp nối của công tác lý luận, nhằm truyền bá lý luận, xây dựng nhận thức mới, củng cố niềm tin và cổ vũ hành động. Công tác cổ động là khâu cuối cùng, là cầu nối để chuyển hóa lý luận đã được nhận thức, niềm tin đã được xây dựng và củng cố thành hành động cách mạng. Thiếu sự nối tiếp của công tác cổ động thì công tác lý luận và tuyên truyền không đạt tới mục

1. Xem Lương Khắc Hiếu: *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr.60.

đích thực tiễn là thay đổi hành vi, cỗ vũ hành động tích cực, sáng tạo của con người.

Công tác tuyên truyền và cổ động là hai khâu có quan hệ chặt chẽ, trong nhiều trường hợp hòa quyện vào nhau như một thể thống nhất, song giữa hai mặt công tác này có nhiều điểm khác nhau, cần phải phân biệt.

- *Mục đích và hiệu quả tác động.*

+ Đặc trưng cơ bản, chủ yếu của tuyên truyền là giải thích để quần chúng nhận thức đúng, rồi từ nhận thức đúng đó xây dựng thái độ đúng và quyết tâm hành động theo đúng quy luật khách quan. Đây là một quá trình, xét từ góc độ nhận thức và tâm lý, thường diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định.

+ Trong khi đó, công tác cổ động đặt ra yêu cầu là phải đạt *hiệu quả trực tiếp, biểu hiện ngay, lấy mục đích và hiệu quả về mặt hành động là chủ yếu*. Cổ động không thiên về giải thích để nâng cao nhận thức như công tác tuyên truyền mà nhấn mạnh mục đích tác động vào tình cảm, khích lệ, cổ vũ, kêu gọi để biến nhận thức thành hành động.

- *Về nội dung công tác.*

+ Công tác tuyên truyền thiên về phổ biến, giải thích những vấn đề thuộc về đường lối chiến lược, những mục tiêu cách mạng cơ bản, lâu dài, bao quát sự phát triển của xã hội trong một thời gian dài.

+ Công tác cổ động thiên về thông tin những sự việc, sự kiện đã chín muồi trong cuộc sống, những nhiệm vụ cụ thể trong sách lược của từng thời kỳ, những nhiệm vụ chính trị trước mắt, đương thời, những vấn đề, sự kiện đang diễn ra ở địa phương và cổ vũ quần chúng thực hiện những nhiệm vụ ấy.

- Về trình độ và phương thức tác động.

+ Phương pháp đặc trưng của tuyên truyền là phân tích, giải thích, chứng minh bằng các lập luận lôgíc, lý lẽ, luận cứ, luận chứng, để người được tuyên truyền hiểu, tin và mong muốn, quyết tâm làm theo. Sự thuyết phục của công tác tuyên truyền được thực hiện chủ yếu bằng con đường phân tích đi đến bản chất vấn đề bằng cách lý giải khoa học, lý tính. Người được tuyên truyền không phải ngay lập tức có thể thẩm thấu và nhận thức hết được các nội dung tuyên truyền mà cần có thời gian; mỗi nội dung tuyên truyền phải phù hợp với đối tượng và trình độ nhất định.

+ Phương pháp đặc trưng của công tác cổ động là thường *lấy một sự việc nổi bật mà mọi người đã biết để chứng minh cho tư tưởng*, ý đồ nhằm kêu gọi quần chúng hành động. Phương pháp của cổ động không chỉ dựa vào những luận điểm lý luận, lý lẽ mà rất chú ý đến việc tác động thông qua con đường tình cảm, tác động thẳng vào cảm xúc, tâm trạng của quần chúng. Cổ động thường tiến hành trước số đông người. Nó mang

tính quần chúng rộng rãi, vì vậy, nội dung cổ động phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với trình độ của quần chúng. Do dựa vào những sự kiện nổi bật, nhiều người đã biết mà phương pháp phản ánh sự kiện trong công tác cổ động phải đảm bảo tính chân thật, chính xác, không được hư cấu, tưởng tượng. Để có thể nhanh chóng tạo ra ấn tượng mạnh trong công tác cổ động người ta thường dùng phương pháp so sánh và phương pháp nêu gương điển hình.

2. Vai trò của công tác tuyên truyền, cổ động

Tuyên truyền, cổ động là những bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng. Trong điều kiện bùng nổ thông tin, công tác tuyên truyền, cổ động càng trở nên quan trọng, góp phần định hướng thông tin, làm cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tiếp nhận các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách đầy đủ, đúng đắn.

Vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền, cổ động thể hiện tập trung ở các khía cạnh sau:

- Công tác tuyên truyền, cổ động là phương tiện quan trọng để phổ biến, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề thời sự lớn của đất nước và quốc tế, những vấn đề mới đặt ra trong sự nghiệp đổi mới, qua đó nâng cao

nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; cổ vũ, động viên mọi người tích cực, tự giác thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trong mỗi thời kỳ.

- Công tác tuyên truyền, cổ động là công cụ để nâng cao nhận thức, định hướng tư tưởng, hướng dẫn suy nghĩ và hành động của toàn xã hội; thúc đẩy, cổ vũ con người từ nhận thức lý luận đi đến hành động cách mạng.

- Công tác tuyên truyền, cổ động góp phần quan trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Công tác tuyên truyền, cổ động giúp phát huy vai trò làm chủ, tính tích cực, sáng tạo của quần chúng, trước hết là ở cơ sở trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

- Công tác tuyên truyền, cổ động góp phần tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội.

- Công tác tuyên truyền, cổ động là công cụ sắc bén trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

3. Hình thức, phương tiện tuyên truyền, cổ động

a) Hình thức tuyên truyền

Nếu phân loại theo tính chất của hệ tư tưởng, có tuyên truyền tư sản, tuyên truyền vô sản. Phân loại theo nội dung, có tuyên truyền chính trị; tuyên truyền kinh tế, văn hóa; tuyên truyền quốc phòng, an ninh; tuyên truyền pháp luật... Phân loại theo phạm vi tác động, có tuyên truyền cá biệt (cho 1 người), tuyên truyền nhóm, tuyên truyền đại chúng. Phân loại theo phương thức tác động, có tuyên truyền miệng, tuyên truyền trực quan, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền gián tiếp...

Trên thực tế, chúng ta thường sử dụng các hình thức tuyên truyền sau đây:

- *Tuyên truyền miệng*: Đây là hình thức tuyên truyền đặc biệt quan trọng, nhất là ở cơ sở, được thực hiện chủ yếu bởi đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, thông qua các hình thức giao tiếp trực tiếp, như nói chuyện thời sự, tọa đàm, hội thảo, kể chuyện gương người tốt, việc tốt...

- *Tuyên truyền thông qua các ấn phẩm viết*, như sách, báo (báo in, báo điện tử), bản tin, khẩu hiệu, biểu ngữ, tuyên傳 đơn, tờ gấp...

- *Tuyên truyền qua nghe, nhìn*, như phát thanh, truyền hình, phim ảnh, triển lãm, tham quan...,

trong đó vai trò của truyền hình ngày càng trở nên quan trọng do tính phổ cập, nhanh chóng và rộng rãi trong toàn xã hội.

- *Tuyên truyền bằng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật*, thông qua các hoạt động của ngành văn hóa, nghệ thuật...

- *Tuyên truyền tổng hợp*, kết hợp cổ động, tuyên truyền miệng, phim ảnh, thơ ca, hò, vè... (tuyên truyền lồng ghép).

- *Tuyên truyền trên nền tảng internet*, không gian mạng, mạng xã hội...

b) *Hình thức cổ động*

Cổ động chủ yếu dùng phương thức tác động *trực tiếp* tới số đông quần chúng. Hình thức cổ động thường rất linh hoạt, có khả năng thích ứng với từng đối tượng, đặc biệt là có khả năng phù hợp với trình độ, điều kiện và phương tiện vốn có của mỗi địa phương. Các hình thức chủ yếu của cổ động là các hình thức qua nghe và nhìn như:

- Cổ động miệng, như diễn thuyết, tọa đàm, trao đổi, hội thảo...

- Các hình thức truyền đơn, tờ rơi, míttinh, diễu hành, rước đuốc...

- Các hình thức trực quan như khẩu hiệu, tranh vẽ, triển lãm, phim thời sự - tài liệu, panô, áp phích, các khẩu hiệu.

- Các hình thức cổ động bằng văn nghệ như hát, hoạt cảnh, ảo thuật và các tiết mục sân khấu ngắn như kịch, chèo, cải lương... cũng được sử dụng rất rộng rãi trong công tác cổ động.

c) *Phương tiện tuyên truyền, cổ động*

Các phương tiện để tiến hành công tác cổ động cũng rất phong phú: hệ thống loa, phát thanh, truyền thanh, các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông đa phương tiện; ứng dụng công nghệ thông tin, internet, mạng xã hội...

Mỗi hình thức, phương tiện tuyên truyền, cổ động đều trên đều quan trọng và có ưu thế riêng. Việc quyết định sử dụng hình thức, phương tiện nào phải xuất phát từ nội dung, tính chất và yêu cầu cụ thể của từng vấn đề, từng đợt tuyên truyền, đối tượng và khả năng kinh tế của địa phương, cơ sở.

4. Nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động

Một là tính đảng: Tính đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động. Nguyên tắc tính đảng đòi hỏi việc xem xét, lý giải mọi hiện tượng, sự kiện của đời sống xã hội đều phải dựa trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Nguyên tắc tính đảng trong công tác tuyên truyền, cỗ động đòi hỏi người làm công tác tuyên truyền, cỗ động phải có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Nội dung tuyên truyền, cỗ động phải định hướng xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng cho quần chúng.

Phải nêu cao tính chiến đấu trong công tác tuyên truyền, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, phản động, các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, xâm phạm quyền làm chủ của Nhân dân.

Hai là tính khoa học, tính thực tiễn: Tính khoa học đòi hỏi công tác tuyên truyền, cỗ động phải phân tích, đánh giá, tìm ra mối liên hệ giữa các hiện tượng và lý giải đúng đắn bản chất sự việc và hiện tượng trên cơ sở khoa học. Công tác tuyên truyền phải xuất phát từ thực tiễn và phục vụ thực tiễn ở cơ sở, tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Nội dung, hình thức tuyên truyền, cỗ động phải phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Ba là tính chân thực: Tính chân thực là nguyên tắc quan trọng của công tác tuyên truyền. Tính chân thực đòi hỏi việc tuyên truyền, cỗ động phải giải thích những thành tựu cũng như những sai lầm, thiếu sót trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội một cách trung thực, khách quan.

Tính chân thực không mâu thuẫn với việc cân nhắc cái gì nên nói, cái gì có thể đưa công khai, cái gì cần thông tin nội bộ. Vấn đề cơ bản là nội dung tuyên truyền, cổ động đưa ra phải chân thực, đúng đắn, có tác động tích cực đến tư tưởng của các tầng lớp nhân dân, không được nói dối, nói quá, thổi phồng, bao che, xuyên tạc sự thật,...

Bốn là tính chiến đấu: Tính chiến đấu chính là bản chất của công tác tuyên truyền, cổ động chính trị. Tính chiến đấu biểu hiện ở sự nhạy bén chính trị, tinh thần tiến công cách mạng trong thực hiện tuyên truyền, cổ động. Trong mỗi sự việc cần phân biệt rõ ràng đúng - sai, phải - trái, phù hợp - không phù hợp, biểu dương, phê phán kịp thời. Tính chiến đấu còn thể hiện ở việc kiên quyết phê phán các luận điệu tuyên truyền phản động, phản khoa học, trái với quan điểm, đường lối của Đảng.

Năm là tính phổ thông, đại chúng: Tuyên truyền, cổ động phải đến với toàn dân, muốn vậy cách nói, cách làm trong tuyên truyền phải bám sát từng đối tượng để chọn ra phương pháp phù hợp; phải động viên nhiều người, nhiều lực lượng cùng tham gia vào công tác tuyên truyền, cổ động. Tuyên truyền, cổ động phải gắn liền với tổ chức, hướng dẫn phong trào, cổ vũ hành động cách mạng. Hình thức, nội dung tuyên truyền phải linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với phong tục

tập quán, truyền thống của từng dân tộc, từng vùng, từng địa phương.

5. Phương châm của công tác tuyên truyền, cổ động

a) *Bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, phát huy tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân*

Nội dung công tác tuyên truyền, cổ động ở mỗi thời kỳ, thời điểm đều phải dựa vào nhiệm vụ chính trị của Đảng, bám sát sự chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên và phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị do cấp ủy cơ sở đề ra. Tuyên truyền, cổ động phải nhằm củng cố, giữ vững lòng tin của quần chúng với Đảng, đẩy lùi được tâm trạng hoài nghi, hoang mang, dao động.

b) *Công tác tuyên truyền, cổ động phải kịp thời, nhạy bén, nội dung chính xác, có tính chiến đấu cao*

Phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự quốc tế, trong nước, địa phương cho các tầng lớp nhân dân biết để làm theo. Nội dung tuyên truyền, cổ động phải đúng sự thực, không tô hồng, bôi đen, nhưng cũng không rơi vào chủ nghĩa tự nhiên, thiếu định hướng. Phải rõ chính kiến trước những sự kiện, hiện tượng tiêu cực của xã hội; phê phán, đấu tranh với luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, ảnh hưởng tới lợi ích của quốc gia, dân tộc.

c) *Kết hợp tuyên truyền, cổ động nâng cao nhận thức tư tưởng với hướng dẫn hành động và cổ vũ phong trào*

Mục tiêu của tuyên truyền, cổ động không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, mà từ nhận thức phải hướng quần chúng tới hành động cách mạng và phải tiếp tục cổ vũ cho phong trào cách mạng để thúc đẩy phong trào phát triển, mở rộng, lôi cuốn ngày càng đông đảo mọi người tham gia.

d) *Kết hợp giữa biểu dương và phê phán*

Biểu dương và phê phán là hai mặt không thể thiếu được trong tuyên truyền, cổ động. Hai mặt này gắn bó mật thiết với nhau, hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhau. Khắc phục khuynh hướng chỉ nhấn mạnh một mặt, xem nhẹ mặt còn lại dẫn tới hạn chế hiệu quả công tác, thậm chí có thể gây ra phản tác dụng.

d) *Tuyên truyền, cổ động phải cụ thể, thiết thực, sinh động*

Để nội dung tuyên truyền, cổ động cụ thể, thiết thực, trước hết cần nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân để tuyên truyền đúng đối tượng. Trong tuyên truyền phải sử dụng cách nói dễ hiểu, đơn giản, bằng ngôn ngữ của quần chúng để nói với quần chúng, tránh những từ hoa mỹ, trống rỗng. Sử dụng

những hình thức phù hợp với đối tượng ở cơ sở. Những nhiệm vụ đặt ra phải cụ thể, thiết thực, quần chúng có thể làm được.

e) *Phối hợp tốt các mặt hoạt động của công tác tuyên truyền, cổ động*

Kết hợp các lực lượng và hình thức tuyên truyền. Kết hợp tuyên truyền thường xuyên với tuyên truyền theo chủ đề, từng thời gian. Kết hợp tuyên truyền với cổ động.

II- NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG Ở CƠ SỞ

1. Nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

Nội dung tuyên truyền, cổ động ở cơ sở rất phong phú, nhưng có thể khái quát thành những nội dung cơ bản sau đây:

- Tuyên truyền, cổ động về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương, thông tin tình hình thời sự, định hướng giải quyết những việc khó khăn, bức xúc cần giải quyết ở cơ sở. Đây là một nội dung chủ yếu, thường xuyên của công tác tuyên truyền, cổ động, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, biến những

chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành những kết quả trong thực tế.

- Tuyên truyền, cổ động về những thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của đất nước và của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, những kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

- Tuyên truyền, cổ động về đạo đức, lối sống, nếp sống..., góp phần xây dựng con người mới và nền văn hóa mới ở địa phương.

- Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, cổ động nhân các ngày kỷ niệm, các đợt vận động chính trị lớn của đất nước và địa phương nhằm giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng trong nước và địa phương, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào dân tộc, qua đó thúc đẩy, cổ vũ nhân dân phát huy truyền thống, xây dựng quê hương.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức mới, quy trình công nghệ mới trong sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường ở cơ sở; cổ động nhân dân tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào trong sản xuất, góp phần làm giàu cho quê hương.

- Tuyên truyền, giáo dục về gương người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến, cổ động, thúc đẩy các phong trào thi đua ở cơ sở.

- Chỉ rõ âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; nhiệm vụ đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tệ nạn xã hội, phê phán những thói hư, tật xấu..., “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tại cơ sở.

2. Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

Công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở có ba nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về lý luận chính trị, đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kiến thức khoa học..., tạo sự thống nhất cao trong Đảng và đồng thuận trong nhân dân.

- Cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào và hành động cách mạng, thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và góp phần xây dựng con người mới, nền văn hóa mới, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

- Đấu tranh chống mọi thủ đoạn tuyên truyền của các thế lực thù địch; chống những quan điểm sai trái, cơ hội, lệch lạc, phản động; bài trừ các loại hủ tục lạc hậu, các biểu hiện phi văn hóa trong nhân dân.

Từ ba nhiệm vụ cơ bản nêu trên, tùy theo nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ và tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị để xác định nhiệm vụ cụ thể của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở.

3. Một số nghiệp vụ tổ chức và hoạt động tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

Trong tổ chức, hoạt động tuyên truyền và cổ động ở cơ sở cần có những thao tác nghiệp vụ phù hợp với đối tượng của tuyên truyền, cổ động tại cơ sở.

a) Xây dựng lực lượng, chuẩn bị phương tiện, phương thức cho công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

Lực lượng tuyên truyền, cổ động ở cơ sở có vai trò quan trọng, quyết định trực tiếp đến hiệu quả công tác, bao gồm: cấp ủy viên, báo cáo viên của cơ sở, báo cáo viên của các ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, tuyên truyền viên, cán bộ, đảng viên, trưởng thôn, trưởng xóm... Lực lượng tuyên truyền, cổ động phải là những người nhiệt tình, có năng lực, say mê nghề nghiệp...

Cấp ủy đảng ở cơ sở phải chăm lo xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ hoạt động có hiệu quả. Cấp ủy phải lãnh đạo, định hướng đúng đắn các nội dung tuyên truyền, cổ động; phải duy trì sinh hoạt và quản lý đội ngũ làm công tác tuyên truyền, cổ động ở

cơ sở. Tùy theo điều kiện cụ thể, có thể tổ chức cấp thẻ cộng tác viên, tuyên truyền viên, cung cấp tài liệu cho họ hoạt động; có chế độ, chính sách phù hợp để họ tích cực hoạt động, thu hút được đông đảo lực lượng ở cơ sở tham gia công tác tuyên truyền, cổ động.

Phương tiện tuyên truyền, cổ động có vai trò quan trọng. Trước hết, phải sử dụng có hiệu quả các phương tiện hiện có, như sách, báo, tài liệu tuyên truyền, các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, hệ thống giáo dục quốc dân... Từng bước hiện đại hóa các phương tiện tuyên truyền, cổ động. Chú trọng đến việc sử dụng có hiệu quả hệ thống đài truyền thanh xã, phường, hệ thống thư viện, các phương tiện trực quan, các di tích lịch sử, văn hóa ở cơ sở.

Thời gian tổ chức buổi tuyên truyền và hoạt động cổ động phải phù hợp với hoàn cảnh học tập, công tác của đối tượng để có số lượng đồng nhất các đối tượng tuyên truyền, cổ động tham gia thì cần phải tránh thời điểm như ca kíp, lúc mùa vụ, v.v.. Thời điểm tổ chức cũng cần căn cứ vào nhu cầu thông tin của đối tượng: khi đối tượng đang khao khát, có nhu cầu được thông tin, muốn biết những vấn đề đó thì hiệu quả tuyên truyền, cổ động sẽ cao hơn. Ở cơ sở, thời gian tuyên truyền, cổ động không nên quá dài. Việc tuyên truyền không đúng lúc cũng sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động tuyên truyền, cổ động.

Chọn vị trí đi lại thuận lợi, nơi tập trung đông người, có điều kiện ánh sáng, không ôn ào, thuận lợi cho tiếp nhận thông tin của đối tượng.

b) Xây dựng để cương tuyên truyền, cổ động

Để cương tuyên truyền, cổ động là loại văn bản sử dụng ngôn ngữ viết để phân tích, giải thích, minh họa đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm giúp cho cán bộ tuyên truyền, cổ động có nội dung tư tưởng thống nhất, có những thông tin cần thiết để tiến hành tuyên truyền, cổ động. Nó giúp cho đối tượng nhận thức đúng đắn, chính xác các quan điểm của Đảng, định hướng suy nghĩ, hành động theo mục tiêu đề ra. Có hai dạng để cương tuyên truyền chủ yếu: bài luận giải thích và dạng hỏi - đáp.

Các bước xây dựng để cương tuyên truyền, cổ động:

- Xác định mục đích, yêu cầu đạt được về mặt nhận thức và tạo chuyển biến về tư tưởng, hành động phù hợp với đối tượng cụ thể và yêu cầu nhiệm vụ.

- Thu thập thông tin từ các nguồn: các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; văn kiện của Đảng và các văn bản của Nhà nước; những bài viết của các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học; sách báo, băng ghi âm, tài liệu tuyên truyền, cổ động của cấp trên về vấn đề đó. Đây phải là những thông tin chính thống, thông tin có tính thời sự.

- Phân tích, xử lý thông tin, chọn lọc những thông tin cần thiết, quan trọng, có giá trị, sắp xếp tư liệu theo trình tự nội dung của đề cương.

- Xác định dạng và bố cục đề cương: từng dạng đề cương có yêu cầu, có lôgich, có đặc điểm riêng tùy theo nội dung và nhiệm vụ tuyên truyền, cổ động đối tượng. Xây dựng dàn ý chi tiết, chú trọng luận đê, luận điểm, luận chứng, luận cứ của đề cương. Số liệu nêu trong đề cương phải tiêu biểu, làm luận chứng để chứng minh cho luận đê. Xác định rõ vấn đề trọng tâm, cấu trúc của đề cương phải hợp lý, chặt chẽ.

- Xác định ngôn ngữ thể hiện: ngôn ngữ phải mang tính phổ thông, trong sáng, dễ hiểu, phù hợp với trình độ và quá trình nhận thức của đối tượng.

- Chọn phong cách thể hiện: tùy theo từng chủ đề, đối tượng và điều kiện ở cơ sở mà sử dụng phong cách thể hiện phù hợp. Có thể sử dụng phong cách cởi mở, thân thiện, hoặc nghiêm trang, lịch sự, v.v.. Có thể dùng phương pháp diễn giải, quy nạp, hoặc kết hợp cả hai.

Chuẩn bị đề cương tuyên truyền, cổ động có vai trò rất quan trọng, nó là một yếu tố quyết định đến hiệu quả của công tác này. Vì vậy, phải chuẩn bị đề cương tuyên truyền, cổ động công phu, nghiêm túc. Đề cương cần có sự tham gia của các ban, ngành và được cấp ủy

có thẩm quyền quyết và được dùng cho nhiều người tuyên truyền, cổ động.

c) Một số thao tác nghiệp vụ của người cán bộ tuyên truyền miệng

Tuyên truyền miệng là hoạt động tuyên truyền chủ yếu và có hiệu quả nhất ở cơ sở. Hiệu quả tuyên truyền miệng phụ thuộc trực tiếp vào trình độ nghiệp vụ, nghệ thuật tuyên truyền miệng của báo cáo viên. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền miệng, cần chú ý một số vấn đề nghiệp vụ sau đây:

- *Tìm hiểu tâm lý và đặc điểm đối tượng.*

Đối tượng tuyên truyền miệng ở cơ sở rất đa dạng, có đặc điểm tâm lý, nghề nghiệp, điều kiện sống khác nhau, có nhu cầu, sự quan tâm đến các vấn đề khác nhau. Vì vậy, am hiểu đặc điểm và tâm lý đối tượng là yêu cầu đầu tiên để tiến hành có hiệu quả công tác tuyên truyền miệng.

Muốn nắm được tâm lý, đặc điểm đối tượng ở cơ sở cần nghiên cứu, tìm hiểu trước, thông qua thông báo, trao đổi của các cơ quan, tổ chức. Nắm tâm lý, đặc điểm đối tượng qua nắm bắt tư tưởng và dư luận xã hội, trao đổi với đội ngũ cán bộ chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở. Qua việc quan sát trực tiếp phong trào quần chúng ở cơ sở, điều tra bằng phiếu hỏi, quan sát trong các buổi báo cáo để thấy được thái độ, phản ứng

của người nghe. Khi nắm được thái độ, đặc điểm của đối tượng phải lựa chọn nội dung, phương pháp tuyên truyền cho phù hợp để đạt hiệu quả cao.

- *Lựa chọn nội dung và chất lượng thông tin.*

Nhu cầu nhận thức của con người rất phong phú, đa dạng. Chỉ khi đáp ứng được nhu cầu, thỏa mãn những mong đợi, khát khao của họ thì nội dung thông tin mới được họ tiếp thu một cách tích cực, tự giác. Vì vậy, lựa chọn nội dung tuyên truyền cần chú ý đến những yêu cầu thông tin của đối tượng.

Khi trình bày các vấn đề, sự kiện, báo cáo viên cần phân tích, khai thác các khía cạnh của bản chất sự kiện, tổng hợp, khái quát định hướng suy nghĩ và hành động, thỏa mãn nhu cầu nhận thức, trí tuệ và tình cảm của người nghe để đạt được mục đích của tuyên truyền.

Chất lượng thông tin phụ thuộc vào mức độ “sâu” và mức độ “mới” của nó. Những thông tin được phân tích trên cơ sở khoa học và thực tiễn sâu sắc, chỉ rõ bản chất, quy luật, dự báo xu hướng phát triển sẽ giải đáp những vướng mắc của người nghe. Đó là những thông tin có giá trị soi sáng về tư tưởng, hướng dẫn dư luận và hướng dẫn hành động.

Giá trị thông tin mới rất quan trọng nên cần chú ý cập nhật thông tin và khai thác để tuyên truyền. Với các thông tin cũ, sự phân tích sâu sắc, nhận xét, bình luận tinh tế, dự báo có cơ sở khoa học, liên hệ thực tiễn

gần gũi, sống động, phương pháp trình bày hấp dẫn, lôi cuốn... cũng có thể được coi là mới với người nghe. Vì vậy, đổi mới cách trình bày phù hợp với đối tượng là yêu cầu quan trọng của tuyên truyền miệng.

- *Chuẩn bị để cương bài nói.*

Hoạt động tuyên truyền miệng bao gồm xây dựng nội dung và trình bày bài nói. Sự chuẩn bị chu đáo bài nói, đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền và yêu cầu của người nghe sẽ góp phần lớn vào thành công của buổi nói chuyện. Để cương bài nói có thể là để cương khái quát hoặc để cương chi tiết, thậm chí là một bài viết hoàn chỉnh, thường có những phần sau:

Phần mở đầu, có tính chất giới thiệu vấn đề và làm quen, có tác dụng tạo ra sự thân mật, gần gũi giữa người nói và người nghe. Mở đầu cần định hướng sự theo dõi, chú ý của người nghe vào nội dung tuyên truyền, giới thiệu những phần chính sẽ trình bày, thời gian sẽ kết thúc và phương thức tiến hành để người nghe chủ động theo dõi. Mở đầu cần ngắn gọn, súc tích, tránh dài dòng, có thể mở đầu trực tiếp, bắc cầu, tương phản, dẫn câu của lãnh tụ, danh nhân, v.v..

Phần nội dung, đây là phần quan trọng nhất của bài nói. Chuẩn bị từng vấn đề, từng sự kiện, theo lôgich, tầm quan trọng hoặc tiến trình lịch sử, có nguồn gốc, nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp; những nét diễn biến chính, xu hướng vận động, ý kiến đánh giá, bình luận;

thái độ và biện pháp xử lý. Kết thúc mỗi vấn đề cần tóm tắt, chốt lại những ý chính. Cấu trúc của bài nói phải đảm bảo tính lôgich chặt chẽ, hợp lý.

Với từng vấn đề, cần phải dùng các luận điểm, luận cứ, luận chứng, các ví dụ xác đáng, tiêu biểu, rõ ràng để giải thích và chứng minh. Giữa các phần có chuyển ý để cho người nghe thấy liền mạch trong suy nghĩ. Dẫn chứng các câu nói phải trung thực, có xuất xứ. Tùy theo từng loại bài nói mà ta chú ý đến các nội dung lý luận, tính thực tiễn, phù hợp với đối tượng.

Phần kết luận có giá trị khái quát những điều đã trình bày, nhấn mạnh điểm chính, khơi gợi suy nghĩ và cổ vũ hành động, định hướng tư tưởng để người nghe nâng cao niềm tin và xác định rõ trách nhiệm của mình trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- *Sử dụng ngôn ngữ và phong cách trong buổi nói chuyện.*

Ngôn ngữ là công cụ chủ yếu của người tuyên truyền miệng. Ngôn ngữ còn là biểu hiện của nhân cách, đạo đức, năng lực trí tuệ, khí chất và thể lực của người nói. Cùng với lời nói, các biểu hiện của nét mặt, nụ cười, ánh mắt, cử chỉ... cũng có tác dụng quan trọng, tạo nên thành công của buổi nói chuyện. Nói chuyện tin vui, nói chuyện buồn, thông báo việc quan trọng... phải có thái độ khác nhau. Thông qua những biểu hiện của người nói, người nghe hiểu được thái độ, tình cảm,

niềm vui, nỗi buồn, sự xót xa, sự mỉa mai phê phán, thái độ kiên quyết ủng hộ, tình yêu thương, niềm tin vào lẽ phải của người nói. Những biểu hiện ngoài lời nói của tuyên truyền miệng được hình thành ổn định, trở thành phong cách riêng của mỗi người. Biểu cảm và phong cách cùng với lời nói làm cho nội dung tuyên truyền càng trở nên hấp dẫn hơn. Điều chủ yếu của việc thể hiện phong cách, biểu cảm là phải chân thực, không giả tạo, không mang tính biểu diễn để không gây ức chế cho người nghe.

- *Chủ động xử lý các tình huống trong lúc nói chuyện.*

Với tinh thần hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại, người nói nên chuẩn bị tinh thần sẵn sàng trao đổi với người nghe. Dù câu hỏi ở dạng nào cũng cần chủ động trao đổi chân tình, không lảng tránh hoặc tỏ ra lúng túng, gây phản ứng với người nghe.

Khi tiến hành buổi nói chuyện, người nói là “vai chính”, vì vậy, cần phải chủ động xử lý các tình huống có thể xảy ra:

+ Lựa chọn cách mở đầu và các bước tiếp theo một cách hợp lý, nhằm cuốn hút người nghe theo chủ đề, làm tăng sự hưng phấn, sự chú ý của người nghe.

+ Lựa chọn phương thức tiến hành phù hợp với đối tượng và vấn đề cần trình bày.

+ Chú ý quan sát và phát hiện các quá trình tâm lý diễn ra ở người nghe để điều chỉnh nội dung, cách nói,

nhiệt điệu và thời gian cho phù hợp. Thậm chí phải kích thích người nghe, tạo ra nhu cầu mới cho họ, dẫn dắt họ theo định hướng của mình, hứa hẹn đáp ứng nhu cầu mới trong dịp khác. Biết nghỉ giải lao, biết dừng câu chuyện, biết kết thúc bài nói đúng lúc. Không kết thúc sớm quá và tốt nhất là không quá giờ, không kết thúc đột ngột mà có sự chuẩn bị trước về nội dung và ngữ điệu để kết thúc đúng lúc, kết thúc có hậu bằng sự hứa hẹn gấp lại, cảm ơn sự chú ý...

- *Cách viết một bản tin phục vụ dài truyền thanh ở cơ sở.*

Hoạt động truyền thanh xã, phường, thị trấn có vai trò, vị trí rất quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương về các lĩnh vực của đời sống ở cơ sở. Truyền thanh ở xã, phường, thị trấn có chức năng như một tờ báo (báo nói), là cơ quan ngôn luận của cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn, là tiếng nói của nhân dân ở cơ sở, hoạt động dưới sự chỉ đạo của đảng ủy, ủy ban nhân dân. Ban tuyên giáo cơ sở tham mưu và trực tiếp giúp cấp ủy cơ sở chỉ đạo về nội dung tư tưởng chính trị của các hoạt động truyền thanh. Hoạt động truyền thanh xã, phường, thị trấn cần phải có chương trình phong phú, đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu

của nhân dân và nhiệm vụ tuyên truyền trong những thời điểm khác nhau.

+ *Nội dung, yêu cầu đối với chương trình truyền thanh ở cơ sở.*

- *Các nội dung chủ yếu bao gồm:*

Tóm tắt những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mới ban hành, nhất là những chủ trương, chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân ở địa phương, đơn vị.

Truyền đạt các chủ trương, nghị quyết, quyết định mới của đảng ủy và chính quyền địa phương. Thông báo nội dung sinh hoạt của các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương và tình hình những sự kiện, vấn đề thời sự đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

Kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt, phê bình nhắc nhở những hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh trên địa bàn; cổ động các phong trào thi đua, các cuộc vận động đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

Phổ biến khoa học - kỹ thuật, những kiến thức cần thiết đối với các hoạt động kinh tế - xã hội đang diễn ra, những tri thức và kinh nghiệm bổ ích đối với đời sống của nhân dân địa phương, đơn vị.

Các tiết mục văn nghệ do người địa phương thực hiện.

- *Yêu cầu đối với chương trình truyền thanh.*

Liều lượng của các nội dung nói trên được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình của địa phương

trong từng thời thời gian. Các tin, bài của buổi phát thanh cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực, sát với thực tế địa phương và phải được kiểm, duyệt trước khi phát sóng.

Cán bộ đài truyền thanh phải được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, có trình độ lý luận chính trị nhất định, có thể thay nhau đảm nhiệm việc duyệt tin, bài khi có người đi vắng.

Truyền thanh xã, phường, thị trấn cần khắc phục khuynh hướng buông lỏng, khoán trăng cho một số cán bộ thông tin, văn hóa, khiến cho hiệu quả tuyên truyền qua đài truyền thanh không cao. Cần cảnh giác các lực lượng xấu lợi dụng đài truyền thanh để tuyên truyền, kích động quần chúng dưới các chiêu bài chống quan liêu, tham nhũng...

+ *Cách viết một bản tin.*

Bản tin được hiểu là tin về những sự kiện quan trọng có tính thời sự và có ảnh hưởng đến mọi người. Đó là sự kiện vừa xảy ra, có thật trong cuộc sống. Nó đáp ứng yêu cầu thông tin và tạo nên sự hứng thú cho người đọc, người nghe bởi tính chân thực, nhiều hình, nhiều vẻ, có tính thời sự và góp phần nâng cao nhận thức, hình thành tình cảm, thái độ cho người nghe.

• *Nguyên tắc viết tin.*

Câu đầu tiên của tin không dài quá, trả lời được các câu hỏi: Cái gì? Ai? Ở đâu? Thời gian nào? Tại sao?

Như thế nào? Bắt đầu vào bản tin phải nêu được sự việc đáng lưu ý nhất, có thể là chi tiết quan trọng nhất của sự kiện chưa đựng chủ đề tư tưởng; cũng có thể vào đầu phải giản dị, cụ thể, làm nổi bật sự kiện. Tin cần được viết theo thứ tự: thông tin chủ yếu, quan trọng lên đầu. Mô thức kết cấu của tin có thể là: mô thức hình xoáy ốc, mô thức kết cấu nhân - quả.

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản này, người viết luôn phải khách quan, không suy diễn sự kiện, không liên tưởng theo ý chủ quan của riêng mình. Người viết tin đưa ra nguồn tin tư liệu phải có độ chính xác cao, không bịa đặt.

- *Kết cấu của tin.*

Đầu đề tin: Thường biểu đạt cô đọng nội dung, thể hiện bản chất chính trị và tạo ra sự chú ý, quan tâm của công chúng đối với tin. Tùy theo từng loại tin mà trình bày đầu đề cho phù hợp. Có một số dạng đầu đề: đầu đề là nội dung của sự kiện hoặc là phán đoán về nội dung quan trọng về sự kiện. Đầu đề thể hiện tính đặc trưng của sự kiện, tạo ấn tượng mạnh trong tâm lý người đọc. Đầu đề trích dẫn: đưa nguyên văn một câu nói hoặc một ý quan trọng của một nguồn tin có trách nhiệm về sự kiện đó. Đầu đề số liệu: đưa những con số với tư cách là chi tiết thông tin quan trọng nhất, đáng chú ý nhất về sự kiện.

Mở đầu của tin: Là phần đặc biệt quan trọng, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt. Vì vậy, mở đầu phải sinh động, hấp dẫn, có nhiều cách để mở đầu: *Mở đầu trực tiếp* là thông tin trực tiếp về sự kiện, là kiểu mở đầu phổ biến nhất, nhanh, kịp thời. *Mở đầu sự kiện* là kiểu đưa thông tin về các điều kiện trong đó xảy ra sự kiện. *Mở đầu giao thoại* là kiểu mở đầu bằng cách đưa những chi tiết thông tin có kịch tính nhằm tác động mạnh vào tâm lý của người đọc, tạo ra sự chú ý ngay từ đầu cho người nghe.

Phần thân tin: Thân tin chứa đựng nội dung thông tin chủ yếu của tin, thỏa mãn các câu hỏi về quy mô, tính chất, diễn biến của sự kiện, các yếu tố tác động đến sự kiện và quan hệ của sự kiện đó đến các vấn đề, sự kiện khác. Các chi tiết ở thân tin được liên kết với nhau trong một lôgic nhất định, tùy theo các mô thức kết cấu của tin.

Phần kết luận của tin: nêu xu hướng vận động, ý nghĩa xã hội của sự kiện.

+ *Về ngôn ngữ của tin.*

Do quy định của những chức năng cơ bản của tin nên ngôn ngữ cũng mang tính đặc thù: ngôn ngữ sự kiện. Các từ và các đơn vị mệnh đề, câu đều tập trung để phán đoán trực tiếp về sự kiện. Trong tin ít sử dụng các mỹ từ, tính từ, hoặc các kiểu câu phức hợp có kết cấu nhiều tầng.

Ngôn ngữ tin thường có đặc điểm là trực tiếp, cụ thể, xác thực, cô đọng, ngắn gọn, súc tích; rõ ràng, khúc triết, sinh động, thường dùng câu ngắn; luôn đổi mới với nhiều hình thức. Văn phong phải quảng đại quan chúng, sát hợp với trình độ nhận thức của công chúng. Tránh dùng từ mượn của nước ngoài khi ngôn ngữ quốc gia đã có.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân biệt công tác tuyên truyền với công tác cổ động.
2. Trình bày nội dung, nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở.
3. Để tuyên truyền miệng đạt hiệu quả, cần chú ý những thao tác, nghiệp vụ nào? Đồng chí hãy chia sẻ những hiểu biết và kinh nghiệm của cá nhân về vấn đề này.

Chuyên đề 4

CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

1. Một số khái niệm cơ bản

a) Khái niệm văn hóa

Văn hóa là lĩnh vực rộng lớn gắn liền với sự ra đời và phát triển của lịch sử nhân loại. Có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận, đánh giá theo những cách tiếp cận khác nhau.

Ở phương Tây, văn hóa (Culture) có nguồn gốc từ chữ latin “Cultus” với nghĩa khởi nguyên là gieo trồng, vun xới trong trồng trọt, sau này được mở rộng nghĩa dùng trong xã hội chỉ sự gieo trồng trí tuệ cho con người, giáo dục, đào tạo con người.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, văn hóa là toàn bộ những thành quả được tạo ra nhờ hoạt động

lao động sáng tạo của con người - hoạt động sản xuất vật chất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực của con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”¹.

Năm 2001, Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO) đã đưa ra định nghĩa về văn hóa, được công nhận và sử dụng rộng rãi trên thế giới: “Văn hóa... cần được coi là tập hợp các đặc trưng về tinh thần, vật chất, trí tuệ và tình cảm của một xã hội hoặc một nhóm người và rằng bên cạnh nghệ thuật và văn chương, nó còn bao hàm cả lối sống, cách sống trong cộng đồng, hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng”².

Từ các định nghĩa về văn hóa nêu trên, có thể hiểu khái niệm văn hóa như sau:

Theo nghĩa rộng, văn hóa là toàn bộ những thành quả về vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.458.

2. Xem UNESCO: “Tuyên bố toàn cầu về sự đa dạng văn hóa”, 2001, <https://thuvienphapluat.vn>.

trong quá trình lịch sử của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Nó phản ánh và thể hiện trình độ phát triển của xã hội đó.

Theo nghĩa hẹp, văn hóa được coi chủ yếu là các loại hình hoạt động cụ thể của ngành văn hóa như bảo tồn, bảo tàng, thư viện, xuất bản, phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống và các loại hình văn học, nghệ thuật... Đây chính là những nội dung xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của ngành văn hóa từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

b) Khái niệm văn nghệ

Theo chiết tự, văn nghệ là từ ghép chỉ hai lĩnh vực văn học và nghệ thuật.

Theo đó, văn nghệ hay còn gọi là văn học, nghệ thuật là thuật ngữ chỉ các hoạt động sáng tạo văn học và nghệ thuật (văn học, sân khấu, mỹ thuật, điện ảnh, kiến trúc, nhiếp ảnh, múa...), là bộ phận của văn hóa. Những giá trị văn học, nghệ thuật là tinh hoa cốt lõi tạo nên diện mạo, bản sắc văn hóa dân tộc.

Văn nghệ là một hình thái ý thức xã hội phản ánh thực tại xã hội bằng tư duy hình tượng, thông qua hình tượng nghệ thuật nên nó có những quy luật, đặc điểm, tính chất riêng cần chú ý trong khi tiến hành công tác văn hóa, văn nghệ.

c) *Khái niệm công tác văn hóa, văn nghệ*

Công tác văn hóa, văn nghệ của Đảng ta được hiểu là hoạt động tham mưu xây dựng các chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa, văn nghệ; lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện những quan điểm, chủ trương đó; đồng thời, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua hoạt động văn hóa - văn nghệ, từ đó biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực, trực tiếp đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của Nhân dân, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Công tác văn hóa, văn nghệ không chỉ thỏa mãn nhu cầu về văn hóa, văn nghệ và đời sống tinh thần của Nhân dân mà hơn hết là bảo đảm tính đảng trong mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ.

2. Vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ

a) *Văn hóa, văn nghệ có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội*

Đảng ta khẳng định rõ vai trò của văn hóa, văn nghệ trong đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quan điểm xuyên suốt của Đảng ta là:

Văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, “là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh””¹.

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam².

Thứ nhất, văn hóa, văn nghệ là nền tảng tinh thần của xã hội.

Nếu kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội thì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa, văn nghệ biểu hiện sức sống, sức sáng tạo, sức phát triển, sức mạnh tiềm tàng, bản sắc và bản lĩnh dân tộc, phong cách và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.126.

2. Xem Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

lối sống đã được thẩm nhuần trong từng con người, từng cộng đồng và cả dân tộc, được chắt lọc, kế thừa và phát huy, phát triển qua các thế hệ; được vật chất hóa trong các cấu trúc, thiết chế chính trị, kinh tế, xã hội và trong đời sống của cả dân tộc.

Thứ hai, văn hóa, văn nghệ là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa, văn nghệ có chức năng khơi dậy và nhân lên tiềm năng sáng tạo của con người, tạo ra nguồn lực nội sinh chủ yếu nhất cho mọi sự phát triển. Văn hóa, khoa học đang là động lực to lớn đối với sự phát triển của kinh tế tri thức, giữ vai trò nổi bật trong sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại. Với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng con người mới, văn hóa vun trồm, đào tạo những con người “vừa hồng, vừa chuyên”, cổ vũ họ sáng tạo ra những sản phẩm mới cho xã hội.

Đồng thời, môi trường văn hóa, văn nghệ lành mạnh dựa trên cơ sở pháp lý và đạo lý xã hội minh bạch, dân chủ, nhân văn sẽ giúp chống lại các tiêu cực do mặt trái của kinh tế thị trường đưa lại, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

Trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, việc khai thác các giá trị văn hóa, văn nghệ, khai thác tiềm năng của di sản văn hóa để phát triển kinh tế là yêu cầu cấp

thiết. Sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, văn nghệ như: điện ảnh, âm nhạc, biểu diễn nghệ thuật, quảng cáo, du lịch văn hóa, giải trí, v.v. đã chứng minh cho việc khẳng định văn hóa chính là động lực, là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, văn hóa, văn nghệ là mục tiêu của sự phát triển.

Văn hóa thể hiện trình độ phát triển chung của con người, cộng đồng và xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế, sự giàu có về vật chất của một xã hội hay trình độ học vấn của một con người chưa phản ánh đầy đủ nội dung, yêu cầu của sự phát triển. Tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá một xã hội là trình độ phát triển về văn hóa và con người. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, phải hướng đến một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, con người được hạnh phúc và phát triển toàn diện. Vì vậy, văn hóa, văn nghệ đóng vai trò là mục tiêu trước mắt và lâu dài của sự phát triển kinh tế - xã hội.

b) Văn hóa, văn nghệ là nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người

Lịch sử loài người đã khẳng định rằng con người có hai loại nhu cầu cơ bản là nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần. Trong hoạt động sống của mình, con người luôn luôn lao động, đấu tranh, sáng tạo để thỏa mãn

các nhu cầu đó. Trong hai loại nhu cầu đó, đặc trưng riêng biệt nhất của con người chính là nhu cầu tinh thần, là khát vọng đạt tới sự phong phú, cao đẹp của thế giới tinh thần, tâm hồn, vượt lên theo lý tưởng chân, thiện, mỹ.

Văn hóa, văn nghệ là lĩnh vực sản xuất tinh thần, tạo ra những giá trị văn hóa, những tác phẩm và công trình nghệ thuật làm giàu đẹp thêm cho cuộc sống con người. Khác với lĩnh vực sản xuất vật chất, lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra các giá trị đặc biệt, khi được Nhân dân khẳng định, nó trở thành những công trình có sức sống lâu dài, trường tồn với thời gian, được giữ gìn, bảo tồn, khai thác và phát huy mãi mãi, là sự thể hiện bản sắc, đặc trưng, những vẻ đẹp độc đáo của một cộng đồng, của một dân tộc.

c) Văn hóa giữ vai trò quan trọng và trực tiếp trong nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Mục tiêu cao nhất của sản xuất tinh thần - lĩnh vực đặc thù của văn hóa, là xây dựng nền hệ thống các giá trị làm chuẩn mực cho con người vươn tới, noi theo. Đó chính là một trong những sứ mệnh cao quý nhất của văn hóa, văn nghệ. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh thiên chức riêng biệt của văn hóa, văn nghệ là bám sát đời sống con người, miêu tả và

khám phá con người, bảo vệ và góp phần trực tiếp xây dựng con người mới đang hình thành trong cuộc chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ và vĩ đại vì sự ra đời, chiến thắng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Do vị trí, vai trò đặc biệt của văn hóa, văn nghệ trong đời sống xã hội, đồng thời do văn hóa, văn nghệ luôn có mặt trong mọi lĩnh vực, mọi hoạt động của xã hội và con người nên cần phải biết phát huy tối đa sức mạnh của văn hóa, văn nghệ, làm cho nó gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào mọi lĩnh vực, mọi phương diện của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tư tưởng và công tác tư tưởng.

d) Công tác văn hóa, văn nghệ có vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng

Văn hóa, văn nghệ là một phương thức độc đáo, hiệu quả của công tác tư tưởng. Nội dung tư tưởng là hạt nhân, là cốt lõi, là yếu tố xuyên thấm trong các sản phẩm văn hóa nói chung và các tác phẩm văn học, nghệ thuật nói riêng. Vì vậy, yêu cầu không ngừng nâng cao và khẳng định nội dung tư tưởng của văn hóa, của các sản phẩm và hoạt động văn hóa, văn nghệ không chỉ là định hướng chính trị cơ bản trong công tác văn hóa, văn nghệ trước cuộc đấu tranh tư tưởng - văn hóa đang diễn ra ngày càng gay gắt và phức tạp hiện nay, mà còn là nhu cầu của chính văn hóa để tạo ra được các giá trị

văn hóa theo đúng vai trò và chức năng nó đảm nhận trước xã hội.

3. Quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn hiện nay

Tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết đã nêu rõ quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ gắn với xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta một lần nữa khẳng định các quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người đã được nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW¹.

a) Mục tiêu

- Mục tiêu chung.

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển

-
1. Hiện nay, Ban Tuyên giáo Trung ương đang tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 trình Ban Bí thư nhằm tham mưu những định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong tình hình mới.

toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- *Mục tiêu cụ thể.*

+ Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước.

+ Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, làm cho văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người Việt Nam hoàn thiện nhân cách.

+ Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

+ Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đầy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam.

+ Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội.

b) *Quan điểm*

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các

đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

c) *Phương hướng, nhiệm vụ*

- Nghị quyết số 33-NQ/TW chỉ rõ 6 nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ gắn với xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay gồm: (1) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; (2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; (3) Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; (5) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; (6) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Văn kiện Đại hội XII của Đảng một lần nữa khẳng định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, phát triển

văn hóa, văn nghệ, con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay¹ như sau:

(1) *Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.* Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đầu tranh phê phán, ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

(2) *Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.* Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống.

(3) *Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế.* Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị -

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.126-132.

xã hội; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(4) *Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa.* Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, chăm lo bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

(5) *Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản.* Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên internet để định hướng tư tưởng

và thẩm mỹ cho Nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên.

(6) *Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa.* Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam. Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

(7) *Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.* Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

(8) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Chấn chỉnh và quản lý tốt các hoạt động lễ hội. Rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các

nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ HIỆN NAY

1. Vị trí, vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở là khâu truyền tải trực tiếp chủ trương, đường lối, chính sách về văn hóa, văn nghệ của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân; hướng dẫn, tổ chức, triển khai các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Là khâu quan trọng nhất trong việc động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng tham gia mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ, từ đó biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực, trực tiếp đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân ở cơ sở.

- Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc xây dựng con người mới, cuộc sống mới, đấu tranh chống thói hư, tật xấu, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, góp phần tạo nên cuộc sống lành mạnh, tốt đẹp, môi trường thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của con người, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

- Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở có vai trò quan trọng động viên tính năng động, sáng tạo của nhân dân trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gop phần giữ gìn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, sáng tạo ra các giá trị mới làm phong phú thêm nền văn hóa nước nhà.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

Quán triệt mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển văn hóa, văn nghệ gắn với xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở cần xác định các mục tiêu, nhiệm vụ sau:

a) Mục tiêu

Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở hướng đến mục tiêu là: phát huy truyền thống văn hóa quê hương, dân tộc, gop phần bồi dưỡng và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gop phần xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng đời sống văn hóa mới, làm cho mọi người dân có đời sống vật chất đầy đủ và đời sống tinh thần phong phú; lành mạnh hóa các

quan hệ xã hội trên địa bàn. Thực hiện cuộc vận động thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần cùng cả nước xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

b) Nhiệm vụ

- Góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng, bồi dưỡng con người Việt Nam trong giai đoạn mới có các phẩm chất: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phán đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội; có ý thức tập thể, đoàn kết phán đấu vì lợi ích chung; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần, kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương, phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường văn hóa, sinh thái; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật sáng tạo, năng suất cao, vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Tích cực đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, những biểu hiện tiêu cực làm tha hóa con người. Đề ra các giải pháp khắc phục mặt hạn chế của con người Việt Nam.

- *Xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở.*

+ Xây dựng làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã và đang được toàn dân hưởng ứng. Nội dung cuộc vận động này chủ yếu là để xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, hình thành các làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa.

Các tiêu chí của làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa cụ thể như sau: Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, giúp nhau làm giàu chính đáng. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nhân dân có đời sống chính trị lành mạnh, đạo đức, lối sống văn minh, lịch sự; tôn trọng kỷ cương, phép nước, quy ước của cộng đồng, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh. Xây dựng, giữ gìn môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp, an toàn.

+ Xây dựng gia đình văn hóa, làm cho mọi gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Gia đình văn hóa phải bảo đảm các yêu cầu:

kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, công bằng, dân chủ, bình đẳng cho mọi thành viên, vợ chồng hòa thuận, con cháu hiếu thảo, đoàn kết và quan hệ tốt với xung quanh, tuân thủ pháp luật và các quy ước của cộng đồng, giữ gìn trật tự trị an, bài trừ các hủ tục, các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm bình đẳng giới và chống bạo lực gia đình.

+ Xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa theo các tiêu chí sau: Xây dựng cơ quan an toàn về chính trị, tư tưởng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân và của Nhà nước. Thực hiện tốt nội quy, kỷ luật lao động, tôn trọng và bảo vệ pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và mọi nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị. Phát triển phong trào thi đua yêu nước, phán đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Mọi thành viên có đời sống vật chất và tinh thần phong phú, ham học hỏi, yêu thích hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao.

- *Xây dựng thiết chế, thể chế văn hóa, văn nghệ ở cơ sở*: Xây dựng và thực hiện tốt các thể chế, thiết chế văn hóa, văn nghệ phù hợp, có hiệu quả, có chất lượng cao.

+ Phát triển và nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bước đầu các cơ sở đều đã có các thiết chế văn hóa. Tuy nhiên,

việc bảo đảm các điều kiện vật chất, trang thiết bị, nội quy và các quy chế hoạt động của các cơ sở này ở nhiều nơi còn gặp khó khăn. Việc củng cố, nâng cấp các thiết chế đã có, việc xây dựng các thiết chế mới đi đôi với hoàn thiện phương thức hoạt động để phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa là những công việc cần thiết phải làm ở cơ sở.

Phấn đấu các đơn vị cơ sở phải có các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, nhà truyền thống, bưu điện văn hóa xã, sân thể thao, các đội văn nghệ quần chúng, hệ thống truyền thanh, các tổ, đội tuyên truyền lưu động, các thiết bị cho tuyên truyền, cổ động...). Điều cần chú ý là vừa phát triển, vừa nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa để sử dụng có hiệu quả, thiết thực, tránh phô trương hình thức. Thiết chế văn hóa ở cơ sở phải có nội dung và phương thức hoạt động thích hợp, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia.

+ Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa gồm: Hệ thống tổ chức, bộ máy cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở. Cơ chế hoạt động và phối hợp của các tổ chức, các bộ phận trong ngành và quan hệ với ngành khác. Các chính sách, chế độ trong hoạt động văn hóa, kể cả các điều kiện, phương tiện làm việc, khen thưởng, xử lý kỷ luật, kinh phí hoạt động,... Hệ thống các phép tắc, quy tắc, chuẩn mực, nội quy, quy ước, hương ước,

quy định hoạt động văn hóa, các hành vi văn hóa của mỗi cá nhân trong cộng đồng.

3. Một số hoạt động cụ thể của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- *Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần tốt đẹp, lành mạnh, phong phú ở cơ sở*, thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” theo các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể, vận động, cổ vũ nhân dân tự giác, tích cực thực hiện các hoạt động xây dựng xã, phường, thôn, bản, cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa.

- *Tổ chức thông tin, tuyên truyền, cổ động, triển lãm... trên địa bàn*.

Đây là hoạt động thường xuyên trong công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở. Mục tiêu của công tác này nhằm tuyên truyền trực tiếp, kịp thời trong quần chúng nhân dân ở cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Phương thức của hoạt động này gắn với các hình thức, phương tiện thể hiện của văn hóa, văn nghệ để dễ dàng đi vào quần chúng, phù hợp với dân tộc và địa bàn, như: đài phát thanh, truyền thanh, trạm bản tin, trang trí panô, khẩu hiệu, thông tin cổ động, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền văn hóa... Chính các phương thức hoạt động có tính trực quan ở trên địa bàn huyện, xã... sẽ có tác dụng trực tiếp

đến quần chúng, nâng cao nhận thức tư tưởng, tri thức, tình cảm của nhân dân ở cơ sở.

- *Hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn.*

Tiềm năng sáng tạo văn học, nghệ thuật của nhân dân là vô cùng phong phú, đặc biệt ở cơ sở. Sự nhiệt thành, tâm huyết, tài năng và những nguyện vọng, sở thích sáng tạo văn học, nghệ thuật của nhân dân là cơ sở để tổ chức và phát triển các hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn huyện.

Mục tiêu của hoạt động này là tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực hoạt động sáng tạo (sáng tác và biểu diễn) văn nghệ; tự tổ chức, quản lý các hoạt động này, qua đó nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng. Các phương thức tổ chức ở cơ sở thường là các câu lạc bộ sở thích nghệ thuật, liên hoan văn nghệ, các hội diễn nghệ thuật quần chúng theo địa bàn dân cư, theo vùng văn hóa, theo nghề nghiệp, lứa tuổi hoặc giới tính... Để nâng cao tác dụng của hoạt động này cần gắn bó nó với các chủ đề chính trị, kinh tế, xã hội qua từng thời kỳ để tạo sức hấp dẫn và định hướng tư tưởng cho công chúng tham gia hoạt động văn hóa.

- *Công tác thư viện, phong trào đọc sách báo trên địa bàn.*

Việc phát triển hệ thống thư viện, phòng đọc sách báo ở cơ sở là hướng quan trọng của công tác tư tưởng -

văn hóa của Đảng và là ưu tiên trong kế hoạch, chương trình công tác văn hóa của Nhà nước. Ở cơ sở, cần có giải pháp hợp lý cho việc xây dựng thư viện ở trung tâm huyện, đồng thời phát triển các phòng đọc sách, báo, các câu lạc bộ yêu thích và làm theo sách, báo, các cụm và điểm văn hóa có tính tổng hợp, trong đó thư viện hoặc phòng đọc sách, báo là một bộ phận cùng với các hoạt động khác (trạm truyền thanh, câu lạc bộ, sân chơi thể thao...) tạo sức hấp dẫn với quần chúng. Sự xuất hiện của điểm bưu điện - văn hóa xã, các cụm văn hóa - thể thao ở các huyện, xã... thể hiện sự tìm tòi phương thức mới của công tác văn hóa ở cơ sở.

- *Bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa và công tác bảo tàng, nhà truyền thống trên địa bàn.*

Bảo vệ, sử dụng, tu bổ, bảo tồn và phát huy các di tích có trên địa bàn được Nhà nước giao cho quản lý. Hỗ trợ, giúp đỡ, phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương đối với các di tích cấp quốc gia. Cần khắc phục tình trạng khai thác di tích với mục đích chính là tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương.

Bảo tàng, nhà truyền thống có vị trí rất quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tình cảm và văn hóa cho nhân dân ở cơ sở, bởi vì đó chính là lịch sử đấu tranh của nhân dân trên địa bàn, là niềm tự hào của các thế hệ trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương. Trong điều kiện hiện nay, ở cơ sở, một mặt cần

tính toán toàn diện để có được bảo tàng hoặc nhà truyền thống với quy mô nhỏ, vừa tầm, tránh phô trương, hình thức, phát triển tràn lan và mặt khác, quan trọng hơn là tìm giải pháp để phát huy tác dụng của nhà truyền thống ở các cơ sở.

- *Tổ chức và quản lý các hoạt động lễ hội trên địa bàn.*

Do truyền thống văn hóa lâu đời của các địa phương, từ làng, xã, buôn, sóc... nên thường có nhiều lễ hội truyền thống với nhiều đặc trưng độc đáo. Việc chỉ đạo và trực tiếp tổ chức, hoặc hướng dẫn, giúp đỡ cho các cơ sở tổ chức các lễ hội đó là nhiệm vụ, chức năng của cấp ủy và chính quyền nhằm đảm bảo ý nghĩa và tác dụng tư tưởng - văn hóa của các lễ hội, góp phần giáo dục truyền thống và biết chọn lọc những gì là tốt đẹp, tiến bộ, gạt bỏ những hủ tục lạc hậu, lỗi thời.

Để tổ chức tốt các hoạt động lễ hội đòi hỏi lực lượng làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở phải am hiểu lịch sử, truyền thống trên địa bàn, nắm vững các quy định, quy chế của Nhà nước và biết vận động, tổ chức quần chúng tự nguyện tham gia một cách tích cực, có định hướng.

- *Củng cố, xây dựng và phát huy tác dụng của các thiết chế văn hóa.*

Thường xuyên củng cố những thiết chế đã có, xây dựng những thiết chế mới đáp ứng nhu cầu chính đáng,

ngày càng cao của nhân dân và đặc biệt là tìm tòi các giải pháp, các phương thức phù hợp để phát huy tác dụng của các loại thiết chế văn hóa đó.

- *Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của đội ngũ hoạt động văn hóa, văn nghệ.*

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức cho đội ngũ những người làm công tác văn hóa, văn nghệ và tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, bao gồm: tổ chức, đơn vị, cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ công tác trong ngành văn hóa và lực lượng quần chúng.

4. Một số định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- *Phát huy dân chủ, xã hội hóa các hoạt động văn hóa ở cơ sở.*

Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở thực chất là tổ chức, vận động quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, giao lưu và hưởng thụ văn hóa. Các hoạt động văn hóa ở cơ sở phải phát huy được vai trò chủ yếu của nhân dân; nhân dân thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giao lưu trong nội bộ nhân dân, cùng nhau sáng tạo và cùng nhau hưởng thụ những thành quả văn hóa. Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của công tác văn hóa ở cơ sở.

- Gắn mục tiêu xây dựng đồi sông văn hóa với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Văn hóa và kinh tế có mối quan hệ gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau phát triển. Chỉ có gắn bó chặt chẽ với những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa mới thu hút được đông đảo nhân dân tham gia; công tác văn hóa càng có cơ sở, điều kiện phát triển. Văn hóa không thể đi theo, đi sau kinh tế, nhưng cũng không thể thoát ly điều kiện kinh tế ở mỗi địa phương. Ngay tại địa bàn cơ sở, việc không ngừng nâng cao đời sống văn hóa phải gắn kết với nhiệm vụ phát triển kinh tế và xây dựng Đảng. Tạo ra sự phát triển đồng bộ cả ba lĩnh vực chính là điều kiện quyết định đảm bảo cho sự ổn định chính trị ở cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp để tiến hành công tác văn hóa ở cơ sở.

Sức mạnh tổng hợp để làm công tác văn hóa ở cơ sở là sức mạnh của toàn dân, nhưng phải có lực lượng nòng cốt, chủ lực. Đó là đội ngũ cán bộ và tổ chức làm công tác văn hóa ở cơ sở. Trên cùng một địa bàn, sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, điều kiện hoạt động, tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của cấp trên, các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, các dòng họ, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, nhất là đội ngũ

của các cơ quan văn hóa chuyên nghiệp... có ý nghĩa quan trọng trong công tác văn hóa ở thôn, làng, bản, ấp, xã, phường, thị trấn.

- *Xây dựng đời sống văn hóa mới phải đi đôi với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*, bài trừ các tệ nạn xã hội, ngăn chặn các hoạt động lưu hành các sản phẩm văn hóa xấu độc.

III- MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN QUAN TÂM KHI TIẾN HÀNH CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ

1. Đối với cấp ủy cơ sở

- *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa ở cơ sở*.

+ *Về nhận thức*.

Cần xác định công tác văn hóa ở cơ sở là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ của cấp ủy và của toàn thể cán bộ, đảng viên. Trách nhiệm của cấp ủy là lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị phối hợp một cách đồng bộ để phát huy hiệu quả của công tác văn hóa ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc phát triển toàn diện các lĩnh vực ở cơ sở, đồng thời hết sức chú ý tính thực tiễn trong chỉ đạo xây dựng chương trình hoạt động văn hóa gắn với

đặc điểm của địa phương và đối tượng, tránh rơi vào công thức, sao chép, lập kế hoạch không có tính khả thi.

+ Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo.

Sự lãnh đạo của cấp ủy về văn hóa phải thể hiện rõ bằng các chủ trương, biện pháp; phát huy vai trò của các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội làm cho hoạt động văn hóa trực tiếp tác động, lôi cuốn, tổ chức quần chúng thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, làm chủ văn hóa, phục vụ nhu cầu của chính họ. Đây là chức năng, nhiệm vụ quan trọng chủ yếu trong sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với công tác văn hóa ở cơ sở.

+ Coi trọng việc chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến về văn hóa ở cơ sở (gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa...). Công việc này đòi hỏi sự hiểu biết thực tiễn, năng lực chỉ đạo và cả sự kiên trì, năng động của lãnh đạo các cấp và sự nhiệt tình, năng động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên ở cơ sở.

- Phát huy và thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu của ban tuyên giáo xã và cán bộ phụ trách văn hóa ở cơ sở.

Nám bắt đầy đủ tình hình hoạt động của các thiết chế văn hóa, đảm bảo hoạt động văn hóa cơ sở đúng với quan điểm định hướng và nội dung chỉ đạo của cấp ủy. Phát hiện những biểu hiện lệch lạc, thiếu lành mạnh...

giúp cấp ủy đảng chỉ đạo xử lý kịp thời. Biểu dương những nhân tố mới trong các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Dự báo những nhu cầu, thị hiếu mới, sự đòi hỏi của công chúng trong cả sáng tạo và tiếp nhận văn hóa trong tình hình hiện nay. Tổng kết và rút ra những bài học về mô hình thiết chế văn hóa, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa phù hợp với tình hình điều kiện cụ thể ở cơ sở.

2. Đối với chính quyền cơ sở

- Tranh thủ sự chỉ đạo của phòng văn hóa cấp huyện để tạo chất lượng mới cho công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phù hợp và bắt kịp sự phát triển chung của địa phương và cả nước.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở: Vai trò quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở thể hiện trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác văn hóa phù hợp với đặc điểm riêng của địa bàn, đối tượng và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng văn hóa của quần chúng ở cơ sở, có tính khả thi. Các chương trình công tác văn hóa phải được gắn kết chặt chẽ với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học - kỹ thuật của địa phương, lồng ghép và tiến hành đồng bộ các mặt, các lĩnh vực khác nhau để hoàn thành đồng thời cả nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ văn hóa trên địa bàn. Dành tỷ lệ ngân sách

hợp lý cho công tác văn hóa, biết khai thác nhân lực, vật lực, tài chính từ nhiều nguồn để tăng đầu tư cho văn hóa cơ sở.

- Xây dựng đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả các thể chế văn hóa cơ sở, chú trọng xây dựng các hương ước, quy ước ở cơ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua các văn bản hương ước, quy ước và xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn việc thực hiện hương ước trong phạm vi địa bàn cơ sở, bảo đảm nội dung hương ước, quy ước phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, các nguyên tắc xây dựng nếp sống văn hóa mới, duy trì và phát triển phong tục tập quán tốt đẹp của cơ sở.

- Củng cố và hoàn thiện thiết chế văn hóa: Cố gắng để mỗi cơ sở có một thiết chế văn hóa thông tin (nhà văn hóa, bưu điện văn hóa, phòng thông tin, thư viện, sân vận động, đài truyền thanh, đội văn nghệ, các câu lạc bộ...); mỗi cơ sở có một cán bộ chuyên trách công tác văn hóa (cán bộ chuyên trách phải có chuyên môn, nghiệp vụ...).

- Phát triển rộng khắp, đi vào chiều sâu cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”; tiếp tục xây dựng và phát triển, nhân rộng điển hình “làng văn hóa” và “gia đình văn hóa”; kiên trì, thường xuyên tổ chức và vận động nhân dân

nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Thực hiện phương châm “xã hội hóa” trong hoạt động văn hóa, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ của công tác văn hóa ở cơ sở trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho văn hóa thật sự thấm sâu vào mỗi con người, từng gia đình, từng cụm dân cư, trường học, cơ quan. Tiếp tục thực hiện “Nhà nước và nhân dân cùng làm văn hóa”, khuyến khích các hình thức tài trợ văn hóa...

- Xây dựng các chuẩn mực đạo đức, lối sống có văn hóa trong các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội cơ sở. Tổ chức và quản lý (hoặc phối hợp tổ chức quản lý nếu được phân cấp, quản lý) các hoạt động lễ hội truyền thống, thực hiện quy chế lễ hội. Ngăn chặn mọi biểu hiện tiêu cực cũng như tác động xấu của các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài thâm nhập vào đời sống văn hóa của nhân dân ở cơ sở.

3. Một số kinh nghiệm hoạt động của các cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- Thường xuyên nắm chắc tình hình hoạt động văn hóa và nhu cầu văn hóa của dân cư trên địa bàn cơ sở.

Nội dung cần nắm vững là: Trình độ dân trí, văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng

dân cư; phong tục, tập quán, tâm lý của các tầng lớp dân cư trên địa bàn cơ sở; các hoạt động văn hóa ở gia đình, cộng đồng, các hoạt động kinh doanh văn hóa phẩm; các hiện tượng, các đối tượng có hành vi tiêu cực, các sinh hoạt văn hóa thiếu lành mạnh, các văn hóa phẩm độc hại đang lưu trũ, truyền bá trên địa bàn; các tổ chức, đơn vị, các hình thức sinh hoạt văn hóa đang hoạt động ở cơ sở; chủ trương, định hướng phát triển văn hóa, văn nghệ của cấp trên, của chính quyền cơ sở; thái độ, các động thái tư tưởng của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa.

- *Xây dựng chương trình, kế hoạch các hoạt động văn hóa (hằng năm, hằng quý, hằng tháng) trên địa bàn.*

Căn cứ để làm chương trình, kế hoạch là chủ trương của cấp trên, của lãnh đạo cơ sở, nhu cầu của nhân dân, điều kiện vật chất, không gian và thời gian cho phép, đặc điểm của các tầng lớp dân cư (dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, trình độ học vấn...). Cán bộ văn hóa xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức lực lượng, dự trù kinh phí và phương tiện trình lên cấp ủy và chính quyền. Phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho các cá nhân, các bộ phận, có kiểm tra chặt chẽ việc tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, biểu diễn thể dục, thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa

Tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, biểu diễn thể dục, thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa với các địa phương, đơn vị bạn để tăng sức hấp dẫn cho phong trào, tạo không khí sôi nổi, hồn hởi, náo nhiệt, sôi động ở các vùng dân cư, qua đó vừa cổ vũ đời sống văn hóa trong nhân dân, vừa đẩy lùi các tệ nạn trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết các đợt vận động, các phong trào thi đua, có biểu dương, khen thưởng kịp thời, nêu gương người tốt, việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ ở cơ sở.

+ Quan tâm bồi dưỡng về phẩm chất, năng lực của cán bộ văn hóa ở cơ sở: Cán bộ văn hóa ở cơ sở là người cán bộ của Đảng, phải có những phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới, phù hợp với địa phương và được nhân dân tín nhiệm.

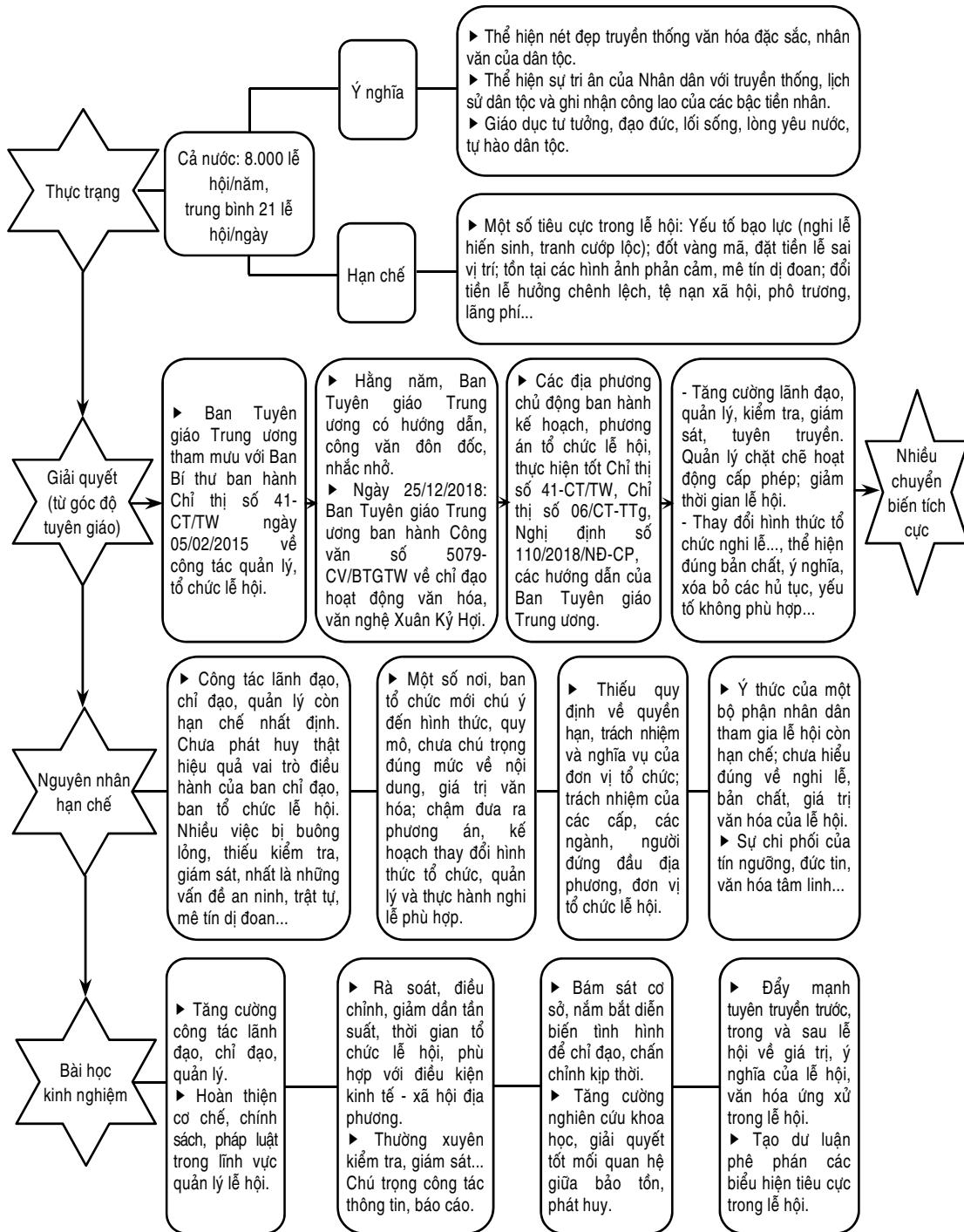
+ Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc phát hiện, lựa chọn để cử đi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa ở địa phương, tạo nguồn cán bộ văn hóa cho nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện chế độ, chính sách thỏa đáng đối với những người làm công tác văn hóa ở cơ sở để họ yên tâm gắn bó với công việc.

Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở là một bộ phận của công tác tư tưởng - văn hóa, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ và chính quyền cơ sở, là những hoạt động tinh thần của nhân dân. Làm tốt công tác này sẽ tạo điều kiện cho nhân dân nâng cao trình độ nhận thức, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và tạo khí thế hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, hỗ trợ của chính quyền, sự phối hợp của các đoàn thể chính trị - xã hội, hội quần chúng, ban tuyên giáo cơ sở phải làm tốt công tác tham mưu, tổ chức thực hiện và động viên đồng đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tham gia để công tác văn hóa, văn nghệ đạt kết quả cao nhất.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa, văn nghệ gắn với xây dựng con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
2. Tại sao nói “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước”?
3. Trình bày những hoạt động cụ thể của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở nơi đồng chí sinh sống. Những kết quả đạt được, hạn chế và kinh nghiệm rút ra.

**KINH NGHIỆM CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ
TỪ THỰC TIỄN THAM MƯU LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI**



Chuyên đề 5

NĂM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ, “ĐIỂM NÓNG” Ở CƠ SỞ

I- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DƯ LUẬN XÃ HỘI VÀ NĂM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI

1. Một số khái niệm cơ bản

- *Dư luận xã hội* là tập hợp các luồng ý kiến cá nhân trước các vấn đề, sự kiện, hiện tượng hay các quá trình xã hội có tính thời sự, có liên quan đến lợi ích, các mối quan tâm của công chúng.

Nghiên cứu khái niệm dư luận xã hội cần nhận thức rõ về “luồng ý kiến”. Luồng ý kiến có thể là một số ý kiến cá nhân giống nhau; cũng có thể là các ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Luồng ý kiến có thể rộng (tuyệt đại đa số, đa số, nhiều ý kiến) hoặc hẹp (một số ý kiến).

Chỉ có những sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội có tính thời sự (liên quan đến lợi ích, các mối quan tâm hiện có của nhiều người) mới có khả năng tạo ra dư luận xã hội.

- *Năm bắt dư luận xã hội* là hình thức tập hợp thông tin dư luận xã hội không thông qua phương pháp điều tra xã hội học. Hình thức nắm bắt dư luận xã hội rất đa dạng, bao gồm: nắm bắt thông tin qua mạng lưới cộng tác viên; qua các phương tiện thông tin đại chúng; qua việc lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân đối với dự thảo các văn kiện, văn bản pháp luật,...

- *Nghiên cứu dư luận xã hội* là những nghiên cứu lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội.

- *Tin đồn*: là dạng thông tin không chính thức, thường là bịa đặt (phao tin, đồn nhảm) được lan truyền từ người này sang người khác. Trong quá trình lan truyền luôn có sự thêm thắt, thêu dệt, cường điệu hơn. Tin đồn càng xa, nội dung của nó càng khác với nội dung ban đầu.

Giữa tin đồn và dư luận xã hội có những điểm khác biệt cơ bản sau đây:

Một là, nguồn thông tin của tin đồn bao giờ cũng xuất phát từ người khác (tôi nghe người này nói, người kia nói); nguồn thông tin của dư luận xã hội lại xuất phát từ chính là bản thân người phát ngôn (theo ý kiến của tôi thì...).

Hai là, tin đồn loang càng xa thì càng có nhiều biến thái, do nó không ngừng được thêm thắt. Ngược lại, lúc ban đầu dư luận xã hội thường rất phân tán, nhưng sau

đó, thông qua sự trao đổi, tranh luận, tính thống nhất của dư luận xã hội thường tăng lên.

Ba là, tin đồn thường có tính “thất thiệt” (mặc dù có những tin đồn về cơ bản là sự thật). Dư luận xã hội phản ánh trung thực về những suy nghĩ, tình cảm, thái độ của chủ thể.

Tuy nhiên, giữa dư luận xã hội và tin đồn không có sự ngăn cách tuyệt đối. Tin đồn thường có nguyên nhân là do công chúng, người dân thiếu thông tin cộng hưởng với “tính tò mò, đưa chuyện” của một bộ phận công chúng. Tin đồn thường xuất hiện khi người ta thiếu (hoặc thừa) thông tin, dựa vào kinh nghiệm của bản thân, dựa vào những yếu tố chủ quan mà phán đoán, nảy sinh những thông tin, những câu chuyện thường là hoang đường. Nhưng tin đồn cũng ẩn chứa những suy nghĩ và tình cảm của công chúng.

2. Chức năng của dư luận xã hội

a) Chức năng đánh giá

Dư luận xã hội thể hiện thái độ phán xét, đánh giá của công chúng đối với các sự kiện, hiện tượng, sự vật, vấn đề cuộc sống. Dư luận xã hội có vai trò quyết định trong việc hình thành thang bậc giá trị xã hội.

b) Chức năng điều chỉnh các mối quan hệ xã hội

Dư luận xã hội chính là “luật bất thành văn”, thực hiện

chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội thông qua việc tác động đến hành vi và các mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau; của cá nhân với nhóm xã hội; trong tập thể, hay giữa các nhóm, các tập thể với nhau.

Ví dụ, do dư luận xã hội gắn liền với ý chí của các cộng đồng, các nhóm xã hội nên trước các hiện tượng tiêu cực, các hành vi vi phạm pháp luật, lệch chuẩn... thái độ phê phán gay gắt của dư luận xã hội tạo nên những sức ép lớn đến suy nghĩ, hành động của mỗi cá nhân, có tác động nhất định trong việc thay đổi nhận thức, hành vi của họ. Dư luận xã hội góp phần duy trì trật tự xã hội, mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và xã hội cũng như giữa các nhóm xã hội.

c) Chức năng giáo dục của dư luận xã hội

Dư luận xã hội góp phần chuyển giao các giá trị tinh thần, nhất là các giá trị đạo đức, luân lý từ thế hệ này sang thế hệ khác, như ý thức về “phải - trái”, “đúng - sai”, “thiện - ác”, “đẹp - xấu”. Dư luận xã hội có tác dụng giáo dục và răn đe đối với mỗi cá nhân, góp phần vào việc giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với nhiệm vụ chung. Dư luận xã hội góp phần giáo dục luân thường, đạo lý trong xã hội thông qua việc đồng tình hay lên án một hành vi nào đó.

Tuy nhiên, cũng có nơi, có lúc dư luận xã hội có tác động tiêu cực, bảo thủ, kìm hãm hành vi tích cực và sự

sáng tạo. Thông thường, con người rất sợ những dư luận nói chung, nhất là dư luận tiêu cực.

d) Chức năng giám sát

Dư luận xã hội luôn thể hiện lập trường rõ ràng đối với vấn đề mà nó quan tâm, với mục đích đòi hỏi được đáp ứng những yêu cầu của nó. Thông qua sự phán xét, đánh giá, dư luận xã hội giám sát các hoạt động của các tổ chức xã hội, các cơ quan nhà nước, đòi hỏi các cơ quan này phải làm việc phù hợp với lợi ích chung của xã hội. Dư luận xã hội về tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí hiện nay có tác dụng giám sát và gây sức ép lên hoạt động của Nhà nước và các tổ chức xã hội.

d) Chức năng tư vấn, phản biện

Trước những vấn đề nan giải trong xã hội, dư luận xã hội có thể đưa ra những khuyến nghị sáng suốt mà các cơ quan tham mưu cho chính quyền có thể chưa nghĩ ra được. Dư luận xã hội cũng là người phản biện có uy tín đối với các quyết định của các cơ quan đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội.

e) Chức năng giải tỏa tâm lý - xã hội

Dư luận xã hội phản ánh tâm tư, nguyện vọng và tình cảm của cá nhân, do vậy, thông qua dư luận xã hội, mỗi người có thể chia sẻ, bày tỏ cảm xúc hoặc

thể hiện bức xúc. Chính vì vậy, dư luận xã hội góp phần giải tỏa tâm lý - xã hội.

3. Các yếu tố tác động đến chất lượng công tác nắm bắt dư luận xã hội

Nắm bắt dư luận xã hội là công việc rất khó khăn, phức tạp, dễ bị sai lệch do tác động của nhiều yếu tố.

a) Tính đa dạng, phức tạp của các loại quan điểm, thái độ trong xã hội

Lợi ích và nhận thức là một trong những cơ sở rất quan trọng quyết định tâm trạng, tư tưởng của các tầng lớp xã hội để hình thành nên dư luận xã hội. Trước một hiện tượng, sự kiện, vấn đề nào đó, những người có lợi ích và nhận thức khác nhau có thể có tâm trạng, tư tưởng, cách phán xét, đánh giá khác nhau. Một quyết định rất đúng đắn của chính quyền cũng có thể gây ra những phản ứng dư luận xã hội rất khác nhau. Người có hiểu biết về cơ sở của quyết định này (những người có đầy đủ thông tin) thì đánh giá đó là một quyết định rất cần thiết và hợp lý. Nhưng những người thiếu thông tin hoặc nhận được những thông tin sai lệch có thể phê phán gay gắt, coi đó là một quyết định sai trái, bất hợp lý.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong xã hội hiện nay,

sự phân hóa lợi ích, phân hóa giàu nghèo, phân hóa về trình độ học vấn, trình độ nhận thức cũng đang tăng lên. Do vậy, sự khác biệt, mâu thuẫn, xung đột ý kiến trước các sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội cũng có chiều hướng tăng lên.

b) Mức độ dân chủ, cởi mở trong xã hội

Nơi nào tinh thần dân chủ được coi trọng, thì ở nơi đó cán bộ, đảng viên và Nhân dân có thể bày tỏ thẳng thắn thái độ, suy nghĩ của mình, ít có những dư luận âm ỉ.

Ngược lại, ở đâu Quy chế dân chủ ở cơ sở bị vi phạm thì ở đó cán bộ, đảng viên và Nhân dân thường không có cơ hội nói ra những suy nghĩ của mình và sẽ tạo nhiều luồng dư luận khó kiểm soát. Có không ít trường hợp mà cán bộ làm công tác tư tưởng đi cơ sở “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với dân, nhưng cũng không nắm được thực chất tình hình tâm trạng, tư tưởng của dân. Ở những nơi này, nếu không có kinh nghiệm, không có biện pháp thích hợp thì rất khó có được các thông tin chân thực.

c) Bệnh thành tích, sơ khuyết điểm

Xuất phát từ các lợi ích cục bộ, bản位, cán bộ lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương có thể báo cáo sai tình hình tâm trạng, tư tưởng của cán bộ, đảng viên

và Nhân dân nơi mình quản lý; những bức xúc của cán bộ, đảng viên và Nhân dân thường bị che giấu vì vậy khó có thể thu được một bức tranh trung thực về tâm trạng, tư tưởng của Nhân dân.

d) *Chủ nghĩa cơ hội, thói “xu thời”*

Biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, thói “xu thời” là thấy nhiều người nói như thế thì bản thân mình cũng nói như thế, mặc dù trong thâm tâm không nghĩ như vậy. Đây là một trong những hiện tượng tâm lý dễ xuất hiện ở những bộ phận xã hội không hoặc ít có nhu cầu tự khẳng định mình và muốn hòa nhập với cộng đồng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân không nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng của công tác nắm bắt tâm trạng, tư tưởng nếu các cán bộ làm công tác tư tưởng không tính toán đến.

d) *Sự hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ làm công tác nắm dư luận xã hội*

Có thể coi đây là một trong những yếu tố cơ bản hạn chế chất lượng công tác nắm bắt tâm trạng, dư luận xã hội. Do không có khả năng phân tích các vấn đề tâm trạng, dư luận xã hội và thiếu hiểu biết về các phương pháp nắm bắt tâm trạng dư luận xã hội nên nhiều cán bộ làm công tác tư tưởng, dư luận xã hội không có khả năng phân tích sâu sắc và phản ánh

khách quan, toàn diện thực trạng tình hình tâm trạng, tư tưởng, dư luận xã hội của các tầng lớp cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4. Các phương pháp nắm dư luận xã hội

Để nắm dư luận xã hội, người ta sử dụng các phương pháp: phương pháp nghiên cứu định tính (nghiên cứu nội dung dư luận xã hội) và phương pháp nghiên cứu định lượng (điều tra dư luận xã hội).

a) Phương pháp nghiên cứu định tính (nghiên cứu nội dung dư luận xã hội)

Bản chất của phương pháp này là tìm hiểu xem trong cộng đồng xã hội mà chúng ta nghiên cứu, trước mỗi sự kiện, hiện tượng, vấn đề cuộc sống, dư luận xã hội bao gồm những loại ý kiến gì, nội dung ra sao. Phương pháp này nhằm trả lời các câu hỏi: Có dư luận về sự kiện, hiện tượng, vấn đề gì? Dư luận đó diễn ra như thế nào? Nguyên nhân vì sao có những dư luận như vậy?

Phương pháp nghiên cứu nội dung dư luận xã hội có thể phân thành: phương pháp nghiên cứu trực tiếp và các phương pháp nghiên cứu gián tiếp.

* *Nghiên cứu trực tiếp* bao gồm các phương pháp chủ yếu là: phân tích tài liệu, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm.

- *Phương pháp phân tích tài liệu* gồm 3 bước: 1) Thu thập cứ liệu; 2) Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo; 3) Xin ý kiến góp ý vào dự thảo báo cáo và hoàn thiện báo cáo.

+ Thu thập cứ liệu: để thu thập cứ liệu người ta sử dụng các phương pháp: nghe, quan sát, thu thập thông tin (đơn thư khiếu nại, tố cáo, ý kiến cử tri, biên bản các cuộc họp tổ dân phố, thôn, xóm...), thu thập thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng...

+ Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo: Sau khi đã thu thập được các cứ liệu cần thiết, người viết báo cáo phải tổng hợp, phân tích các cứ liệu và đưa ra các nhận định, đánh giá về tình hình, tâm trạng, tư tưởng trong Đảng, trong Nhân dân. Các phân tích, tổng hợp có thể được viết thành báo cáo, lúc đầu là báo cáo dưới hình thức dự thảo.

+ Xin ý kiến góp ý vào dự thảo báo cáo và hoàn thiện báo cáo: tổ chức thảo luận (hoặc xin ý kiến lãnh đạo, những người am hiểu) đối với dự thảo báo cáo; tiếp thu và sửa chữa, hoàn thiện dự thảo báo cáo, chuyển dự thảo báo cáo đã được hoàn thiện thành báo cáo chính thức. Nếu quy trình này không được tuân thủ nghiêm ngặt thì chất lượng báo cáo có thể không đáng tin cậy.

Phương pháp này có ưu điểm là dễ thực hiện, cán bộ không cần phải đào tạo nhiều, ít tốn kém về thời gian và chi phí. Tuy nhiên, các thông tin thu được dễ mang

tính chủ quan, phiến diện, không rõ ràng về mặt định lượng (ví dụ, không thể xác định được có bao nhiêu phần trăm trong xã hội tán thành hoặc không tán thành một quan điểm nhất định nào đó).

- *Phỏng vấn sâu (phỏng vấn cá nhân)*: là hình thức trao đổi giữa người phỏng vấn với cá nhân được phỏng vấn. Trong phỏng vấn sâu, người nêu câu hỏi được phép tùy cơ ứng biến khi nêu câu hỏi. Thế mạnh của phỏng vấn sâu là bằng các câu hỏi có tính gợi mở, người phỏng vấn có thể làm rõ mọi ngóc ngách suy nghĩ, thái độ, tâm trạng, tình cảm của người được phỏng vấn đối với vấn đề mà mình quan tâm.

- *Thảo luận nhóm (phỏng vấn nhóm)*: nhầm vào các đối tượng là những nhóm nhỏ (thông thường từ 8 đến 12 người, lớn hơn hoặc nhỏ hơn sẽ thiếu tập trung, hoặc tẻ nhạt). Mục đích chính của phỏng vấn nhóm là phát huy thế mạnh của sự trao đổi, thảo luận, tranh luận tập thể để làm rõ các “góc cạnh” của vấn đề nghiên cứu (có bao nhiêu loại tâm trạng, thái độ, quan điểm trước một vấn đề, sự kiện mà người nắm dư luận xã hội quan tâm). Trong thảo luận nhóm, người phỏng vấn có thể tùy cơ ứng biến để đặt ra các câu hỏi cho mọi người. Các cuộc giao ban dư luận xã hội với số lượng người tham gia ít (từ 8 đến 12 người), trong đó, người chủ trì giao ban đặt ra các câu hỏi để người tham dự giao ban trả lời, đây có thể được coi là hình thức phỏng vấn nhóm.

** Nghiên cứu gián tiếp*

- *Phương pháp liên tưởng*: Đây là hình thức nắm bắt ý kiến của đối tượng thông qua phản ứng tức thì của người được phỏng vấn trước câu hỏi của người phỏng vấn. Hình thức liên tưởng phổ biến nhất là liên tưởng ngôn ngữ. Trong liên tưởng ngôn ngữ, cán bộ làm công tác nghiên cứu dư luận xã hội đề nghị đối tượng cho biết ý nghĩ xuất hiện tức thì trong đầu họ mỗi khi cán bộ làm công tác nắm bắt dư luận xã hội đề cập đến một khái niệm, một chủ đề nhất định nào đó. Phương pháp này cho phép nắm bắt trung thực suy nghĩ của đối tượng đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm. Bởi vì, đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm, người được hỏi ý kiến thường có phản ứng phòng vệ, xuất hiện “hàng rào tâm lý” khiến họ không nói thật suy nghĩ của mình. Phương pháp liên tưởng đòi hỏi người trả lời phải nói nhanh, “hàng rào tâm lý” chưa kịp xuất hiện.

- *Phương pháp bổ khuyết*: Người nghiên cứu có thể tổng hợp sơ bộ tình hình dư luận xã hội về một vấn đề, sự kiện, hiện tượng nào đó và đề nghị đối tượng nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện. So với phương pháp liên tưởng ngôn ngữ, phương pháp bổ khuyết có khả năng cung cấp một lượng thông tin nhiều hơn về suy nghĩ và thái độ của người trả lời.

- *Phương pháp người thứ ba (người khác)*: Đối tượng được hỏi cần cho biết người khác có phản ứng (suy nghĩ,

thái độ) như thế nào đối với một vấn đề sự kiện, hiện tượng nhất định nào đó. Người thứ ba đó có thể là bạn bè, là hàng xóm, là đồng nghiệp... của đối tượng. Các suy đoán về thái độ và cảm tưởng của người thứ ba này phản ánh chính các cảm tưởng, thái độ của đối tượng. Phương pháp này cũng nhằm ngăn chặn sự xuất hiện “hàng rào tâm lý”, “phản ứng để phòng” của người trả lời. Nó thích hợp trong việc nắm bắt dư luận xã hội đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm.

b) Các phương pháp nghiên cứu định lượng (điều tra dư luận xã hội)

Phương pháp tập hợp thông tin dư luận xã hội dưới dạng định lượng cho phép chúng ta xác định tỷ lệ các loại ý kiến, thái độ của công chúng trước các vấn đề, sự kiện, hiện tượng xã hội mà công chúng quan tâm. Kết quả thu được mang tính đại diện cho tổng thể.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được thực hiện với các bước sau: 1) Xác định chủ đề, mục đích điều tra; 2) Xây dựng phiếu câu hỏi; 3) Chọn mẫu điều tra; 4) Xử lý phiếu điều tra; 5) Viết báo cáo.

Bước 1: Xác định chủ đề, mục đích điều tra: Để tiến hành một cuộc điều tra dư luận xã hội, trước hết phải làm rõ chúng ta điều tra vấn đề gì, các nội dung thông tin cần có để làm rõ vấn đề nghiên cứu là những nội dung gì.

Bước 2: Xây dựng phiếu câu hỏi: Có thể chia cấu trúc của một phiếu câu hỏi thành 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần các đặc điểm xã hội của đối tượng.

- *Phần mở đầu:* giới thiệu mục đích nghiên cứu, hướng dẫn cách trả lời, khẳng định nguyên tắc khuyết danh (người trả lời không ghi tên mình vào phiếu câu hỏi mà mình trả lời) để người trả lời có thể trả lời thành thực, không e ngại.

Ví dụ: *Ban Tuyên giáo Trung ương đề nghị ông (bà, anh, chị) vui lòng trả lời các câu hỏi được nêu ra dưới đây. Mỗi câu có kèm theo các phương án trả lời khác nhau, phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình, xin ông (bà, anh, chị) hãy đánh dấu + vào □ bên cạnh. Ông (bà, anh, chị) không phải ghi tên, địa chỉ của mình vào phiếu. Xin cảm ơn ông (bà, anh, chị)!*

- *Phần nội dung:* Phiếu hỏi có thể sử dụng câu hỏi kín, câu hỏi mở và câu hỏi hỗn hợp (vừa kín, vừa mở).

+ Câu hỏi kín: là câu hỏi có kèm sẵn các phương án trả lời khác nhau dựa trên cơ sở phân chia nhất định. Người trả lời chỉ cần đánh dấu vào phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình. Có loại câu hỏi kín đơn giản và câu hỏi kín phức tạp. Câu hỏi kín đơn giản là loại câu hỏi chỉ có hai phương án trả lời kiểu “có - không” hoặc “tán thành - không tán thành”. Câu hỏi kín phức tạp là loại câu hỏi có nhiều phương án trả lời.

Ví dụ về câu hỏi kín đơn giản: *Ông (bà) có thường xuyên đọc báo không?*

Có Không

Ví dụ về câu hỏi kín phức tạp: *Theo ông/bà, trong vài năm gần đây, thực trạng đầu tư cho việc trao đổi, giao lưu những giá trị văn hóa nghệ thuật tiêu biểu Thăng Long - Hà Nội với thủ đô các nước như thế nào? (Đánh dấu X vào đáp án ông/ bà cho là đúng nhất)*

1. Đầu tư còn quá ít, chưa đúng mức độ cần thiết để đảm bảo chất lượng và hiệu quả các hoạt động	<input type="checkbox"/>
2. Đầu tư đúng mức	<input type="checkbox"/>
3. Đầu tư quá mức cần thiết, gây lãng phí	<input type="checkbox"/>
4. Đầu tư nhiều nhưng hoạt động vẫn không hiệu quả	<input type="checkbox"/>

+ Câu hỏi mở: là loại câu hỏi không có sẵn các phương án trả lời, người trả lời phải tự viết ý kiến của mình.

Ví dụ: *Để tăng cường an ninh, trật tự trong xã, theo ông (bà), những việc làm quan trọng nhất hiện nay là gì (xin ghi rõ)?.....*

+ Loại câu hỏi vừa kín, vừa mở: Đó là loại câu hỏi có một số phương án trả lời cho sẵn và một phương án trả lời là câu hỏi mở. Câu hỏi này được sử dụng khi vấn đề

được hỏi có thể chưa đựng rất nhiều phương án trả lời mà chúng ta khó có thể lường hết được. Phương án mở nhằm mục đích bao quát hết các loại ý kiến trả lời mà chúng ta chưa liệt kê.

- *Phân đặc điểm của đối tượng điều tra:* Ở cuối mỗi bảng câu hỏi, chúng ta thường có những câu hỏi về lứa tuổi, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, giới tính... Phân này có tác dụng lớn trong việc phân tích và so sánh kết quả thu được.

Bước 3: Chọn mẫu điều tra: Để nắm ý kiến của một cộng đồng xã hội nào đó, tốt nhất chúng ta phỏng vấn tất cả các thành viên trong cộng đồng. Đó là kiểu điều tra tổng thể. Nhưng trên thực tế, điều tra tổng thể chỉ thực hiện được đối với các nhóm người có số lượng ít, vài ba trăm người trở xuống, còn với số lượng của nhóm người điều tra lớn (hàng chục vạn, hàng triệu người) thì có rất nhiều khó khăn, tốn rất nhiều công sức, tiền của và thời gian.

Để giải quyết các khó khăn này, người ta đã dùng *phương pháp chọn mẫu*, chỉ cần chọn lấy một số người đại diện trong tổng thể (số người này được gọi là mẫu điều tra) để điều tra mà kết quả vẫn không bị sai lệch nhiều.

Một số cách chọn mẫu đơn giản có thể áp dụng ở cơ sở:

- *Lấy mẫu ngẫu nhiên hệ thống:* Đầu tiên, chúng ta lập danh sách họ, tên toàn bộ các thành viên trong

cộng đồng (có thể sử dụng các bản danh sách sẵn có, như danh sách cử tri, danh sách nhân khẩu...). Sau đó tiến hành chọn mẫu theo nguyên tắc, cứ cách một số người nhất định, chọn 1 người. Cách lấy mẫu này thuận tiện trong trường hợp tổng thể có số lượng ít. Ví dụ: cách 20 lấy 1 (cách bao nhiêu tùy thuộc vào số lượng mẫu cần lấy và số lượng của bản danh sách liệt kê).

- *Lấy mẫu theo nhóm (phân cụm)*: Đầu tiên, chúng ta phân tổng thể ra thành các nhóm nhỏ theo cơ sở phân chia nhất định, sau đó tiến hành chọn lấy một số nhóm theo nguyên tắc ngẫu nhiên (theo bản danh sách liệt kê các nhóm được phân chia, cách một số nhóm nhất định lấy một nhóm). Các nhóm được chọn sẽ được điều tra toàn bộ. Ví dụ như muốn thăm dò ý kiến ở một xã, phường, thị trấn (xã là tổng thể), chúng ta chia xã thành các thôn, bản... (liệt kê toàn bộ các đơn vị đó ra). Sau đó, chúng ta tiến hành lấy một số điểm để điều tra (theo nguyên tắc ngẫu nhiên, cứ cách một số thôn, làng, tổ dân phố nhất định theo bản danh sách, chúng ta lấy một đơn vị).

Bước 4: Xử lý phiếu điều tra: Đối với các cuộc điều tra đơn giản có thể làm thủ công theo kiểu kiểm phiếu bầu cử. Đối với các cuộc điều tra phức tạp người ta thường viết những chương trình xử lý số liệu có sự trợ giúp của các công cụ, phần mềm xử lý số liệu của máy tính.

Bước 5: Viết báo cáo: Khâu này bao gồm các công việc: phân tích các số liệu thu được và đưa ra các nhận xét, kết luận, kiến nghị.

5. Một số giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả nǎm bắt dư luận xã hội ở cơ sở

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về nǎm bắt dư luận xã hội của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm các cấp ủy đảng và chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội về vai trò, tầm quan trọng của công tác nǎm bắt dư luận xã hội. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, nhất là của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở.

Quy định điều tra, nǎm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội là một khâu, một công đoạn trong quy trình xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách ở cơ sở.

Thứ hai, đổi mới quy trình, phương pháp, cách thức tổ chức, lựa chọn nội dung điều tra, nǎm bắt dư luận xã hội.

- *Chọn vấn đề:* Cần chọn vấn đề trúng, có giá trị đối với công tác lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở cơ sở. Việc chọn vấn đề cần bám sát những mong muốn,

nhu cầu, băn khoăn, thắc mắc, ý kiến, thái độ, bức xúc của nhân dân.

- *Xây dựng phiếu câu hỏi điều tra*: Câu hỏi phải bảo đảm được các yêu cầu về độ ổn định (câu hỏi phải rõ ý, không bị hiểu khác nhau, người trả lời phải trả lời nhất quán nếu điều tra lặp lại...) và về độ hiệu lực (câu hỏi phải thu được những thông tin cần thu thập).

- *Chọn đối tượng điều tra (mẫu điều tra)*: Đối tượng điều tra phải được lựa chọn một cách khoa học, tuân thủ thật nghiêm ngặt các đòi hỏi khoa học về cách lấy mẫu, chọn đối tượng điều tra..., bảo đảm mẫu điều tra phải mang tính đại diện cao.

- *Tập huấn điều tra viên*: Các điều tra viên phải được tập huấn bài bản.

- *Triển khai trên thực địa*: Các điều tra viên phải tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu phỏng vấn đúng đối tượng theo mẫu điều tra đã được chọn.

- *Nhập dữ liệu, xử lý và phân tích số liệu*: Các phiếu điều tra khi thu về phải được hiệu chỉnh; người nhập dữ liệu phải thông thạo về cách nhập dữ liệu; các chuyên gia xử lý số liệu phải có năng lực phân tích dữ liệu.

- *Viết báo cáo*: Các báo cáo nắm bắt dư luận xã hội phải có tính tổng hợp, có sự phân tích thấu đáo, phải đưa ra được các dự báo, đề xuất, kiến nghị cho công tác thông tin tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội.

Thứ ba, nâng cao năng lực của các tổ chức, bộ phận điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong hệ thống tuyên giáo các cấp, cơ quan tuyên giáo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số đoàn thể chính trị - xã hội.

- Rà soát, củng cố, kiện toàn các tổ chức, bộ phận điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong hệ thống tuyên giáo các cấp, cơ quan tuyên giáo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số đoàn thể chính trị - xã hội; tăng cường cho các tổ chức, bộ phận này những cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ về xã hội học hoặc tâm lý học.

- Gửi cán bộ điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội ở Trung ương và các địa phương đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ tại các viện, trung tâm nghiên cứu, thăm dò dư luận xã hội có uy tín.

- Tăng cường sự cộng tác, phối hợp giữa các tổ chức, đầu mối điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong ngành tuyên giáo với các cơ quan nghiên cứu khoa học.

II- TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ "ĐIỂM NÓNG" Ở CƠ SỞ

1. Tình huống có vấn đề trong công tác tư tưởng

a) Khái niệm

- *Tình huống* là hệ thống các sự việc, sự kiện xảy ra trong một không gian, thời gian nhất định có quan hệ

đối với chủ thể (cá nhân, nhóm người hoặc tổ chức), có tác động buộc chủ thể phải suy nghĩ, ứng phó, hành động. Tình huống xảy ra ngoài ý muốn của chủ thể, xảy ra trước hành động của chủ thể, độc lập với chủ thể.

- *Tình huống có vấn đề* trong công tác tư tưởng là những sự kiện, biến cố diễn ra không bình thường, gay cấn, phức tạp trong quá trình tiến hành công tác tư tưởng của cấp ủy, tổ chức đảng (kể cả chính quyền), cán bộ, đảng viên.

Tình huống có vấn đề trong công tác tư tưởng đòi hỏi cá nhân hay nhóm người phải tìm kiếm, sử dụng các phương tiện và phương pháp mới cho hoạt động của mình. Tình huống có vấn đề thể hiện tác động tương hỗ giữa chủ thể và môi trường xung quanh, đồng thời phá vỡ trạng thái cân bằng, trạng thái tâm lý “tĩnh” của chủ thể. Điều chưa biết trong tình huống có vấn đề thường tồn tại dưới dạng câu hỏi đặt ra cho chủ thể, thúc đẩy chủ thể phải tư duy, tìm kiếm phương tiện để trả lời, lựa chọn phương pháp cần thiết để giải quyết nó.

Bất cứ một tình huống có vấn đề nào cũng bao gồm các yếu tố sau: có chứa đựng mâu thuẫn; có tính chủ quan, cùng ở trong tình huống nhưng có thể xuất hiện mâu thuẫn ở người này, mà không làm xuất hiện mâu thuẫn ở người khác; phá vỡ cân bằng trong nhận thức của chủ thể.

Trên địa bàn cơ sở, có thể coi “tình huống có vấn đề” là tình huống trong đó mối quan hệ giữa những người dân với nhau hoặc giữa người dân với chính quyền đã xuất hiện những mâu thuẫn, căng thẳng đến mức có thể chuyển hóa thành các hành vi vượt ra khỏi tầm kiểm soát của một hoặc cả hai bên. Những mâu thuẫn này có thể phát triển thành “điểm nóng”, các “phản ứng tập thể” và các hệ quả nguy hiểm khác không thể lường hết được.

b) Một số tình huống có vấn đề thường gặp trong công tác tư tưởng

Một số tình huống có vấn đề thường gặp trong công tác tư tưởng bao gồm:

- *Khủng hoảng truyền thông*: là bất kỳ một sự kiện ngoài ý muốn nào bị lan truyền trên các phương tiện truyền thông, mang mối đe dọa nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín, kinh tế của tổ chức, cá nhân hoặc niềm tin của các bên liên quan. Sự kiện có thể là một hành động vi phạm lòng tin, một sự thay đổi trong môi trường cạnh tranh, cáo buộc bởi các cá nhân trong tổ chức hoặc những người khác, một nghị định đột ngột của chính phủ, lỗi hỏng trong sản phẩm, hoặc bất kỳ tác động tiêu cực nào khác.

- *Thông tin xấu, độc trên mạng xã hội*: là những thông tin được phát tán, truyền bá trên mạng xã hội

chứa đựng những nội dung sau: (1) Phủ nhận các luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; (2) Xuyên tạc, phủ định các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (3) Phủ nhận giá trị lịch sử của dân tộc và những thành quả của cách mạng; (4) Xuyên tạc nhằm hạ bệ thần tượng, bôi nhọ, nói xấu lãnh đạo Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ; (5) Xuyên tạc, bóp méo các sự kiện chính trị, các vụ việc phức tạp, nhạy cảm; (6) Tuyên truyền, quảng bá tự do, dân chủ, nhân quyền, “giá trị văn hóa” phương Tây.

- “Điểm nóng”: Trong những năm gần đây, thuật ngữ “điểm nóng” được sử dụng khá phổ biến trong nhiều văn bản của các cơ quan đảng, chính quyền và đời sống hằng ngày như: “điểm nóng” về trật tự, an toàn xã hội; “điểm nóng” về mại dâm, “điểm nóng” về ma túy, “điểm nóng” về trộm cướp; “điểm nóng” về giải tỏa đất đai... “Điểm nóng” luôn chứa đựng những mâu thuẫn, bức xúc chưa được giải quyết, đe dọa ổn định chính trị, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

- *Đám đông và tâm lý đám đông*: Trong xử lý tình huống có vấn đề, xử lý các tình huống có liên quan tới đám đông là một trong những công việc khó khăn nhất.

Đám đông là một tập hợp người vì lý do nào đó mà hội tụ lại tại một địa điểm nhất định, vào một thời điểm

nhất định. Đám đông thường được xem là một loại nhóm hỗn hợp, lỏng lẻo, giữa các thành viên không có mối liên hệ chặt chẽ. Các thành viên của đám đông có thể rất khác nhau về thành phần xã hội, trình độ nghề nghiệp, tôn giáo và mục đích. Trong một đoàn biểu tình, có người thực sự muốn đấu tranh, phản đối, có người do a dua, tò mò, có người đơn thuần do ham vui, thích không khí ồn ào, náo nhiệt.

Không phải bất cứ sự hội tụ nào cũng được xem là đám đông. Chỉ khi sự hội tụ đông người đó đem lại những thay đổi về phương diện tâm lý, tạo ra những trạng thái tâm lý mới, hay xuất hiện “một tâm hồn cộng đồng” thì mới được quan tâm nghiên cứu.

Sự hội tụ, tập trung của nhiều cá nhân tạo ra một môi trường tâm lý đặc biệt, kích thích thúc đẩy hoặc đè nén, ức chế các hành vi của họ. Đám đông làm từng cá nhân mất đi năng lực điều khiển hành vi một cách có ý thức và có lý trí, hành động diễn ra trong trạng thái “bị kích động”.

Nếu đặt sang một bên vấn đề trình độ của các thành viên, thông thường, nếu tập hợp người càng lớn thì khả năng đưa ra những quyết định chính xác càng giảm. Các lập luận có xu hướng thái quá, tư duy chịu sự chi phối nặng nề của những tâm trạng hay xúc cảm nhất thời.

2. “Điểm nóng”

a) Khái niệm

“Điểm nóng” là nơi mâu thuẫn giữa người dân với nhau hoặc giữa người dân với chính quyền đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của một hoặc cả hai bên. Đây chính là nguyên nhân lý giải vì sao tại các “điểm nóng”, những hành vi cực đoan, quá khích thường rất dễ xảy ra.

Một trong những hiện tượng thường bắt gặp tại các “điểm nóng” là sự tụ tập đông người một cách không có tổ chức hoặc có nhưng mờ nhạt, lỏng lẻo. Theo các chuyên gia tâm lý học xã hội, đám đông không có tổ chức hoặc có tổ chức lỏng lẻo rất dễ rơi vào trạng thái bị kích động, sẵn sàng thực hiện các hành vi thiếu lý trí.

b) Phân loại “điểm nóng”

- Phân loại theo tính chất mâu thuẫn: có “điểm nóng” do mâu thuẫn nội bộ (giữa người dân với nhau hoặc giữa Nhân dân với chính quyền), tức là nó diễn ra trong khuôn khổ thể chế, không nhằm thay đổi thể chế chính trị và “điểm nóng” do mâu thuẫn đối kháng, tức là các lực lượng đối lập lợi dụng cơ hội đòn phá vỡ, thay đổi thể chế chính trị hiện hành.

- Phân loại theo tính tổ chức của lực lượng gây ra “điểm nóng” gồm: “Điểm nóng” có tổ chức là nơi lực lượng phản kháng ít nhiều mang tính có tổ chức (có người

cầm đầu). “Điểm nóng” tự phát, không có tổ chức (không có người cầm đầu). Ở đây, lực lượng phản kháng có thể được xem như là đám đông, mang các đặc điểm tâm lý của đám đông.

- Phân loại theo mức độ, có các loại: Tụ tập đông người, gây mất trật tự, cản trở việc thi hành công việc của chính quyền; tổ chức khiếu kiện tập thể trái pháp luật, thậm chí biểu tình, chống đối chính quyền; vây hãm cơ quan chính quyền, bắt giữ cán bộ, tấn công công sở nhà nước; bạo loạn, khủng bố, sử dụng vũ lực, hoạt động vũ trang, chống phá chính quyền.

- Phân loại theo các lĩnh vực đời sống có các loại “điểm nóng” sau:

+ “Điểm nóng” về kinh tế, an ninh, trật tự và an toàn xã hội (“điểm nóng” về buôn lậu; “điểm nóng” về trộm cướp; “điểm nóng” về ma túy; “điểm nóng” về giải tỏa đất đai; “điểm nóng” về vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái...).

+ “Điểm nóng” về tôn giáo: có thể xảy ra trong phạm vi một tôn giáo hay giữa các tôn giáo hoặc sự tụ tập đông người, khiếu kiện khi có sự bức xúc, xung đột về đức tin, quan điểm tôn giáo, sự kỳ thị, phân biệt đối xử, hành vi, lời nói xúc phạm, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng...

+ “Điểm nóng” về sắc tộc có thể diễn ra trong nội bộ sắc tộc hoặc giữa các sắc tộc khác nhau do sự kỳ thị

sắc tộc hoặc sự hiểu lầm về kỳ thị sắc tộc hoặc các nguyên nhân khác.

+ “Điểm nóng” về chính trị: đó là các “cuộc cách mạng nhung”, “cách mạng màu” các cuộc “cách mạng đường phố”, các cuộc mítinh, biểu tình, tụ tập đông người có mục đích chống đối chế độ.

+ Các “điểm nóng” phức hợp (sự pha trộn với các liều lượng khác nhau của các loại “điểm nóng” nói trên). Đáng chú ý ở đây là sự pha trộn với các yếu tố tôn giáo, sắc tộc và chính trị, đây là loại “điểm nóng” rất phức tạp. “Điểm nóng” lúc đầu có thể thuần túy mang sắc thái kinh tế, an sinh xã hội, môi trường sinh thái... nhưng sau đó bị tác động bởi các yếu tố tôn giáo, sắc tộc, chính trị.

c) Phân biệt “điểm nóng” xã hội và “điểm nóng” chính trị

- “Điểm nóng” xã hội nổ ra thường có những biểu hiện sau: đời sống xã hội trong trạng thái không bình thường, bất ổn định, rối loạn, diễn ra sự xung đột, chống đối giữa các lực lượng với những hành vi không còn tự kiềm chế được, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp luật và chuẩn mực văn hóa, đạo đức, diễn ra tại một địa điểm, trong một thời gian nhất định và có khả năng lây lan sang nơi khác.

“Điểm nóng” xã hội có thể diễn ra ở những địa bàn khác nhau (như nông thôn, thành thị, miền núi...) và trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống (như lĩnh vực kinh tế, xã hội, an toàn giao thông, trật tự xã hội...).

- “Điểm nóng” chính trị (chính trị - xã hội): Là “điểm nóng” xã hội diễn ra trong lĩnh vực chính trị khi mà sự chống đối của đám đông dân chúng, của các lực lượng đối lập đã hướng trực tiếp vào những người nắm quyền lực chính trị, cơ quan quyền lực và thể chế chính sách của chính quyền nhà nước.

Trong thực tiễn, các “điểm nóng” xã hội thường xảy ra nhiều hơn các “điểm nóng” chính trị. Còn “điểm nóng” chính trị xảy ra ít hơn nhưng phức tạp và quyết liệt hơn vì nó liên quan trực tiếp tới quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, “điểm nóng” xã hội trong các lĩnh vực khác đều có khả năng trực tiếp trở thành “điểm nóng” chính trị. Chẳng hạn, những cuộc đình công, bãi công của người lao động chống giới chủ; nông dân tranh chấp, khiếu kiện đất đai với chính quyền; học sinh, sinh viên bãi khóa chống ban lãnh đạo nhà trường... nếu không có cách xử lý đúng, kịp thời đều có thể chuyển thành cuộc đấu tranh chống chính quyền.

Thực tế cho thấy, khi thể chế chính trị quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ những người cầm quyền thoái hóa, biến chất thì Nhân dân nổi dậy chống lại,

lực lượng đối lập lợi dụng cơ hội lật đổ lực lượng cầm quyền, do vậy “điểm nóng” bùng phát.

d) *Nguyên nhân xảy ra “điểm nóng”*

- *Nhóm nguyên nhân về phía chính quyền.*

Chính quyền địa phương, cơ sở thực hiện không đúng hoặc sai lầm trong triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sử dụng các biện pháp cưỡng chế mang tính hành chính, quan liêu, vi phạm dân chủ; xử lý các tranh chấp dân sự, nhất là việc giải quyết các khiếu kiện, tố cáo của người dân không đúng, không triệt để, không hiệu quả.

Trong chính quyền có cán bộ tham ô, tham nhũng, biểu hiện thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống gây bất bình, bức xúc trong Nhân dân.

Mâu thuẫn, xung đột trong đội ngũ cán bộ, trong nội bộ tổ chức đảng, chính quyền nhưng không giải quyết được nên đẩy mâu thuẫn đó ra ngoài, trở thành mâu thuẫn của Nhân dân với chính quyền.

- *Nhóm nguyên nhân từ phía Nhân dân:* nguyên nhân bao trùm nhất là do trình độ nhận thức và năng lực thực hiện quyền dân chủ, nhất là ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế, bất cập; trong đấu tranh cho quyền lợi của mình, nhiều khi người dân có những đòi hỏi quá đáng, ép buộc chính quyền phải giải quyết, và trong trường hợp đòi

hỏi đó không được đáp ứng thì phản ứng một cách manh động; do dân chúng bị những phần tử bất mãn, có tiền án, tiền sự, thậm chí bị những phần tử cơ hội, phản động, thù địch kích động, lôi kéo, mua chuộc, khống chế.

- Nhóm nguyên nhân mang màu sắc dân tộc, tôn giáo: đây là “điểm nóng” mà nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến vấn đề dân tộc và tôn giáo.

- Nhóm nguyên nhân mang tính chất đối kháng: Đây là những “điểm nóng” do các thế lực phản động, thù địch chống phá cách mạng gây ra. Trên thực tế, các thế lực thù địch từ bên ngoài tìm cách móc nối, câu kết với các lực lượng chống đối, các phần tử cơ hội, phản động ở trong nước tổ chức kích động, biểu tình, chống phá Đảng và Nhà nước.

III- XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC TƯ TUỞNG VÀ “ĐIỂM NÓNG” Ở CƠ SỞ

1. Nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong xử lý “tình huống có vấn đề” và “điểm nóng” ở cơ sở

Giải quyết tình huống có vấn đề, “điểm nóng”, đặc biệt khi đã xuất hiện các đám đông là công việc khó khăn, phức tạp, cần có sự phối hợp của nhiều ngành.

Khi đó việc nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội là việc rất cần thiết để giúp cấp ủy, chính quyền giải quyết tình huống đó.

Để nắm dư luận xã hội, định hướng tư tưởng nhằm giải quyết các tình huống có vấn đề và “điểm nóng” cần thực hiện những biện pháp cụ thể sau:

a) *Lắng nghe một cách tích cực, chủ động, nắm bắt nhanh, chính xác dư luận xã hội, thái độ, ý kiến, nguyện vọng của nhân dân*

- Nắm bắt thái độ (đồng tình hay không đồng tình; ủng hộ hay không ủng hộ...), tâm trạng (phấn khởi, chán nản hay thờ ơ...) đối với những chủ trương, chính sách mới ra của Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương. Chú trọng nắm bắt những dư luận tiềm ẩn, chưa được quần chúng phát biểu ra, nhưng “âm ỉ” và tạo ra những bất ổn về tâm lý, tâm trạng xã hội. Để nắm bắt những dư luận này, cách “tiếp xúc thân tình”, không chính thức là cách tiếp xúc tốt nhất để tìm hiểu thông tin.

- Dư luận nhân dân về việc tín nhiệm, hay không tín nhiệm đối với các cán bộ, đảng viên ở địa phương, đặc biệt là khi có những vụ việc bất thường (ví dụ như những mâu thuẫn, xô xát trong nhân dân, những vụ vi phạm pháp luật có liên quan tới cán bộ, đảng viên...).

- Tâm trạng và mức độ ổn định của tâm trạng, tư tưởng của người dân đối với đời sống của chính cá nhân và gia đình họ, cũng như đối với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Khi xảy ra những vụ việc lớn ở cơ sở, khiếu kiện vượt cấp, gây rối trật tự công cộng có sự lôi kéo hay tổ chức của những thế lực thù địch, phản động... thì phải chú ý tới tất cả những luồng dư luận trong quần chúng nhân dân mang sắc thái tình cảm tiêu cực, như bất bình, hoang mang, lo lắng... để đề xuất cách xử lý phù hợp.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội

Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, định hướng dư luận không chỉ cần nắm bắt nhanh, chính xác các ý kiến, đánh giá, phán xét, tâm trạng, thái độ của quần chúng nhân dân, mà còn phải có những tác động nhất định, xóa bỏ những dư luận xã hội tiêu cực, đặc biệt là những tin đồn thất thiệt, góp phần định hướng, tạo những dư luận xã hội theo chiều thuận, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây dư luận không thuận của các thế lực thù địch. Cụ thể:

Một là, đối thoại trực tiếp với quần chúng nhân dân ở cơ sở. Làm tốt việc định hướng dư luận xã hội

thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, giúp xóa bỏ những tin đồn, thay đổi những dư luận tiêu cực trong nhân dân, nhất là đối với những chủ trương, quyết sách mới của Đảng và Nhà nước mà người dân chưa hiểu hoặc chưa nắm được đủ các thông tin nên cảm thấy lo lắng, hoang mang.

Việc đối thoại với người dân có thể thực hiện bằng cách chính thức, hoặc không chính thức. Đối với các cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là ở địa phương, những người gần gũi với cơ sở, có thể gặp gỡ quần chúng nhân dân tại các cuộc họp một cách chính thức, tọa đàm, trao đổi, trả lời theo cách hỏi - đáp với người dân. Mặt khác, đối với những vụ việc phức tạp, mang tính chất cá biệt (ví dụ có liên quan tới việc giải tỏa, đền bù, hay những vụ việc kiện cáo...) cán bộ các cấp cần gặp gỡ trực tiếp bên ngoài các cuộc họp, với tư cách một người “hòa giải mâu thuẫn” hơn là một cán bộ cấp trên, để lắng nghe người dân và cùng với họ tìm cách khắc phục những mâu thuẫn, khó khăn.

Hai là, quan tâm tác động tới các yếu tố có ảnh hưởng tới việc hình thành và thay đổi thái độ người dân (nhận thức, tình cảm, hành vi).

- Quan tâm tới việc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ cho người dân. Bởi lẽ, sự hiểu biết nhiều hay ít của công chúng, nhóm xã hội đối với vấn đề, hiện tượng,

sự kiện sẽ quyết định sự đánh giá đúng hay sai của công chúng đối với vấn đề, sự kiện, hiện tượng đó. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đối với sự kiện, hiện tượng đơn giản thì dư luận của đa số thường là tích cực, khách quan. Còn đối với sự kiện, hiện tượng phức tạp, lại mới xuất hiện lần đầu thì dư luận của những người có nhiều thông tin, có hiểu biết thường là tích cực, có tính tư tưởng cao, khách quan, chân thực. Trong trường hợp này dư luận tích cực không phải là ý kiến, dư luận của đa số. Có thể nói, nội dung, tính chất của dư luận xã hội được quyết định bởi trình độ hiểu biết, nền tảng văn hóa, tri thức của chủ thể dư luận xã hội. Vì vậy, trong việc nắm bắt và định hướng dư luận xã hội cần tham khảo, chú ý sử dụng ý kiến của tầng lớp có trình độ học vấn, trình độ văn hóa cao, có tâm niệm công tác và “bề dày” kinh nghiệm, đặc biệt cần tham khảo, sử dụng ý kiến, dư luận của “giới tinh hoa”.

- Quan tâm tới việc rèn luyện, trau dồi các kỹ năng tuyên truyền. Trong bất cứ sự kiện nào, tuyên truyền là một vũ khí rất lợi hại. Nếu sự thật nhận được sự hậu thuẫn của tuyên truyền, chúng trở nên có sức thuyết phục mạnh mẽ gấp nhiều lần trong việc hình thành thái độ, hành vi của con người.

- Trong việc định hướng thái độ và dư luận xã hội, phải đứng trên lợi ích của quần chúng để tuyên truyền.

Đặc biệt phải chú ý tới lợi ích của nhóm xã hội mà các cá nhân tham gia (hội, đoàn thể, tôn giáo, dân tộc, thôn, bản...). Phương pháp tổ chức hội họp có định hướng trong nhóm sẽ khiến cho giao tiếp trong nhóm được hình thành và có tác động củng cố các thái độ, đánh giá tích cực, thay đổi những dư luận tiêu cực.

- Sử dụng cách tiếp cận cá nhân, đối thoại trực tiếp “ngoài cuộc họp” một cách thân tình, không chính thức với quần chúng nhân dân trong việc giải quyết các “điểm nóng”, các vụ việc liên quan tới nhân sự, xử lý kỷ luật cán bộ, giải quyết mâu thuẫn nội bộ...

Ba là, sử dụng các lực lượng, các phương tiện thông tin, tuyên truyền để phân hóa những người tham gia, cô lập những người quá khích, cầm đầu và để giải tán đám đông hoặc hỗ trợ giải tán đám đông bằng biện pháp cưỡng chế.

Bốn là, thường xuyên vạch rõ những thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc mà các thế lực thù địch thường sử dụng.

2. Các bước xử lý “điểm nóng”

Bước 1: Nhận dạng “điểm nóng” (nắm tình hình, phân tích nguyên nhân và nhận dạng mâu thuẫn).

- Nắm tình hình chính xác về các mặt: Số lượng quần chúng tham gia biểu tình, chống đối; thành phần

tham gia, đối tượng tham gia; hình thức tổ chức lực lượng... Họ nêu những yêu sách gì, những yêu sách ấy phải do cơ quan nào giải quyết? Ai là người cầm đầu, số lượng những người quá khích, có quan hệ và được sự chỉ đạo của các lực lượng phản động trong nước và ngoài nước hay không? Những âm mưu và thủ đoạn nào được sử dụng?

- Phương thức nắm tình hình: Có thể thông qua chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, dựa vào dân; bằng nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan công an và các cơ quan an ninh khác... Cần phải bám sát địa bàn, thông tin kịp thời những diễn biến về cơ quan tham mưu tổng hợp để lập ra những phương án xử lý.

- Tìm ra nguyên nhân: Trên cơ sở tổng hợp thông tin về nhiều mặt, người lãnh đạo, chỉ huy và bộ phận tham mưu tổng hợp phải đánh giá đúng nguyên nhân phát sinh “điểm nóng”.

- Đánh giá tình hình: Sau khi phân tích nguyên nhân cần xác định những mâu thuẫn xem “điểm nóng” đó chứa đựng mâu thuẫn đối kháng hay không đối kháng, mâu thuẫn giữa nội bộ nhân dân hay mâu thuẫn giữa ta và địch, mức độ của các mâu thuẫn và sự đan xen của các mâu thuẫn ấy.

- Đề ra quan điểm, cách thức xử lý “điểm nóng”: Trên cơ sở nhận dạng, xác định đúng mâu thuẫn mới

có căn cứ để định ra quan điểm, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo, phương thức giải quyết và tổ chức lực lượng thực hiện. Nếu như xác định sai mâu thuẫn thì toàn bộ nhận thức và hành động sẽ sai lầm, hậu họa sẽ không nhỏ, “điểm nóng” sẽ không được giải quyết mà còn bùng phát lớn hơn.

Bước 2: Áp dụng các biện pháp “hạ nhiệt”, “rút ngòi nổ” và ngăn chặn “điểm nóng” lây lan.

Bước này được ví như phải dập tắt một đám cháy sao cho nó không bùng phát lớn hơn, không lan sang nơi khác mà nguội dần đi. Các giải pháp hành động phải mau lẹ, chính xác; phải hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra.

Các giải pháp cụ thể bao gồm:

- *Thiết lập được sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu.*

- *Lựa chọn phương thức giải quyết: đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục hay trấn áp, hoặc kết hợp cả hai phương thức trên.*

Nếu dùng biện pháp đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục là chính thì lực lượng tham gia giải quyết cơ bản là chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Không nhất thiết phải huy động lực lượng công an và quân đội,

hoặc chỉ sử dụng một bộ phận nhỏ để hỗ trợ cùng các lực lượng khác nhằm làm công tác bảo vệ. Nếu dùng biện pháp trấn áp là chính thì công an, quân đội là lực lượng chủ công.

Nếu kết hợp cả hai biện pháp trên thì tùy theo điều kiện cụ thể mà tổ chức phối hợp các lực lượng. Điều quan trọng là phải có sự phân công và phối hợp giữa các lực lượng sao cho phát huy thế mạnh của từng lực lượng để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng - vũ khí sắc bén trong quá trình xử lý các “điểm nóng”, có thể giúp nhân dân phân định đúng, sai, định hướng dư luận xã hội để tập hợp lực lượng, cô lập đối phương... Cân chủ động thông tin, tính toán thời điểm, mức độ, liều lượng phù hợp.

- Sử dụng các biện pháp giải tán đám đông phù hợp.

Nếu những yêu sách của quần chúng là chính đáng thì có thể chấp nhận những yêu sách ấy và giải quyết kịp thời những vấn đề có thể giải quyết được. Những vấn đề chưa thể giải quyết ngay cần cam kết với quần chúng sẽ sớm đưa ra xem xét. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu làm như vậy, đám đông quần chúng sẽ tự giải tán.

Đưa cán bộ vào đám đông để vận động, lôi kéo những quần chúng tích cực, những người bị động, hùa theo; tách họ khỏi lực lượng cầm đầu quá khích; yêu cầu họ

trở về nơi làm việc hoặc nơi cư trú; đồng thời, nhận diện răn đe, cô lập những người quá khích cầm đầu.

Trong trường hợp nguy cấp có thể phải dùng đến sức mạnh của lực lượng công an, quân đội, buộc mọi người phải giải tán.

- *Sử dụng các đối sách đối với những người cầm đầu đám đông*.

Thương lượng với người đứng đầu nếu như người đó đại diện cho yêu sách chính đáng của đám đông quần chúng; cần có sự đề phòng cẩn thiết trong trường hợp họ không thực hiện cam kết.

Nếu người đứng đầu là những phần tử xấu, kích động quần chúng, gây nên bất ổn định, rối loạn xã hội thì có thể vạch trần thủ đoạn của họ để cho quần chúng nhận thức rõ đúng, sai (phải có đủ chứng lý để vạch tội, nếu không sẽ gây tác dụng ngược).

Trong trường hợp cần thiết có thể bắt giữ người đứng đầu (bắt giữ phải đúng lúc, đúng pháp luật, phải giải thích, tuyên truyền cho quần chúng thấy là cần thiết và đúng). Nếu như hữu khuynh, do dự, thiếu kiên quyết bắt giữ người đứng đầu trong trường hợp cần thiết thì tình hình có thể sẽ trở nên phức tạp hơn.

Trong trường hợp người đứng đầu là những phần tử phản động thì chỉ khi bắt được người đứng đầu mới có thể giải quyết được “điểm nóng”. Vấn đề quan trọng là

cần phải chọn những thời điểm thích hợp tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể.

Giải tán đám đông quần chúng và đối sách với người đứng đầu là hai giải pháp có quan hệ mật thiết với nhau. Người đứng đầu chỉ dựa vào đám đông quần chúng mới có sức mạnh, và ngược lại, đám đông chỉ có sức mạnh khi có tổ chức, có người đứng đầu. Nếu như chúng ta giải quyết tốt việc giải tán đám đông, tách quần chúng ra khỏi người đứng đầu thì có điều kiện đối sách với người đứng đầu. Ngược lại, khi có đối sách đúng với người đứng đầu thì lại có điều kiện để giải tán đám đông quần chúng. Thực chất ở đây là thể hiện mối quan hệ giáo dục tuyên truyền, thuyết phục với đám đông quần chúng và áp dụng những biện pháp chuyên chính khi cần thiết.

- *Chuẩn bị phương án xử lý tình huống xấu nhất có thể xảy ra, ngăn ngừa nguy cơ lây lan sang nơi khác.*

Cần phải chuẩn bị cả những phương án xử lý tình huống xấu nhất để khi xảy ra có thể ứng phó kịp thời, không bị rơi vào tình trạng bị động, lúng túng.

Kiềm chế không để cho “điểm nóng” bùng phát lớn và lan tỏa sang nơi khác. Có thể sử dụng lực lượng vũ trang yểm trợ khi cần thiết, để khu biệt “điểm nóng” với những vùng lân cận; tăng cường công tác tư tưởng, chăm lo giải quyết đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân ở vùng lân cận.

Một số lưu ý khi áp dụng phương thức, biện pháp giải quyết:

Đối với trường hợp nhân dân tụ tập đông người trái phép, biểu tình chống đối chính quyền thì không nên áp dụng ngay từ đầu những giải pháp cưỡng chế, trấn áp mà trước hết cần phải áp dụng giải pháp đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục, thương lượng...

Đối với trường hợp lực lượng phản động gây bạo loạn, chống đối chính quyền nhà nước, có thể dùng lực lượng công an, quân đội dập tắt ngay từ đầu lại là cần thiết.

Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải dựa vào dân. Khi giải quyết “điểm nóng”, việc làm phân hóa quần chúng để lôi cuốn được quần chúng về phía mình là rất quan trọng. Bởi vì chỉ khi tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đa số quần chúng thì chúng ta mới có thể giải quyết được “điểm nóng”.

Do vậy, cần phải kiên nhẫn, biết tin vào dân ngay cả khi họ ở trong trạng thái giận dữ, có những hành vi xúc phạm đến chúng ta. Cần phải đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục họ, kiềm chế bản thân và đặc biệt không được có những hành vi trả đũa tương ứng.

Bước 3: Khắc phục hậu quả khi “điểm nóng” được dập tắt.

- Trước hết, cần khắc phục những thiệt hại về người và của nếu có xảy ra. Những người bị thương phải được

cứu chữa, người bị chết phải được giải quyết hậu quả; các công trình phục vụ cho sản xuất, đời sống nếu bị hư hại phải được sửa chữa. Giải quyết tốt những công việc này mới tạo điều kiện ổn định xã hội.

- Phải đưa hoạt động cơ bản ở những nơi đã xảy ra “điểm nóng” trở lại với nhịp điệu bình thường trước đó. Nếu như đó là các nhà máy, xí nghiệp thì phải đưa sản xuất trở lại bình thường, công nhân trở lại làm việc. Nếu đó là trường học thì các lớp học phải được mở lại, học sinh đi học, thầy giáo lên lớp giảng bài... Trên cơ sở khôi phục các hoạt động cơ bản ấy mới có điều kiện ổn định các mặt khác.

- Phải phân định rõ đúng sai, xử lý đúng mức những người vi phạm trong khi nổ ra “điểm nóng”. Như vậy, công tác thanh tra phải được triển khai kịp thời, phải có kết luận rõ ràng, đúng với thực tế khách quan, được công bố công khai, có sự thảo luận, đối chứng, làm rõ đúng sai.

- Sau công tác thanh tra, cần tiến hành xử lý những người vi phạm (cả cán bộ mắc sai lầm và những người quá khích vi phạm pháp luật). Tùy theo mức độ vi phạm của từng người mà có thể có mức xử lý khác nhau từ hình thức kiểm điểm trước nhân dân, xử phạt hành chính, tới hình thức truy tố trước pháp luật.

+ Nếu như nguyên nhân của sự chống đối từ phía nhân dân là do cán bộ quan liêu, tham nhũng, mất

dân chủ thì trước hết phải xử lý nghiêm minh đối với cán bộ rồi sau đó mới xử lý những người do quá khích vi phạm pháp luật.

+ Trong trường hợp “điểm nóng” nổ ra do bọn phản động, kẻ xấu lợi dụng, kích động quần chúng thì khi xử lý cần phân tích rõ những hành vi gây rối của họ để cho mọi người thấy rõ đúng sai; mặt khác cũng phải thừa nhận những khiếm khuyết của cán bộ, của thể chế chính sách để kẻ xấu lợi dụng xuyên tạc và cần phải kịp thời sửa chữa những khiếm khuyết ấy.

- Đồng thời với quá trình thanh tra, xử lý là quá trình thanh lọc cán bộ phạm sai lầm, lựa chọn cán bộ thay thế, củng cố Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Khắc phục những thiệt hại về vật chất có thể nhìn thấy được đã là những công việc khó khăn, phức tạp, nhưng khắc phục những tổn thương về tư tưởng, tình cảm con người sau “điểm nóng” lại là vấn đề dai dẳng và phức tạp hơn nhiều. Giải quyết những vấn đề trên chỉ đem lại những kết quả tích cực khi thực hiện nhất quán các nguyên tắc: công khai, dân chủ, công minh theo đúng pháp luật và các chuẩn mực văn hóa, đạo đức. Trong quá trình xử lý, nếu có sự thiên vị, dung túng, bao che hoặc là xử quá nặng mặt này hoặc quá mức mặt kia thì khó có thể tạo được sự ổn định và sẽ để lại những hậu quả lâu dài cho xã hội.

Bước 4: Rút kinh nghiệm và ngăn ngừa “điểm nóng” tái phát.

- Đánh giá, rút kinh nghiệm ưu, nhược điểm, khả năng ứng phó và năng lực xử lý tình huống của lãnh đạo, chỉ huy; về hệ thống tổ chức quyền lực, cơ sở chính trị - xã hội trong quần chúng, những khiếm khuyết và bất cập của chính sách, thể chế và luật pháp nhà nước. Đánh giá cụ thể lực lượng phản động còn ẩn náu trong nhân dân hay không (nếu còn, thì số đã bộc lộ ra, số vẫn còn tiếp tục giấu mặt; khả năng hoạt động của các lực lượng ấy).

- Dự báo tình hình và áp dụng các giải pháp để “điểm nóng” không tái phát.

Trên cơ sở đánh giá các vấn đề một cách khách quan và cụ thể có thể dự báo tình hình xem “điểm nóng” có thể tái phát trở lại hay không? Mức độ tái phát ra sao? Xu hướng tái phát? Tái phát theo chiều hướng giảm dần hay ngày càng nghiêm trọng hơn? Cần phải áp dụng những giải pháp gì để “điểm nóng” không tái phát?

Để “điểm nóng” không tái phát cần áp dụng tổng hợp các giải pháp về kinh tế, chính trị, xã hội, nhưng cơ bản nhất vẫn là phát triển kinh tế và tạo dựng cơ sở chính trị trong nhân dân. Cần áp dụng các giải pháp an dân cả về vật chất và tinh thần.

3. Phòng ngừa sự phát sinh “điểm nóng”

a) Tăng cường công tác điều tra, dự báo, nắm bắt dư luận xã hội

Để phòng ngừa sự phát sinh của “điểm nóng” ở cơ sở thì các cấp ủy đảng, chính quyền trước hết phải coi trọng công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội vì đây là phương thức để nhân dân bày tỏ ý kiến, ý chí, tâm tư, nguyện vọng của mình. “Điểm nóng” phát sinh do nhiều nguyên nhân như “bệnh thành tích”, “lợi ích nhóm”, hình thức nắm bắt tâm trạng, tư tưởng nhân dân theo các phương pháp truyền thống ở một số nơi từ lâu đã không còn đáng tin cậy.

Công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội, nếu được thực hiện một cách khoa học, có thể nắm bắt trung thực tâm tư, nguyện vọng, ý chí, tư tưởng của các tầng lớp xã hội, đặc biệt là những bức xúc trước các việc làm sai trái, nhưng hết sức tinh vi, dưới các “vỏ bọc” đẹp đẽ “vì dân, vì nước” của các “nhóm lợi ích”. Nắm bắt dư luận xã hội giúp các cấp ủy đảng và chính quyền sớm phát hiện ra các tình huống “có vấn đề” để chủ động xử lý.

b) Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, tính dân chủ trong hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước và hệ thống chính trị

Mọi quyết định quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục..., đặc biệt là những quyết định về các

dự án có liên quan đến đất đai; khai thác tài nguyên, khoáng sản; các dự án có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái đều phải công khai cho dân biết. Khi các dự án này động chạm đến lợi ích của người dân, không chỉ cần lắng nghe mà còn cần phải tạo diễn đàn để người dân, báo chí, dư luận xã hội lên tiếng về sự đúng sai, phải trái, giúp cơ quan quản lý nhà nước có được đầy đủ thông tin trong đánh giá tác động và có thể xử lý đúng đắn.

Trước khi thông qua các dự án này cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội để nhân dân thấy rõ sự cần thiết của các dự án và sự cân nhắc kỹ lưỡng của chính quyền trong việc phê duyệt các dự án.

Tăng cường các hình thức tiếp dân, đối thoại với dân. Việc *đối thoại với người dân có thể thực hiện bằng cách chính thức hoặc không chính thức*. Tức là, đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là ở địa phương, những người gần gũi với cơ sở, có thể gặp gỡ quần chúng nhân dân tại các cuộc họp một cách chính thức, tọa đàm, trao đổi, trả lời theo cách hỏi - đáp với người dân. Mặt khác, đối với những vụ việc phức tạp, mang tính chất cá biệt (ví dụ có liên quan tới việc giải tỏa, đền bù, hay những vụ việc kiện cáo...) cán bộ các cấp cần gặp gỡ trực tiếp bên ngoài các cuộc họp, với tư cách một người “hòa giải

mâu thuẫn” hơn là một cán bộ cấp trên để lắng nghe người dân và cùng họ tìm cách khắc phục những mâu thuẫn, khó khăn.

c) *Hoàn thiện hệ thống pháp luật, không tạo ra kẽ hở để các “nhóm lợi ích”, các quan chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống lợi dụng*

Tăng cường các quy định pháp luật nhằm ngăn chặn và đẩy lùi sự phát triển của các “nhóm lợi ích”, sự lạm dụng quyền lực của các “quan tham”. Sự phát triển nghiêm trọng của tệ nạn tham nhũng, tình trạng “lợi ích nhóm” là sự phá hoại lớn nhất đối với niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Nếu không ngăn chặn và đẩy lùi được sự phát triển của tệ nạn tham nhũng, tình trạng “lợi ích nhóm”, các “điểm nóng” phi chính trị rất dễ chuyển hóa thành các “điểm nóng” mang màu sắc chính trị.

d) *Tăng cường công tác đấu tranh chống thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, hoạt động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động nhân dân tạo ra những “điểm nóng” của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị*

Tăng cường nắm bắt và phản bác có sức thuyết phục các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết ngăn chặn mọi hành vi chia rẽ khối đại đoàn kết toàn

dân tộc, kích động các mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, xuyên tạc chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

d) Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, quan tâm đến những người yếu thế trong xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tăng cường các chính sách hỗ trợ người nghèo, người yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội; thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội, phân tầng xã hội không hợp thức (do làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính gây nên).

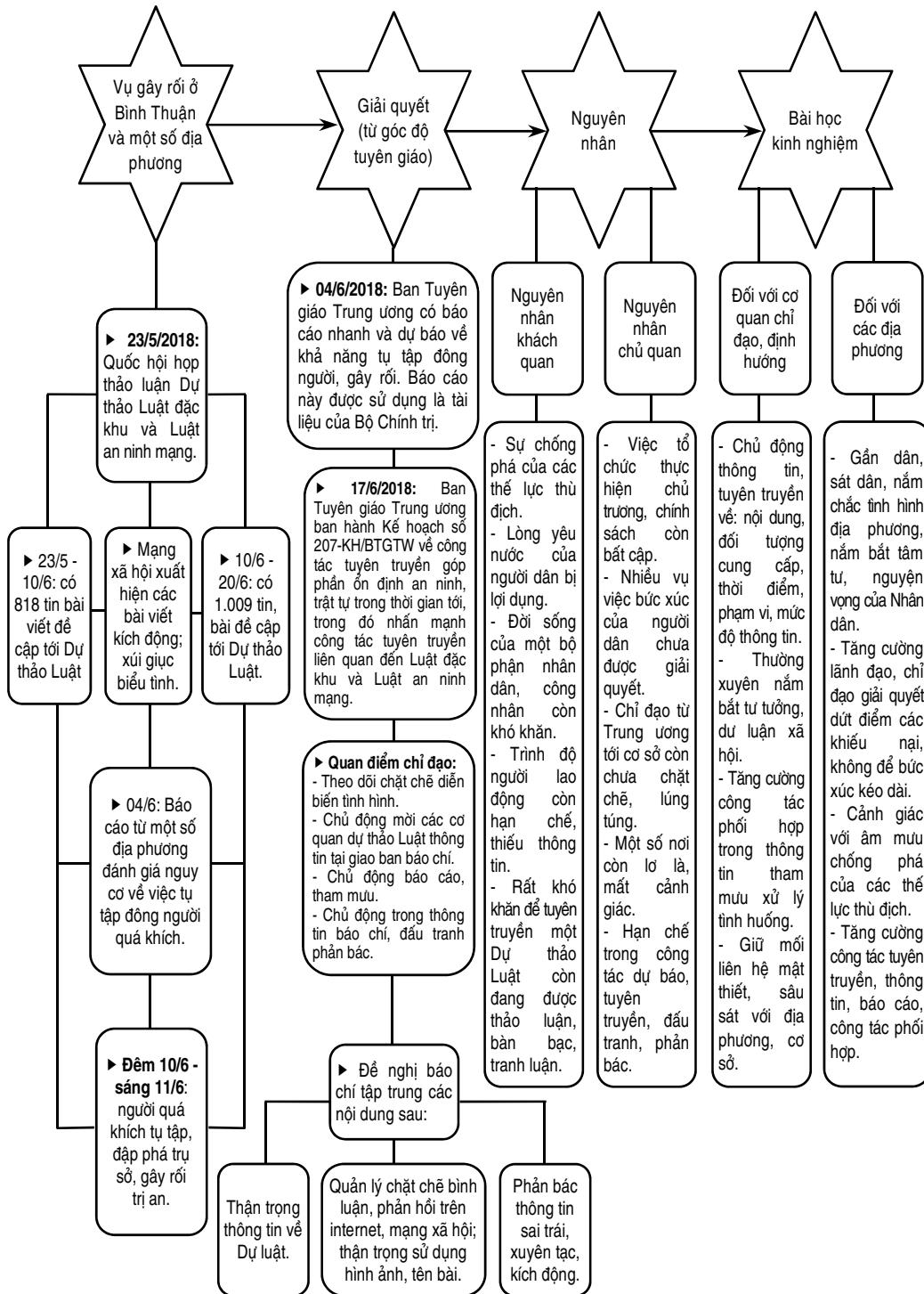
CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm dư luận xã hội, chức năng của dư luận xã hội và các phương pháp nắm bắt dư luận xã hội.

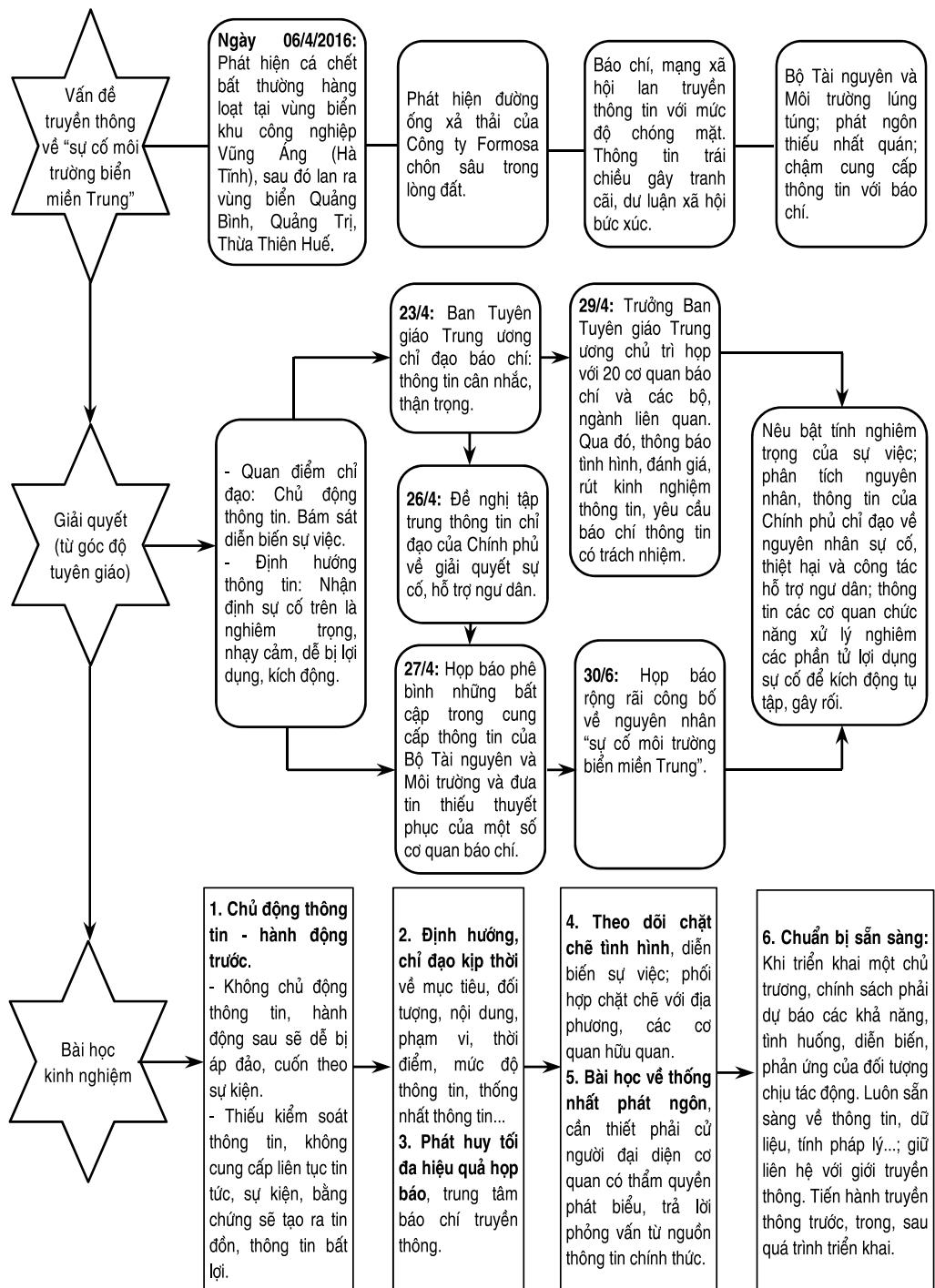
2. Thế nào là “tình huống có vấn đề” trong công tác tư tưởng? Những “tình huống có vấn đề” nào thường gặp trong công tác tư tưởng hiện nay?

3. Nhận thức của đồng chí về “điểm nóng”, “điểm nóng” chính trị và “điểm nóng” xã hội. Làm thế nào để phòng ngừa xảy ra “điểm nóng”? Khi xảy ra “điểm nóng” ở cơ sở, cần thực hiện những biện pháp nào?

**KINH NGHIỆM XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG
VÀ “ĐIỂM NÓNG” Ở CƠ SỞ TỪ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ**



**KINH NGHIỆM XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG
VÀ “ĐIỂM NÓNG” Ở CƠ SỞ TỪ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ**



Chuyên đề 6

CÔNG TÁC KHOA GIÁO Ở CƠ SỞ

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KHOA GIÁO Ở CƠ SỞ

1. Khái niệm

- Thuật ngữ *khoa giáo* là cách gọi tắt của hai lĩnh vực khoa học và giáo dục. Trong đó, khoa học gồm: khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, y học...; giáo dục phân theo cấp học gồm: mầm non, phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, trên đại học.

- *Công tác khoa giáo* của Đảng là lĩnh vực công tác nhằm tham mưu xây dựng chủ trương, quan điểm của Đảng về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, dân số, gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; đồng thời quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, đưa các quan điểm, chủ trương của Đảng vào cuộc sống; cổ vũ, thúc đẩy hệ thống chính trị và toàn xã hội tích cực, tự giác thực hiện các quan điểm, chủ trương đó.

Theo Quyết định số 144-QĐ/TW, ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương, các lĩnh vực công tác khoa giáo bao gồm: khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; công tác trí thức khoa học; công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân tài; công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển, gia đình và trẻ em; thể dục, thể thao¹.

Công tác khoa giáo của Đảng được thực hiện từ Trung ương đến cơ sở: Ban Tuyên giáo Trung ương có các vụ, đơn vị chuyên trách tham mưu công tác khoa giáo, Ban Tuyên giáo cấp tỉnh có phòng khoa giáo, Ban Tuyên giáo cấp huyện phân công cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ công tác khoa giáo; công tác khoa giáo ở cơ sở được giao cho cấp ủy cơ sở, cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác tuyên giáo thực hiện.

2. Vị trí, vai trò

Công tác khoa giáo gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, với đời sống tinh thần, trí tuệ và hạnh phúc

1. Quyết định số 144-QĐ/TW có sự thay đổi so với Quyết định số 113-QĐ/TW, ngày 09/7/2012 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đổi tên thành Vụ Khoa học và Công nghệ (không còn lĩnh vực môi trường); Vụ Các vấn đề xã hội không còn lĩnh vực an sinh xã hội,...

của con người - mục tiêu và động lực của sự nghiệp cách mạng.

- Công tác khoa giáo có vai trò quan trọng trong phát triển toàn diện con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

- Công tác khoa giáo giúp xây dựng nền tảng khoa học - công nghệ, bồi dưỡng nhân tài, phát triển đội ngũ trí thức, là khâu đột phá vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế tri thức.

- Công tác khoa giáo góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở: công tác khoa giáo tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả các hoạt động y tế, giáo dục, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, giải quyết các vấn đề môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu..., có ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống của Nhân dân, sự phát triển kinh tế - xã hội. Xã, phường, thị trấn là những đơn vị hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội cấp cơ sở. Ở từng xã, phường, thị trấn đều có các hoạt động toàn diện của công tác khoa giáo. Công tác khoa giáo được thực hiện tốt sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác khoa giáo góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Công tác khoa giáo chăm lo, phát huy nhân tố

con người, bảo vệ quyền con người (giáo dục, chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần...), đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội (công tác trẻ em, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...).

Như vậy, lĩnh vực khoa giáo có vai trò như những đòn bẩy tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế.

Sự nghiệp cách mạng càng phát triển, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng được mở rộng thì càng phải quan tâm phát triển mạnh các lĩnh vực khoa giáo. Xây dựng hệ thống cơ quan tham mưu về công tác khoa giáo của các cấp ủy là nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực khoa giáo.

3. Đặc điểm công tác khoa giáo ở cơ sở

- Công tác khoa giáo liên quan đến từng người, từng gia đình, từng tế bào của xã hội. Công tác khoa giáo được thực hiện hằng ngày, ở mỗi gia đình, do mỗi cá nhân và gia đình thực hiện như: công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...

- Công tác khoa giáo gồm những lĩnh vực quan trọng, thiết yếu, cơ bản nhất của cuộc sống, trong đó Đảng ta xác định giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, cho công tác dân số là đầu tư cho sự phát triển...

- Công tác khoa giáo luôn đòi hỏi một tầm nhìn, chiến lược dài hạn, song lại là công việc cần triển khai, theo dõi hằng ngày, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ để đạt được những mục tiêu chiến lược.

- Trên địa bàn xã, phường, đội ngũ trí thức bao gồm giáo viên, thầy thuốc... là lực lượng quan trọng giúp phổ biến kiến thức, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các mục tiêu về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dân số, gia đình và trẻ em, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân,...

4. Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu công tác khoa giáo ở cơ sở

- Tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực công tác khoa giáo.

- Xây dựng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Nắm bắt tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội trong thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác

khoa giáo, từ đó kịp thời tham mưu với cấp ủy làm tốt công tác tư tưởng, giải quyết các vấn đề bất cập, bức xúc liên quan đến các lĩnh vực công tác khoa giáo, không để xảy ra các “điểm nóng”, những sự việc tồn tại lâu, chậm khắc phục.

- Tham gia công tác xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ làm công tác khoa giáo, chú trọng công tác phối hợp giữa các lực lượng làm công tác khoa giáo ở cơ sở.

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác khoa giáo, tổng kết, rút kinh nghiệm để tham mưu với cấp ủy cấp trên những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khoa giáo tại cơ sở.

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC KHOA GIÁO CỦA ĐẢNG BỘ CƠ SỞ

1. Phương thức lãnh đạo

Đảng bộ cơ sở lãnh đạo các mặt công tác khoa giáo với bốn phương thức sau:

Một là, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo (nghị quyết, quyết định về kế hoạch, chương trình) của đảng bộ cơ sở về thực hiện công tác khoa giáo cũng như từng lĩnh vực trong công tác khoa giáo.

Ban Tuyên giáo hoặc đồng chí ủy viên ban thường vụ phụ trách phối hợp với các lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở xây dựng dự thảo văn bản lãnh đạo,

chỉ đạo, nhân sao và gửi cho các ban, ngành, đoàn thể có liên quan, nêu gợi ý, đề nghị góp ý kiến. Sau đó ban tập hợp các ý kiến, báo cáo với ban thường vụ để bàn, đưa ra đảng ủy thảo luận, ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về toàn bộ hay từng mặt công tác khoa giáo.

Trong nghị quyết văn bản lãnh đạo, chỉ đạo cần ghi rõ mục tiêu, kế hoạch, giải pháp... xác định rõ trách nhiệm, phân công cho từng tổ chức, ngành, đoàn thể trên từng công việc cụ thể. Sau đó đảng ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể bàn và đưa việc thực hiện nội dung nghị quyết vào chương trình công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của mình.

Hai là, đảng bộ lãnh đạo bằng cách chăm lo công tác tổ chức, cán bộ, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ ứng cử vào các cơ quan chính quyền, đề nghị bổ nhiệm vào các cương vị chủ chốt của các ngành thuộc khối khoa giáo. Thông qua vai trò của đảng viên trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể bảo đảm nghị quyết về công tác khoa giáo được thực hiện ở từng cộng đồng, đơn vị cơ sở.

Ba là, đảng bộ lãnh đạo bằng việc giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kịp thời uốn nắn các lệch lạc, sớm phát hiện ra các nhân tố mới, các cá nhân, tập thể, cộng đồng tiên tiến, tích cực... để phổ biến, nhân rộng điển hình nhằm nhanh chóng phát huy rộng rãi kinh nghiệm tốt, cách làm hay trong nhân dân.

Bốn là, đảng bộ lãnh đạo thông qua sự gương mẫu của từng đảng viên trong từng tổ chức, cộng đồng dân cư. Đảng viên gương mẫu thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khoa giáo; đồng thời vận động các gia đình, xóm, thôn, bản... cùng thực hiện. Đảng viên ở mọi cương vị công tác phải nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của quần chúng với tổ chức đảng ở cơ sở, đồng thời là người trực tiếp làm công tác định hướng tư tưởng cho quần chúng ở cơ sở.

2. Cơ chế lãnh đạo của đảng bộ cơ sở

Đảng bộ cơ sở lãnh đạo công tác khoa giáo thông qua hệ thống chính trị, xây dựng cơ chế phối hợp để huy động lực lượng toàn xã hội chăm lo công tác khoa giáo nói riêng và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung.

- Về mặt tổ chức.

Ở từng cơ sở có thể xây dựng hội đồng công tác khoa giáo, gồm các đồng chí cán bộ chủ chốt của cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể, bí thư đảng các cơ quan khoa giáo ở cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai nghị quyết của đảng bộ cơ sở về công tác khoa giáo.

+ Về mục tiêu, kế hoạch, biện pháp thực hiện: Sau khi có nghị quyết của cấp ủy, hội đồng họp để cụ thể

hóa việc thực hiện, xác định các mục tiêu, biện pháp và phân công trách nhiệm triển khai nghị quyết của đảng bộ. Từng thành viên trong hội đồng phải đưa các mục tiêu, giải pháp có liên quan vào chương trình, kế hoạch hằng năm, hằng quý, hằng tháng của đơn vị mình. Cụ thể là:

- + *Hội đồng nhân dân xã* đưa nội dung, nghị quyết của đảng bộ vào chương trình công tác của hội đồng để bàn, ra quyết định, tạo điều kiện và giám sát ủy ban nhân dân thực hiện.
- + *Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, quản lý, phối hợp điều hành công việc hằng ngày, giải quyết các điều kiện và chế độ, chính sách cụ thể để triển khai từng mặt công tác sau khi có quyết định của đảng bộ, của hội đồng nhân dân.*
- + *Các ngành trong khối khoa giáo* thực hiện công việc cụ thể theo chỉ đạo, hướng dẫn của ngành dọc, đồng thời thực hiện nghị quyết của cấp ủy địa phương, nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt công việc chuyên môn hằng ngày.
- + *Các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức, vận động đoàn viên, hội viên đóng góp về nhân lực, vật lực, tài lực. Chăm lo công việc trong chính gia đình mình, cơ sở mình; giám sát chính quyền thực hiện các nhiệm vụ và*

góp ý kiến với Đảng để làm tốt các mặt công tác khoa giáo ở địa phương.

- *Về lề lối làm việc.*

Hội đồng công tác khoa giáo tổ chức giao ban định kỳ để nắm bắt tình hình, đôn đốc, động viên, giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh, tạo điều kiện để công tác khoa giáo được triển khai đến từng làng, bản, thôn, áp và tới từng gia đình trong xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện, hội đồng thực hiện sự điều hòa, phối hợp các lực lượng và có kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (3 tháng, 6 tháng) nhằm phát hiện những kinh nghiệm hay, cách làm tốt và uốn nắn các lệch lạc để nghị quyết được triển khai ở từng cơ sở.

3. Một số hoạt động lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở

a) Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác khoa giáo trong tình hình mới

Cấp ủy cơ sở cần quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác khoa giáo theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Trung ương có liên quan, với các nội dung cơ bản sau:

- *Về công tác giáo dục và đào tạo.*

Tiếp tục đổi mới cơ bản và toàn diện các yếu tố của giáo dục và đào tạo theo hướng coi trọng phát triển

phẩm chất, năng lực của người học. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục và đào tạo, coi trọng quản lý chất lượng. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo; thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.

- *Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia:* Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia và

một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới¹.

- *Công tác quản lý và phát triển xã hội*: thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển, trong đó xác định rõ các quan điểm cơ bản về coi trọng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, vấn đề dân số và phát triển, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tăng cường công tác thể dục, thể thao nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam².

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.115-123.

Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.138.

b) Lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn

Tiếp tục quán triệt sâu sắc những quan điểm của Đảng, mục tiêu, giải pháp nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, cấp ủy đảng ở cơ sở cần lãnh đạo thực hiện công tác khoa giáo ở cơ sở chú trọng các nội dung chuyên môn sau:

- *Về giáo dục và đào tạo.*

Đảng bộ xã, phường cần tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các cơ sở giáo dục tại địa phương quán triệt, tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt ba mục tiêu của ngành giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đảng bộ lãnh đạo việc thực hiện kết hợp giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội; thực hiện xã hội hóa giáo dục, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học. Huy động sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội vào công tác giáo dục, khuyến khích phát triển các quỹ khuyến học của các tổ chức, dòng họ, gia đình; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất, giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đảng bộ lãnh đạo và xây dựng kế hoạch xóa mù chữ và chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và

tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho con em địa phương. Chỉ đạo tốt cuộc vận động toàn dân đưa trẻ đến trường.

- Về *khoa học và công nghệ*, cần tập trung vào một số hoạt động sau:

+ Tổ chức quán triệt sâu rộng để các tầng lớp nhân dân có nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tại các xã, khu vực nông nghiệp, nông thôn, cấp ủy lãnh đạo việc thực hiện các quá trình hình thành nền nông nghiệp hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng; xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý; tăng cường áp dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học; tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cơ bản hệ thống thủy lợi; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn...

+ Xây dựng chính sách, quy hoạch đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật; chọn và gửi con em địa phương đi đào tạo để phục vụ tại địa phương; có chính sách khuyến khích thu hút cán bộ khoa học là người địa phương về cơ sở công tác. Xây dựng đội ngũ các cộng tác viên khoa học. Thực hiện liên kết giữa địa phương với các cơ sở nghiên cứu khoa học đóng trên và gần địa bàn.

+ Hướng dẫn ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong sản xuất, tạo bước chuyển biến rõ rệt

về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, tăng nhanh thu nhập, tích lũy cho nông dân và người lao động. Phát triển mạnh ngành, nghề ở địa phương. Làm tốt việc bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và tiêu dùng, khai thác và sử dụng hợp lý các tiềm năng lao động đất đai, mặt nước, rừng, biển, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững và cung cấp nước sạch cho nhân dân.

+ Chú trọng đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, qua đó hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới, thông tin, phổ biến tri thức khoa học, nhất là ở các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, giúp bà con nông dân nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

+ Đổi mới khoa học xã hội, cần coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, pháp luật, truyền thống lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng của địa phương, giáo dục nhận thức về tình hình trong nước và quốc tế... cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông qua các hình thức tuyên truyền miệng, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể quần chúng... Xây dựng và phát huy tốt vai trò của bưu điện văn hóa xã. Gắn việc nâng cao trình độ lý luận với nâng cao giác ngộ và niềm tin, giáo dục bản lĩnh

chính trị, tinh thần trách nhiệm và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

- *Về chăm sóc sức khỏe nhân dân.*

Quan tâm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có đạo đức, năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế.

Củng cố tổ chức và hoạt động y tế cơ sở; tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. Đẩy mạnh và tổ chức tốt việc thực hiện các chương trình y tế quốc gia, công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch, trông và sử dụng thuốc nam, phát huy y học cổ truyền. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Chú ý chăm sóc sức khỏe cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người nghèo. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

- *Về dân số và phát triển.*

Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực dân số; thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới.

Lãnh đạo và chỉ đạo các ngành, các tổ chức ở cơ sở thực hiện chương trình dân số và phát triển theo các chương trình mục tiêu đã được đề ra, như tốc độ tăng dân số, quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Triển khai chương trình dân số và phát triển; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành vi và trách nhiệm của tổ chức đảng, của mỗi đảng viên và mỗi người dân đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- *Về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em:* tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, đặc biệt là các chủ trương và giải pháp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; thực hiện các mục tiêu, chương trình hành động, cam kết quốc tế về công tác trẻ em, đặc biệt là vấn đề bạo hành, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em đang có dấu hiệu gia tăng.

- Về thể dục, thể thao.

Nhiệm vụ của công tác thể dục, thể thao ở cơ sở là tạo ra phong trào tập thể dục và thể thao sôi nổi, rộng rãi và đều khắp, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam, góp phần hạn chế những tiêu cực, tệ nạn xã hội trong thanh, thiếu niên, phát triển con người toàn diện, có sức khỏe, có các phẩm chất trí tuệ, đạo đức, có cuộc sống hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đẩy mạnh chủ trương “xã hội hóa” các hoạt động thể dục, thể thao. Đảng bộ cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng những đường lối, quan điểm của Đảng về thể dục, thể thao, tổ chức hướng dẫn tập luyện thể dục, thể thao. Tập trung chỉ đạo hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, tạo ra phong trào luyện tập, rèn luyện thân thể thường xuyên trong các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đưa việc luyện tập thể dục, thể thao trở thành thói quen, nếp sống hằng ngày của mọi người dân.

Hình thành các điểm tập luyện, tổ chức các câu lạc bộ, chọn thanh thiếu niên, người cao tuổi làm nòng cốt. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu

thể dục, thể thao quần chúng, như các hội, nhóm, câu lạc bộ ở cơ sở. Giữ gìn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các hình thức và phương pháp rèn luyện thân thể cổ truyền. Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục, thể thao quần chúng.

c) Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng trong lĩnh vực khoa giáo

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng, đảng bộ cơ sở cần dựa vào phương hướng, nội dung nhiệm vụ công tác tư tưởng hằng năm của các cấp ủy đảng. Căn cứ vào đường lối, chủ trương của Đảng và yêu cầu của từng lĩnh vực công tác khoa giáo; căn cứ vào tình hình tư tưởng của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, giáo viên, y bác sĩ và của cán bộ, đảng viên, nhân dân trên địa bàn để quyết định phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp cụ thể tiến hành công tác tư tưởng trong từng thời kỳ. Đảng bộ cần quan tâm đến đội ngũ trí thức ở địa phương, động viên họ tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Trong các lĩnh vực, trước hết cần bảo đảm và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các tổ chức, đơn vị thuộc các lĩnh vực khoa giáo; đồng thời, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín, những người tích cực, cốt cán ở địa phương tham gia.

- Lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ.

Căn cứ vào tình hình, yêu cầu về tổ chức bộ máy và cán bộ cụ thể ở từng tổ chức thuộc các lĩnh vực khoa giáo ở địa phương, đảng ủy lãnh đạo phương hướng, biện pháp tiến hành công tác tổ chức, cán bộ của địa phương và tham gia với các ngành, các cấp trong việc bổ nhiệm, bố trí cán bộ cho các cơ sở khoa giáo ở địa phương.

Đảng bộ cơ sở có kế hoạch tạo nguồn cán bộ trong từng lĩnh vực công tác khoa giáo của địa phương. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, có trình độ chuyên sâu các lĩnh vực khoa giáo; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ này, ưu tiên nguồn nhân lực từ các cơ quan, đơn vị của địa phương, đồng thời có chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp có trình độ, năng lực phù hợp về công tác tại địa phương.

Đảng bộ cơ sở cần quan tâm đến việc xây dựng mạng lưới và hình thành đội ngũ cán bộ theo dõi các mặt công tác khoa giáo. Phân công một đồng chí thường vụ cấp ủy phụ trách công tác khoa giáo. Lãnh đạo chính quyền, các ngành, các tổ chức xã hội và nhân dân tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của từng lĩnh vực công tác khoa giáo.

- Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân trong khối khoa giáo.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của các đoàn thể nhân dân trong khối khoa giáo để xác định phương hướng,

biện pháp tiến hành công tác quần chúng cho phù hợp. Tăng cường lãnh đạo các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong các trường học, trạm y tế... nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn ở các cơ quan, đơn vị thuộc khối khoa giáo. Có cơ chế để huy động các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nông dân,...) cùng tham gia công tác khoa giáo.

Hằng năm, đảng bộ cơ sở có chương trình công tác quần chúng, có kế hoạch làm việc với lãnh đạo của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội để nghe báo cáo và định hướng chỉ đạo về phương hướng, nội dung, biện pháp hoạt động, đồng thời xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh trong từng tổ chức quần chúng thuộc các cơ quan trong khối khoa giáo.

- Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng.

Tăng cường công tác phát triển Đảng trong các cơ quan thuộc khối khoa giáo. Phân công, bố trí đảng viên có năng lực, uy tín lãnh đạo và tham mưu giúp cấp ủy về các lĩnh vực công tác khoa giáo. Đảng bộ cần có chủ trương, biện pháp cụ thể để kiện toàn ban tuyên giáo, chú trọng hơn đến bộ phận khoa giáo thuộc ban tuyên giáo, phân công cấp ủy viên theo dõi từng lĩnh vực của công tác khoa giáo.

III- MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC KHOA GIÁO Ở CƠ SỞ

1. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của cấp ủy về công tác khoa giáo

- Tổ chức lực lượng, xây dựng chương trình, kế hoạch.
 - + Bộ phận chỉ đạo: đồng chí phụ trách khoa giáo, đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách văn hóa - xã hội và đồng chí phụ trách ngành...
 - + Bộ phận thực hiện, khảo sát, điều tra... nghiên cứu, soạn thảo: ban tuyên giáo và bộ phận khoa giáo.
 - + Xây dựng chương trình, cách làm, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận...
 - + Giải quyết các điều kiện vật chất cho việc chuẩn bị dự thảo.
- Xây dựng đề cương dự thảo nghị quyết.
 - + Đề cương đánh giá sơ bộ thực trạng tình hình và nêu các phương án về mục tiêu, nội dung, biện pháp, bước đi, điều kiện cần thiết... để giải quyết vấn đề với các phương án khác nhau.
 - + Sao gửi văn bản dự thảo đến các ban, ngành, đoàn thể... có liên quan để lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo.
 - + Tập hợp ý kiến, báo cáo với thường vụ cấp ủy, cấp ủy họp bàn ra nghị quyết về toàn bộ hay từng lĩnh vực công tác khoa giáo.

2. Tổ chức hướng dẫn thực hiện

Sau khi nghị quyết được ban hành, cấp ủy hướng dẫn, tổ chức thực hiện nghị quyết, các bước tiến hành như sau:

Bước 1: Chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

- Nắm và phân loại đối tượng để có hình thức, phương pháp truyền đạt cho phù hợp.

- Nắm các thông tin về tình hình kinh tế, xã hội về các lĩnh vực khoa giáo có liên quan để gắn với việc truyền đạt nghị quyết.

- Chuẩn bị tài liệu: nghị quyết, đề cương dành cho báo cáo viên, phụ lục, hướng dẫn, câu hỏi, chương trình hành động...

- Phối hợp với các bộ phận thông tin đưa tin trên đài truyền thanh, bản tin, các hình thức thông tin khác của các đoàn thể, các hội...

- Báo cáo với cấp ủy về kế hoạch chuẩn bị triển khai.

Bước 2: Truyền đạt nghị quyết.

- Truyền đạt, quán triệt nghị quyết theo một đề cương thống nhất: dù ở đối tượng nào cũng cần nói gọn, rõ với mức độ khác nhau về lý do ra nghị quyết; mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của nghị quyết; nội dung nghị quyết: nghị quyết nhằm giải quyết vấn đề gì? cần làm gì? làm như thế nào? ai làm? ở đâu? thời gian nào? ai chịu trách nhiệm? phối hợp với ai? tổ chức nào thực hiện?...

- Thảo luận, quán triệt tinh thần, nội dung nghị quyết, có yêu cầu cụ thể đối với các đối tượng khác nhau khi thảo luận.

Bước 3: Xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Gắn với nội dung của nghị quyết là chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Vì vậy, chương trình hành động phải cụ thể, sát thực, mang tính thực tiễn cao.

Bước 4: Chỉ đạo thực hiện nghị quyết.

- Chọn địa bàn làm thí điểm rút kinh nghiệm, sau đó nhân rộng ra đại trà.

- Xây dựng điển hình, nhân tố mới: Trong quá trình triển khai cần giúp cấp ủy theo dõi, chỉ đạo kịp thời tìm và xây dựng đơn vị, cá nhân điển hình trong vận dụng nghị quyết vào thực tiễn địa phương. Việc làm này cần thực hiện nghiêm túc, khoa học, khách quan, tránh duy ý chí và có kế hoạch giúp đỡ các nhân tố điển hình phát triển đúng hướng, vững chắc, lâu dài.

- Sơ kết việc thực hiện nghị quyết nhằm phổ biến cách làm hay, kinh nghiệm tốt và kịp thời có chủ trương, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để việc thực hiện nghị quyết có hiệu quả cao.

3. Tuyên truyền thực hiện nghị quyết

- Tuyên truyền sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân làm cho mọi người nhận thức rõ vị trí, vai trò

quan trọng của công tác khoa giáo, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của đảng bộ các cấp và đảng bộ cơ sở về công tác khoa giáo.

- Xây dựng đề cương tuyên truyền, cổ động bám sát các nội dung, nhiệm vụ, yêu cầu, giải pháp về công tác khoa giáo được nêu trong nghị quyết.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện thực hiện công tác tuyên truyền, cổ động phù hợp với đối tượng, nội dung tuyên truyền, cổ động.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền, phổ biến trong đảng bộ, chi bộ, trong các tổ chức đoàn thể, các hội... Tuyên truyền trên các phương tiện dài truyền thanh, panô, áp phích, tờ rơi, bảng tin...

4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết

- Xác định vấn đề cần kiểm tra, mục tiêu, yêu cầu và địa bàn kiểm tra.

- Thành lập đoàn kiểm tra.

- Thông báo cho cơ sở, ban, ngành... được kiểm tra.

- Thu thập thông tin trước khi kiểm tra.

- Tiến hành kiểm tra: Tùy theo đối tượng, nội dung, mục đích, yêu cầu của kiểm tra để xác định hình thức kiểm tra phù hợp (kiểm tra trực tiếp hoặc gián tiếp).

- Phương pháp kiểm tra: Nghe báo cáo (báo cáo viết hay báo cáo miệng tại hội nghị) do các đồng chí có trách nhiệm chính trình bày, kết hợp với tọa đàm,

phỏng vấn, trò chuyện. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, sổ sách... phản ánh công việc của cơ quan, lãnh đạo, cá nhân, cơ sở; quan sát trực tiếp các công việc, hoạt động của đối tượng kiểm tra. Tham khảo ý kiến, nhận xét, đánh giá của các bộ phận, lĩnh vực có liên quan tới nội dung kiểm tra. Thăm dò dư luận từ nhiều phía. Ngoài ra có thể dùng phương pháp trắc nghiệm nếu thấy cần thiết.

Tất cả các phương pháp trên cần được vận dụng linh hoạt, tổng hợp, nhằm thu được các thông tin chính xác, trung thực, khách quan.

- Xử lý và tổng hợp thông tin: trong suốt quá trình kiểm tra từng nội dung, biện pháp, điều kiện... đều phải xử lý thông tin để rút ra kết luận từng vấn đề. Tổ chức cuộc họp nội bộ đoàn kiểm tra để thảo luận, đánh giá từng mặt, từng vấn đề và đánh giá toàn bộ để đi đến nhận định kết luận. Nếu vấn đề lớn có ý kiến trái ngược nhau phải tổ chức tọa đàm, trao đổi hoặc phải tiến hành hội thảo khoa học để đưa ra kết luận mang tính khách quan.

- Báo cáo kết luận đợt kiểm tra.

Báo cáo kết quả kiểm tra cần ngắn gọn, gửi cho cấp ủy và có thể gửi tới các đồng chí có trách nhiệm chính thuộc diện kiểm tra; bàn và thống nhất đối tượng được mời để thông báo nội dung báo cáo kết quả kiểm tra; báo cáo trong cuộc họp cần nói gọn, rõ nội dung, mục đích,

yêu cầu, hình thức, phương pháp tiến hành kiểm tra. Kết quả kiểm tra cần kết luận rõ ràng cái đúng, sai, vấn đề tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm... Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nêu gương tốt, phê phán cái xấu...

Trao đổi thảo luận công khai về nội dung báo cáo, nhất là đối với các phần có ý kiến khác nhau, các ý kiến bảo lưu và các kết luận trong báo cáo kiểm tra.

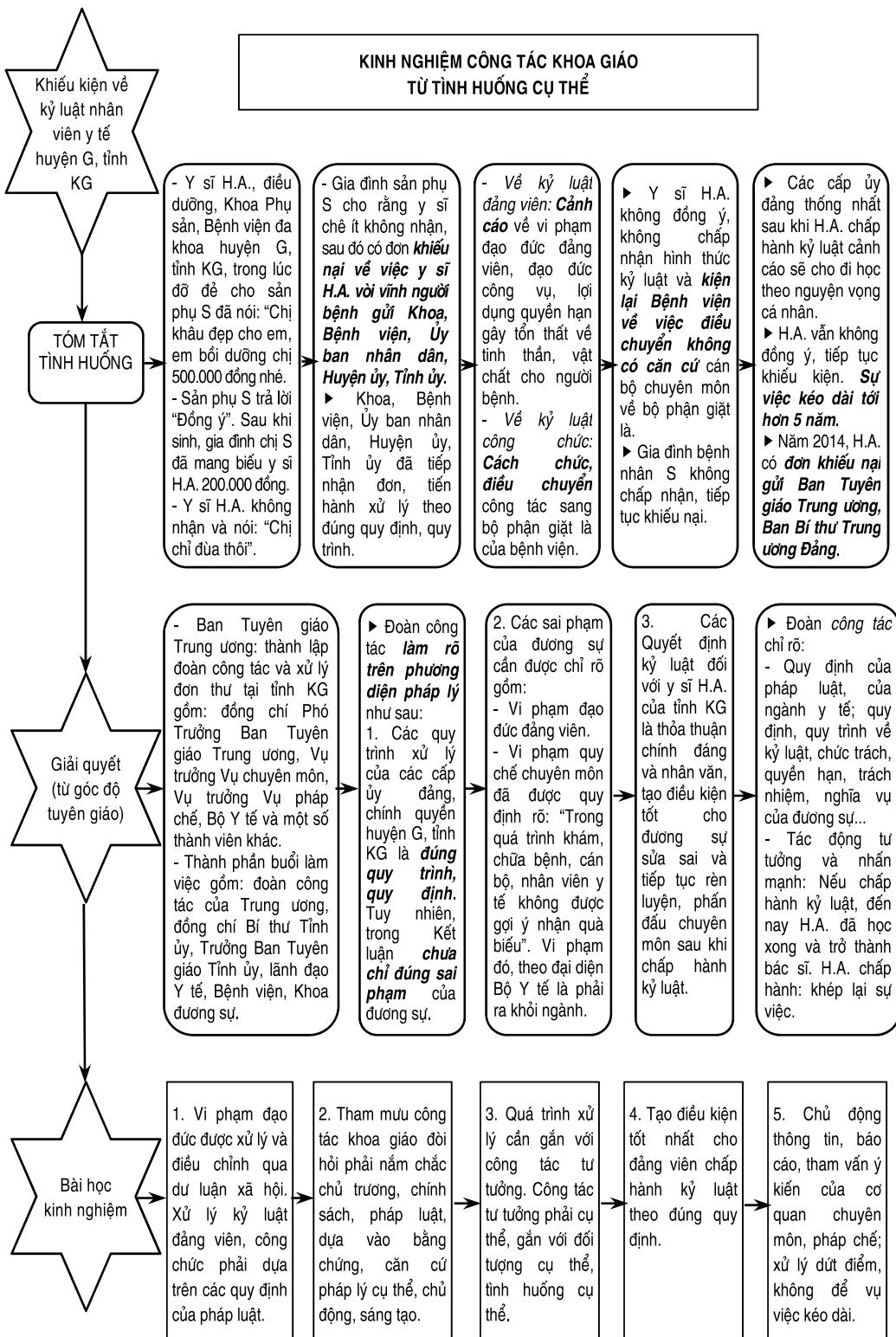
Tất cả các ý kiến thảo luận cũng như những kết luận cần được ghi biên bản và lưu trữ trong hồ sơ kiểm tra.

Sau khi kiểm tra lãnh đạo đoàn kiểm tra và ban tuyên giáo họp rút kinh nghiệm, thống nhất những vấn đề cần báo cáo và kiến nghị với cấp ủy.

Cần có kế hoạch theo dõi việc phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, động viên kịp thời các địa bàn được kiểm tra trong thời gian sau.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày những nhận thức chung về công tác khoa giáo ở cơ sở.
2. Hoạt động lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở gồm những nội dung gì?
3. Nêu những nghiệp vụ công tác khoa giáo ở cơ sở qua thực tiễn triển khai tại địa phương đồng chí.



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Chuyên đề 1</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ	7
I- Một số vấn đề lý luận	7
1. Các khái niệm cơ bản	7
2. Khái quát chung về công tác tuyên giáo ở cơ sở	13
II- Lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở	21
1. Ban tuyên giáo đảng ủy xã	21
2. Các lực lượng phối hợp tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở	25
3. Cách thức phối hợp giữa các lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở	25
III- Đẩy mạnh công tác tuyên giáo ở cơ sở trong tình hình mới	26
1. Tình hình công tác tuyên giáo ở cơ sở trong những năm qua	26

2. Bối cảnh, tình hình tác động đến công tác tuyên giáo ở cơ sở hiện nay	37
3. Một số định hướng đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới	41

Chuyên đề 2

CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở CƠ SỞ	49
--	----

I- Khái quát về công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở	49
1. Công tác giáo dục lý luận chính trị	49
2. Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở	62
II- Khái quát về công tác giáo dục truyền thống cách mạng và biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở	71
1. Công tác giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở	71
2. Công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở	75

Chuyên đề 3

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG Ở CƠ SỞ	85
---	----

I- Một số vấn đề chung về công tác tuyên truyền, cổ động	85
1. Khái niệm	85
2. Vai trò của công tác tuyên truyền, cổ động	90
3. Hình thức, phương tiện tuyên truyền, cổ động	92

4.	Nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động	94
5.	Phương châm của công tác tuyên truyền, cổ động	97
II-	Nội dung, nhiệm vụ và một số nghiệp vụ công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở	99
1.	Nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở	99
2.	Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở	101
3.	Một số nghiệp vụ tổ chức và hoạt động tuyên truyền, cổ động ở cơ sở	102

Chuyên đề 4
**CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ
 Ở CƠ SỞ** 117

I-	Một số vấn đề chung về công tác văn hóa, văn nghệ	117
1.	Một số khái niệm cơ bản	117
2.	Vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ	120
3.	Quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn hiện nay	126
II-	Một số vấn đề về công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở hiện nay	134
1.	Vị trí, vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	134

2.	Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	135
3.	Một số hoạt động cụ thể của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	140
4.	Một số định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	144
III-	Một số nội dung cần quan tâm khi tiến hành công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	146
1.	Đối với cấp ủy cơ sở	146
2.	Đối với chính quyền cơ sở	148
3.	Một số kinh nghiệm hoạt động của các cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở	150

Chuyên đề 5

NĂM BẮT DỰ LUẬN XÃ HỘI VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ, “ĐIỂM NÓNG” Ở CƠ SỞ	155
---	-----

I-	Khái quát chung về dư luận xã hội và năm bắt dư luận xã hội	155
1.	Một số khái niệm cơ bản	155
2.	Chức năng của dư luận xã hội	157
3.	Các yếu tố tác động đến chất lượng công tác nắm bắt dư luận xã hội	160
4.	Các phương pháp nắm dư luận xã hội	163
5.	Một số giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả nắm bắt dư luận xã hội ở cơ sở	172

II- Tình huống có vấn đề trong công tác tư tưởng và “điểm nóng” ở cơ sở	174
1. Tình huống có vấn đề trong công tác tư tưởng	174
2. “Điểm nóng”	179
III- Xử lý tình huống có vấn đề trong công tác tư tưởng và “điểm nóng” ở cơ sở	184
1. Nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong xử lý “tình huống có vấn đề” và “điểm nóng” ở cơ sở	184
2. Các bước xử lý “điểm nóng”	189
3. Phòng ngừa sự phát sinh “điểm nóng”	199
 <i>Chuyên đề 6</i>	
CÔNG TÁC KHOA GIÁO Ở CƠ SỞ	205
I- Một số vấn đề chung về công tác khoa giáo ở cơ sở	205
1. Khái niệm	205
2. Vị trí, vai trò	206
3. Đặc điểm công tác khoa giáo ở cơ sở	208
4. Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu công tác khoa giáo ở cơ sở	209
II- Một số vấn đề về lãnh đạo công tác khoa giáo của đảng bộ cơ sở	210
1. Phương thức lãnh đạo	210
2. Cơ chế lãnh đạo của đảng bộ cơ sở	212
3. Một số hoạt động lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở	214

III- Một số nghiệp vụ công tác khoa giáo ở cơ sở	226
1. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của cấp ủy về công tác khoa giáo	226
2. Tổ chức hướng dẫn thực hiện	227
3. Tuyên truyền thực hiện nghị quyết	228
4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết	229

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

**TÀI LIỆU THAM KHẢO BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC
CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ**

*

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TUYÊN TRUYỀN MIỆNG
(Dành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)**

*

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ MỚI
TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,
BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII**

ISBN 978-604-57-5469-6



9 786045 754696



8935279119882

Giá: 56.000đ